

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

□□

LOUNGFA KHANTIVONG

**BIẾN ĐỔI LỄ HỘI Ở LÀO: TỪ ĐỔI MỚI (1986)
QUA TRƯỜNG HỢP LỄ HỘI CÀU MÙA BUN
KHOUN KHOAN KHAO CỦA NGƯỜI PHU THAI,
HUYỆN SONGKHONE, TỈNH SAVANNAKHET**

LUẬN VĂN THẠC SĨ NHÂN HỌC

HÀ NỘI -

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

□□

LOUNGFA KHANTIVONG

**BIẾN ĐỔI LỄ HỘI Ở LÀO: TỪ ĐỔI MỚI (1986)
QUA TRƯỜNG HỢP LỄ HỘI CẦU MÙA BUN
KHOUN KHOAN KHAO CỦA NGƯỜI PHU THAI,
HUYỆN SONGKHONE, TỈNH SAVANNAKHET**

Chuyên ngành: Nhân học

Mã số: 831030201

LUẬN VĂN THẠC SĨ NHÂN HỌC

Chữ ký của Chủ tịch Hội đồng

Người hướng dẫn khoa học

PGS.TS NGUYỄN VĂN SỬU

TS. PHAN PHƯƠNG ANH

Hà Nội -

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả trong luận văn là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ một công trình nào khác. Các bảng biểu, số liệu được thu thập và phân tích dựa trên nguồn số liệu của các Cơ quan thống kê quốc gia, Chính quyền huyện Songkhone thuộc tỉnh Savannakhet, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Các nguồn tài liệu tham khảo được trích dẫn đầy đủ và trung thực.

Hà Nội, ngày tháng năm

Tác giả

LOUNGFA KHANTIVONG

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành Luận văn với đề tài **Biến đổi lễ hội ở Lào: Từ đổi mới (1986) qua trường hợp lễ hội Bun Khoun khoan khao của người Phu Thai, huyện Songkhone, tỉnh Savannakhet**, tôi xin được bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc nhất tới tất cả các cá nhân và tập thể đã tạo điều kiện giúp đỡ tác giả trong học tập và nghiên cứu.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn tới Ban Giám hiệu Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội cùng các thầy, cô giáo trong Khoa Nhân học và Phòng Đào tạo đã giúp đỡ và hỗ trợ tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Đặc biệt, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới TS. Phan Phương Anh, cô đã gợi mở những ý tưởng đầu tiên của luận văn và tận tình hướng dẫn, giúp đỡ tôi hoàn thành luận văn đúng với mục tiêu đề ra.

Qua đây, tôi cũng xin được gửi lời cảm ơn tới Chính quyền huyện Songkhone, tỉnh Savannakhet; các cô chú, anh chị em cũng như cộng đồng người Phu Thai đã tạo điều kiện thuận lợi giúp đỡ tôi trong suốt quá trình nghiên cứu thực hiện đề tài này tại địa phương.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Tác giả

LOUNGFA KHANTIVONG

MỤC LỤC

Trang

Lời cam đoan

Lời cảm ơn

Mục lục

Danh mục các từ viết tắt

Danh mục hình, bảng, biểu đồ

MỞ ĐẦU

9

Chương 1: CÁC VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

15

.....

1.1. Các vấn đề lý luận 15

 1.1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài 15

 1.1.2. Tiếp cận lý thuyết 22

1.2. Địa bàn nghiên cứu 25

 1.2.1. Khái quát về huyện Songkhone 25

 1.2.2. Khái quát về dân tộc Phu Thai 27

Chương 2: LỄ HỘI BUN KHOUN KHOAN KHAOTRỢC ĐỔI MỚI

(1986)..... 40

2.1. Một số vấn đề chung về lễ hội Bun Khoun Khoan Khaotrioc đổi mới 40

 2.1.1. Lịch sử hình thành lễ hội Bun Khoun Khoan Khaotrioc 40

 2.1.2. Mục đích tổ chức lễ hội 43

 2.1.3. Thời gian tổ chức 43

 2.1.4. Không gian, địa điểm tổ chức 44

2.2. Quá trình chuẩn bị lễ hội 46

 2.2.1. Phân công công việc 46

 2.2.2. Trang phục tham gia lễ hội 47

 2.2.3. Lễ vật dâng cúng 49

 2.2.4. Trang trí không gian lễ hội 51

2.3. Các nghi lễ chính 53

 2.3.1. Lễ thỉnh thần 53

 2.3.2. Lễ hiến tế 54

2.3.3. Sou kwan hay Baci – Buộc chỉ cổ tay	56
.....	
2.4. Phần hội	60
2.4.1. Diễn xướng dân gian	60
.....	
2.4.2. Âm thực lễ hội	62
.....	
2.5. Kiêng kỵ và vai trò của lễ hội Bun Khoun Khoan Khao	63
.....	
2.5.1. Kiêng kỵ trong lễ hội Bun Khoun Khoan Khao	63
.....	
2.5.2. Vai trò của lễ hội Khoun Khoan Khao	65
.....	
Chương 3: LỄ HỘI BUN KHOUN KHOAN KHAO	69
.....	
TỪ ĐỔI MỚI ĐẾN NAY	69
3.1. Bối cảnh thay đổi của nền kinh tế ở huyện Songkhone, tỉnh Savannakhet ..	69
3.2. Lễ hội Bun Khoun Khoan Khao của người Phu Thai tại bản Nakala, huyện Songkhone, tỉnh Savannakhet từ sau đổi mới	71
.....	
3.2.1. Biến đổi về mục đích tổ chức lễ hội	71
3.2.2. Biến đổi về chủ thể tổ chức lễ hội	72
3.2.3. Biến đổi về người tham gia lễ hội	73
3.2.4. Biến đổi về thời gian và địa điểm tổ chức	73
3.2.5. Biến đổi về quá trình chuẩn bị lễ hội.....	74
3.3. Lễ hội Bun Khoun Khoan Khao của người Phu Thai ở Viêng Chăn	79
3.3.1. Khái lược về cộng đồng người Phu Thai ở Viêng Chăn	79
3.3.2. Lễ hội Khoun Khoan Khao của người Phu Thai ở Viêng Chăn	80
Chương 4: NGUYÊN NHÂN, HỆ QUẢ CỦA CÁC BIẾN ĐỔI LỄ HỘI BUN KHOUN KHOAN KHAO VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH BẢO TỒN DI SẢN LỄ HỘI.....	88
4.1. Nguyên nhân của những của biến đổi lễ hội Bun Khoun Khoan Khao.....	88
4.1.1. Biến đổi lễ hội do tác động của kinh tế thị trường	88
4.1.2. Biến đổi lễ hội do chính sách quản lý lễ hội	92
4.1.3. Toàn cầu hoá, du lịch lễ hội và môi trường	94
4.2. Một số khuyến nghị chính sách bảo tồn di sản lễ hội Bun Khoun	

Khoan Khao95

.....

4.2.1. Xây dựng quy hoạch lễ hội Bun Khoun Khoan Khao	96
4.2.2. Xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, dịch vụ văn hóa tại bản Nakala	97
4.2.3. Tăng cường thông tin, tuyên truyền và giáo dục pháp luật, đồng thời quảng bá lễ hội	97
4.2.4. Công tác hỗ trợ và an ninh lễ hội	99
4.2.5. Nâng cao ý thức khi tham gia lễ hội truyền thống của người dân	99
KẾT LUẬN	101
TÀI LIỆU THAM KHẢO	104
PHỤ LỤC 2. MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ NGƯỜI PHU THAI VÀ LỄ HỘI BUN KHOUN KHOAN KHAO	1

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Chữ	viết tắt	Cụm từ đầy đủ
ASEA		Association of Southeast Asian Nations <i>Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á</i>
CHDCND		Cộng hoà Dân chủ Nhân dân
GDP		Gross Domestic Product <i>Tổng sản phẩm quốc nội</i>
Nxb		Nhà xuất bản
USD		United States dollar <i>Đồng đô la Mỹ</i>

DANH MỤC HÌNH, BẢNG, BIỂU ĐỒ

TT	Số hiệu	Tên Hình, Bảng	Số trang
1	Hình 1.1	Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của tỉnh Songkhone	26
2	Hình 1.2	Sự phân bố của người Phu Thai tại Lào và Thái Lan	33

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân (CHDCND) Lào là một quốc gia đa dân tộc. Theo thống kê năm 2018, Lào có 50 dân tộc anh em cùng chung sống với những nét văn hóa đặc trưng tạo nên một nền văn hóa phong phú, đa dạng đậm đà bản sắc dân tộc. Trong đó, người Phu Thai là tộc người bản địa thuộc nhóm ngôn ngữ Lào – Thái có số dân đông thứ hai trong cấu trúc tộc người ở Lào, sinh sống tại miền Trung và Nam Lào, một bộ phận cư trú ở miền Bắc Lào mới di chuyển từ Việt Nam sang. Đời sống của người dân Phu Thai trước đổi mới chủ yếu theo hình thức du canh, du cư.

Kể từ sau khi đổi mới (năm 1986), nhà nước Lào thực hiện chính sách mở cửa và đặt ra nhiều chủ trương chính sách mới, trong đó có chính sách định canh định cư. Chính sách này đã làm cho cuộc sống của người Phu Thai có những chuyển biến lớn trên mọi lĩnh vực. Hiện nay đời sống của người Phu Thai huyện Songkhone ổn định hơn xưa, sinh kế chủ yếu vẫn là nghề trồng lúa nước, trồng cây, chăn nuôi, dệt vải... Hoạt động kinh tế của người Phu Thai đã góp phần vào việc phát triển kinh tế của huyện Songkhone cũng như kinh tế của tỉnh Savannakhet.

Đối với cư dân nông nghiệp nói chung và người Phu Thai nói riêng, nông nghiệp là sinh kế chủ yếu của họ, do đó các nghi lễ gắn liền với sự sinh trưởng và phát triển của cây lúa từ lúc gieo trồng tới khi thu hoạch có ý nghĩa rất quan trọng, được hình thành từ lâu đời và được thực hành trong đời sống của người dân một cách thường xuyên. Người Phu Thai ngày nay vẫn duy trì thực hành lễ hội sau khi thu hoạch lúa với tên gọi Bun Khoun Khoan Khao. Đây là nghi lễ cộng đồng quan trọng nhất để cầu mong một mùa màng bội thu trong năm. Nét độc đáo của lễ hội này đã minh chứng rằng mặc dù dân tộc

Phu Thai sinh sống cùng với người Lào nhưng họ vẫn giữ được về văn hóa đặc trưng riêng biệt của mình.

Ngày nay, lễ hội Khoun Khoan Khaonày vẫn được duy trì trong đời sống cộng đồng của người Phu Thai, tuy nhiên đã có sự chuyển hóa từ thời kỳ đổi mới của CHDCND Lào do tác động của kinh tế thị trường, quá trình công nghiệp và toàn cầu hóa. Vì những lý do trên tác giả đã quyết định chọn đề tài

Biến đổi lễ hội ở Lào: Từ đổi mới (1986) qua trường hợp lễ hội cầu mùa Bun Khoun khoan khao của người Phu Thai, huyện Songkhone, tỉnh Savannakhet làm đề tài luận văn thạc sĩ.

2. Mục tiêu nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu

** Mục tiêu nghiên cứu:*

Mục tiêu của Luận văn là tìm hiểu về lễ hội Bun Khoun Khoan Khao của người Phu Thai huyện Songkhone, tỉnh Savannakhet trước năm 1986 và những biến đổi của lễ hội này từ năm 1986 đến nay. Từ đó, luận văn đưa ra các quan điểm lý giải đa chiều và những yếu tố dẫn đến sự biến đổi của lễ hội như kinh tế thị trường, du lịch, môi trường, chính sách quản lý lễ hội tới người Phu Thai nói riêng và cộng đồng các dân tộc Lào nói riêng.

** Nhiệm vụ nghiên cứu:*

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu này, luận văn phải thực hiện những nhiệm vụ nghiên cứu sau:

- Phác họa lễ hội Bun Khoun Khoan Khao của người Phu Thai huyện Songkhone, tỉnh Savannakhet trước đổi mới (1986);

- Miêu tả những biến đổi của lễ hội Bun Khoun Khoan Khao của người Phu Thai huyện Songkhone, tỉnh Savannakhet và của người Phu Thai ở thủ đô Viêng Chăn từ sau năm 1986 đến nay.

- Đề xuất giải pháp thúc đẩy tác động tích cực và hạn chế tác động tiêu cực tới sự biến đổi lễ hội mừng lúa mới của người Phu Thai ở huyện Songkhone, tỉnh Savannakhet.

3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

* Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là những biến đổi của lễ hội Bun Khoun Khoan Khao kể từ sau thời kỳ đổi mới (1986) của CHDCND Lào.

* Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về không gian:

+Nghiên cứu tại bản Nakala, huyện Songkhone, tỉnh Savannakhet. Đây là một bản có số lượng người Phu Thai tập trung đông đúc tại tỉnh

+Nghiên cứu thực hành lễ hội Bun Khoun Khoan Khao tại một số hộ người Phu Thai từ huyện Songkhone di cư đến sống ở thủ đô Viêng Chăn.

- Phạm vi về thời gian:

+Nghiên cứu lịch sử lễ hội Bun Khoun Khoan Khao thông qua phỏng vấn hồi cố để làm điểm tựa so sánh cho những biến đổi từ năm 1986 đến nay.

+Quan sát và phân tích thực hành lễ hội Bun Khoun Khoan Khao hiện nay để đối chiếu so sánh và tìm ra những biến đổi quan trọng của lễ hội.

4. Câu hỏi nghiên cứu:

Câu hỏi nghiên cứu chính: Lễ hội Bun Khoun Khoan Khao đã biến đổi như thế nào từ đổi mới đến nay?

Câu hỏi nghiên cứu phụ:

- Trước đổi mới, lễ hội Bun Khoun Khoan Khao được thực hành như thế nào?

- Kể từ đổi mới đến nay, lễ hội Bun Khoun Khoan Khao đã thay đổi như thế nào?

- Những yếu tố nào đã ảnh hưởng đến các yếu tố trong thực hành lễ hội từ sau khi đổi mới? Tại sao?

- Những giải pháp nào để hạn chế tác động tiêu cực làm biến dạng lễ hội mừng lúa mới truyền thống của người Phu Thai tại huyện Songkhone, tỉnh Savannakhet?

5. Phương pháp nghiên cứu:

(1) *Nghiên cứu tài liệu:* các công trình khoa học như sách, báo, tạp chí khoa học đã được công bố bằng tiếng Việt, tiếng Lào, tiếng Thái Lan và tiếng

Anh liên quan đề tài nghiên cứu; các tài liệu thu thập tại địa phương như ghi chép của người đồng bào bằng ngôn ngữ cổ.

(2) *Quan sát tham gia:*

Người viết thực hiện việc quan sát bằng cách trực tiếp tham gia lễ hội Bun Khoun Khoan Khao được tổ chức vào tháng 2 dương lịch năm 2020 của người Phu Thai ở làng Nakala, huyện Songkhone, tỉnh Savannakhet. Lễ hội diễn ra trong vòng 2 ngày là ngày 26 và ngày 27 tháng 01 năm 2020. Sau đó, tác giả có trực tiếp tham gia vào lễ hội Bun Khoun Khoan Khao được tổ chức muộn hơn, vào ngày mừng 8 tháng 02 năm 2020, tại nhà một số hộ dân ở bản Nakala đã rời bản di cư đến Viêng Chăn để có thể so sánh những sự biến đổi theo thời gian và không gian.

Mức độ tham gia mà người viết sử dụng là tham gia tích cực, cụ thể là: Sinh hoạt tại nhà của người Phu Thai tại bản Nakala, huyện Songkhone, tỉnh Savannakhet và ở Viêng Chăn, cùng họ chuẩn bị nghi lễ và thực hành các nghi lễ của lễ hội. Phương pháp này giúp người viết so sánh việc tổ chức lễ hội Bun Khoun Khoan Khao của người Phu Thai ở bản Nakala và của người Phu Thai di cư đến Viêng Chăn, có gì giống và khác nhau, lý giải nguyên nhân của sự khác nhau đó.

(3) *Phỏng vấn bán cấu trúc*: được sử dụng nhằm thu thập thông tin về thực trạng lễ hội Bun Khoun Khoan Khao trước và sau năm 1986 để nhận thức sự biến đổi của lễ hội, những yếu tố ảnh hưởng đến cách thực hành lễ hội và lý giải nguyên nhân.

Cụ thể, tác giả sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu và phỏng vấn hồi cố 5 người cao tuổi trong làng có hiểu biết sâu về lễ hội này. Danh mục câu hỏi được xây dựng giúp đánh giá được vấn đề biến đổi lễ hội Bun Khoun khoan khao từ góc độ tiếp cận của người dân Phu Thai (Xem phụ lục 1).

Thời gian thực hiện phương pháp nghiên cứu này được tiến hành trước, sau và trong thời gian diễn ra lễ hội.

(4) *Kỹ thuật chụp ảnh*: nhằm hỗ trợ cho việc thu thập tài liệu và sử dụng tài liệu chọn lọc để minh họa cho các luận điểm của Luận văn. Hoạt động này được thực hiện trong thời gian diễn ra dân tộc học tại bản Nakala,

huyện Songkhone, tỉnh Savannakhet và Viêng Chăn vào thời gian diễn ra lễ hội năm 2020. Ngoài ra, tác giả còn thu thập nhiều dữ liệu hình ảnh về lễ hội từ các gia đình người Phu Thai ở điểm nghiên cứu ở Savanakhet và Viêng Chăn.

6. Ý nghĩa của đề tài

Với đề tài ***Biến đổi lễ hội ở Lào: Từ đổi mới (1986) qua trường hợp lễ hội cầu mùa Bun Khoun khoan khao của người Phu Thai, huyện Songkhone, tỉnh Savannakhet***, người viết hy vọng kết quả của luận văn này sẽ góp phần cung cấp tài liệu một cách có hệ thống về những biến đổi trong việc thực hành một lễ hội truyền thống của người Phu Thai, qua đó trả lời cho câu hỏi toàn cầu hoá và kinh tế thị trường ảnh hưởng như thế nào đến di sản phi vật thể của các tộc người thiểu số.

7. Bố cục của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận văn được chia thành:

Chương 1: Các vấn đề lý luận và địa bàn nghiên cứu.

Chương 2: Lễ hội Bun Khoun Khoan Khao trước đổi mới (1986).

Chương 3: Lễ hội Bun Khoun Khoan Khao từ đổi mới đến nay.

Chương 4: Nguyên nhân của các biến đổi lễ hội Bun Khoun Khoan Khao và một số khuyến nghị chính sách bảo tồn di sản lễ hội.

Chương 1: CÁC VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

1.1. Các vấn đề lý luận

1.1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài

Các công trình nghiên cứu quốc tế:

Có thể khẳng định rằng không có một quốc gia nào lại không có lễ hội. Đối với quốc gia châu Á cũng như ở các vùng khác trên thế giới, lễ hội là dịp quan trọng để thực hiện các nghi lễ dân gian, gắn với văn hóa tâm linh đặc trưng của từng dân tộc, vùng miền, với nhiều ý nghĩa quan trọng. Đây cũng là dịp để người dân cùng tụ họp với nhau, cùng vui chơi và giải trí sau khoảng thời gian lao động vất vả. Chính vì vậy, mỗi lễ hội phản ánh một cách chân thực nhất những thành phần trực tiếp chi phối đời sống của người dân nơi lễ hội được tổ chức. Hay nói cách khác, nghiên cứu về lễ hội truyền thống cũng là một cách tiếp cận rất tốt và đa chiều về cuộc sống và con người bản địa ở mỗi vùng đất.

Cho tới nay, chưa có một công trình nghiên cứu quốc tế nào về lễ hội Bun Khoun khoan khao của người Phu Thai. Các lễ hội truyền thống của Lào được nghiên cứu chủ yếu là các lễ hội lớn và nổi tiếng, thường gắn liền với đạo Phật như lễ hội té nước Bunpimay, lễ hội cầu mưa Bun Bangfai, lễ hội măn chay Okphansa, lễ hội Thạt Luồng

Cuốn *Laos*(1989) của tác giả Judith Diamond đã đưa ra một bức tranh tổng quan về đất nước - con người Lào tại thời điểm trước đổi mới, bao trùm lên các thành tố địa lý, lịch sử, chính trị, kinh tế, môi trường, tôn giáo và các lễ hội truyền thống. Các lễ hội truyền thống được mô tả ngắn gọn về thời gian, địa điểm và các đặc trưng chi phối bởi cuộc sống của con người bản địa. Ủy ban Văn hóa và Thông tin ASEAN trong cuốn *Traditional Festivals of ASEAN* xuất bản năm 2003 đã trình bày những nét đặc trưng nhất và khá đầy đủ về các lễ hội truyền thống của Lào. Trong một phạm vi nhất định, các tác

giả cũng đã có sự so sánh để thấy được nét tương đồng trong văn hóa cho thấy điểm chung về lịch sử, nguồn gốc lễ hội cũng như những nghi thức tín ngưỡng của các nước Đông Nam Á; trong cuốn *Buddhist Funeral Cultures of Southeast Asia and China* (Williams và Ladwig, 2012), các tác giả đã đưa ra những nghiên cứu của mình về văn hóa đạo Phật, và tác động của đạo Phật tới đời sống văn hóa tâm linh của các dân tộc tại vùng Đông Nam Á và Trung Quốc, trong đó có các lễ hội truyền thống tại Lào. Trong cuốn sách này, các tác giả cũng đưa ra cách lý giải về mối quan hệ giữa nghi thức liên quan tới văn hóa lúa nước và đạo Phật, những yếu tố chi phối tới tâm linh đã ăn sâu vào tâm thức của những con người nơi đây.

Trong quá trình nghiên cứu và tìm hiểu, người viết thấy nổi bật hai cuốn sách chuyên khảo về người Phu Thai, trong đó có đề cập tới các nét đặc trưng về tôn giáo, văn hóa của người Phu Thai là luận án tiến sĩ của Anthony Thomas Kirsch (1967) mang tựa đề *Phu Thai Religious Syncretism: A case Study of Thai Religion and Society* và công trình *Heritage and Identity in Contemporary Thailand: Memory, Place and Power* của tác giả King (2017). Công trình của Kirsch được coi là tác phẩm kinh điển và chi tiết nhất về người Phu Thai, là cơ sở học thuật mà bất cứ các công trình nghiên cứu sau này về người Phu Thai đều phải tham khảo. Một mặt, vì khả năng ngôn ngữ hạn chế nên trong Luận văn, các tài liệu tham khảo của người viết không trực tiếp được tiếp cận với nguồn này mà chỉ thông qua các nguồn thông tin gián tiếp.

Một lý do nữa là đối tượng nghiên cứu của hai công trình trên là người Phu Thai tại quốc gia Thái Lan. Mặc dù không thể phủ nhận người Phu Thai tại Thái Lan và người Phu Thai tại Lào có nhiều nét tương đồng về văn hóa, đời sống và ngôn ngữ nhưng do khác biệt về khu vực địa lý nên những kết

quả nghiên cứu không thể áp dụng đồng thời với người Phu Thai tại Lào. Tuy nhiên, đây là những kết quả nghiên cứu có giá trị tham khảo quan trọng.

Riêng đối với người Phu Thai tại Lào, những tài liệu được tìm thấy rời rạc và lỏng ghép trong các công trình nghiên cứu về nghề dệt và ngôn ngữ Phu Thai. Tác giả Schliesinger(2003), trong cuốn *Ethnic groups of Laos* đã phác họa bức tranh về cuộc sống và con người của các dân tộc tại Lào, trong đó có nhóm dân tộc Phu Thai. Trong cuốn sách này, các câu chuyện truyền thuyết về lịch sử tộc người và những nét cơ bản trong đời sống của người Phu Thai đã được khắc họa. Chọn cách tiếp cận từ nghề dệt thủ công của người Phu Thai, McIntosh, trong cuốn *Textiles of the Phu Thai of Laos*(2009) đã cung cấp những thông tin chân thực nhất về con người và cuộc sống hàng ngày của người Phu Thai tại tỉnh Savannakhet, Lào qua phương pháp nghiên cứu điền dã. Nghiên cứu của Pacquement (2015) mang tiêu đề *Languages in contact: the case of Phu Thai* tập trung vào lĩnh vực ngôn ngữ của người Phu Thai, lịch sử hình thành và các yếu tố chi phối, tác động tới sự giao thoa sau này trong ngôn ngữ của người Phu Thai, trong đó các yếu tố lịch sử và văn hóa được tác giả đề cập đến cũng là một nguồn tài liệu quý giá cho những nghiên cứu sau này.

Như vậy, cho tới nay vẫn chưa có một công trình của học giả quốc tế nào nghiên cứu về lễ hội Bun Khoun khoan khao của người Phu Thai. Tuy nhiên, những kết quả nghiên cứu của các công trình trên có giá trị tham khảo rất lớn để người viết triển khai tìm hiểu và thực hiện các nội dung nghiên cứu trong luận văn.

Các công trình nghiên cứu tại Việt Nam:

Lễ hội truyền thống đóng vai trò rất quan trọng trong đời sống văn hóa và tinh thần của người dân tộc Việt Nam, thể hiện sức mạnh cộng đồng, bảo tồn và gìn giữ những nét đẹp trong lịch sử. Tôi không tìm thấy một công trình

nào của nhà nghiên cứu Việt Nam về lễ hội mừng lúa mới của người Phu Thai, song những kết quả nghiên cứu của các học giả Việt Nam về lễ hội truyền thống nói chung, lễ cầu mùa và lễ hội mừng lúa (cơm) mới của các dân tộc thiểu số tại Việt Nam nói riêng là những kết quả nghiên cứu quan trọng cần được kế thừa. Công trình nghiên cứu tiêu biểu của các học giả Việt Nam về lễ hội cổ truyền phải kể tới là *Lễ hội cổ truyền của Viện Văn hóa Dân gian* của nhiều tác giả (Nhà xuất bản Khoa học và Xã hội 1992), đề cập tới các vấn đề lễ hội trong đời sống tinh thần, môi trường tự nhiên, xã hội liên quan đến quá trình hình thành lễ hội nhờ yếu tố lịch sử, cơ cấu, phân loại, các biểu hiện và giá trị của hội làng của người Việt đồng bằng Bắc Bộ.

Trong số các nghiên cứu về lễ hội truyền thống của Việt Nam không thể không nhắc tới cây đại thụ trong lĩnh vực nghiên cứu về dân tộc học là Giáo sư Phạm Hữu Dật. Ông đã để lại nhiều công trình có giá trị lớn như *Văn hóa – lễ hội của các dân tộc ở Đông Nam Á* (Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc 1992) đề cập tới lễ hội các dân tộc ở Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan, Miến Điện, Indonexia, Philipin, Singapor và Malayxia; *Lễ cầu mùa của các dân tộc Việt Nam*” (Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc 1993) là một nghiên cứu chuyên sâu về lễ hội cầu mùa của người Kinh, các dân tộc vùng Việt Bắc, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, Trường Sơn – Tây nguyên của Việt Nam. Tác giả đã so sánh và lý giải các tập quán dựa trên các yếu tố đặc trưng của vùng miền và yếu tố lịch sử. Cuốn sách chuyên khảo này về lễ hội cầu mùa có giá trị tham khảo quan trọng để so sánh trong mối tương quan với đặc trưng trong lễ hội Bun Khoun Khoan Khao của người Phu Thai tại Lào.

Bên cạnh đó, cuốn *Những tương đồng giữa các lễ hội cổ truyền Đông Nam Á* của tác giả Trần Bình Minh (2000) cũng đã cung cấp những thông tin quý báu về bức tranh lễ hội cổ truyền của các dân tộc tại các quốc gia Đông Nam Á như Lào, Việt Nam, Campuchia, có sự so sánh và những phân tích lý

giải về sợi dây liên kết và giao thoa văn hóa. Cũng trên góc độ tiếp cận so sánh, nhóm tác giả Hoàng Hải Hà và Trần Thị Vinh, trong bài viết *Lễ hội cổ truyền ở một số quốc gia Đông Nam Á: Những điểm tương đồng và khác biệt* (đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 3 năm 2005, trang 16 – 23), nhóm tác giả đã lựa chọn một số lễ hội cổ truyền ở Việt Nam, Lào và Campuchia để nghiên cứu, không chỉ dừng lại ở việc chỉ ra tương đồng, khác biệt mà còn lý giải được những điểm tương đồng, khác biệt đó ở phạm vi nhất định và bước đầu đã chỉ ra những yếu tố về lịch sử, chính trị, kinh tế và cộng đồng văn hóa có tác động tới sự biến đổi của các lễ hội truyền thống.

Ngoài ra, công trình *Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch* của tác giả Dương Văn Sáu (Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, 2004) nghiên cứu về sự biến đổi của lễ hội dưới tác động của thời gian và các yếu tố ngoại cảnh. Tác giả đã xây dựng mô hình, cơ cấu tổng thể về hệ thống lễ hội nói chung và có sự phân tích về sự thay đổi của lễ hội dưới tác động của sự phát triển du lịch gắn với yếu tố vùng miền. Đinh Thị Dung (2014), trong bài *Lễ Hội Việt Nam – nhìn từ góc độ thích ứng và hội nhập văn hóa*, đăng trên Tạp chí Văn hóa nghệ thuật số 366, đã đưa ra những phân tích và đánh giá về thực trạng của lễ hội truyền thống dưới tác động của nền kinh tế thị trường theo hướng tích cực và tiêu cực, cho thấy sự biến đổi về quy mô, thời gian cũng như nội dung, tính chất của lễ hội truyền thống. Các nguyên nhân cũng đã được chỉ ra và có đề xuất nhằm hạn chế các tác động tiêu cực, gìn giữ và phát huy các giá trị của lễ hội truyền thống.

Tác giả Lại Thị Hải Bình, trong bài viết “*Những đánh giá về lễ hội trước Đổi mới*” (đăng trên Tạp chí Văn hóa dân gian số 2 năm 2017, trang 8 – 13), đã xác định điểm mốc cách mạng tháng 8 thành công, năm 1945 để đánh giá về sự biến đổi của lễ hội truyền thống ở Việt Nam. Những sở cứ được đánh giá tổng hợp trên kết quả nghiên cứu của các học giả Việt Nam, bao

trùng lên các dữ kiện về lịch sử, chính trị, văn hóa. Điều này cho thấy cách tiếp cận toàn diện để nhận diện được sự biến đổi cũng như lý giải những biến đổi đó.

Bên cạnh đó là một số công trình nghiên cứu của tác giả người Việt Nam và tác giả người Lào về lễ hội truyền thống của người Lào. Các công trình này có thể kể tới như: *Văn hóa truyền thống của người Lào (nghiên cứu trường hợp huyện Xay, tỉnh Udômxay, nước CHDCND Lào)* của tác giả Phadone Insaveang (Luận án tiến sĩ, Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam). Công trình này đã khái luận một cách toàn diện về văn hóa truyền thống của người Lào, từ lịch sử tới hiện đại, trong đó có đề cập tới lễ hội truyền thống là một bộ phận cấu thành quan trọng của văn hóa truyền thống. *Lễ hội xuống Hùa (đua thuyền) và lễ hội lấy hùa (thả bè nén) trên sông của người Lào* của tác giả Nguyễn Lệ Thi (đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 11, trang 62 – 65). Công trình này tập trung nghiên cứu về lễ hội đua thuyền – một trong những lễ hội lớn nhất tại Lào tại thủ đô Viêng Chăn. Công trình bóc tách đầu mô tả được không gian lễ hội và phân tích nổi bật những nét đặc trưng của lễ hội gắn với nghi thức tâm linh và triết lý Phật giáo của người Lào.

Các công trình nghiên cứu tại Lào:

Lào là một đất nước của lễ hội vì người Lào có lễ hội diễn ra suốt mọi nơi hai tháng trong năm. Việc nghiên cứu về các lễ hội truyền thống của Lào đã được nhiều học giả trong nước thực hiện, thể hiện trong các công trình về chính sách văn hoá nói chung, như *Nước Lào sau chiến tranh: Chính sách văn hóa, lịch sử và bản sắc* của tác giả Vatthana Pholsena (2001). Nghiên cứu này nằm trong khuôn khổ một luận văn thạc sĩ của trường đại học Quốc gia Lào trong đó tác giả phân tích bối cảnh của nước Lào sau chiến tranh, việc ban hành các chính sách văn hóa và tác động của thời kỳ đổi mới đối với văn

hóa và có đề cập đến việc tổ chức và thực hiện các lễ hội truyền thống tại một số dân tộc tiêu biểu.

Tác giả Kaysone Champavith (2005), trong *Tác động của kinh tế thị trường tới việc gìn giữ và bảo tồn bản sắc trong các lễ hội truyền thống tại Lào* đã lựa chọn phân tích một số lễ hội tiêu biểu của người Lào như lễ hội năm mới hay lễ hội té nước Bun Bi Mai, lễ hội Phật hóa thân Bun Pha Vet và lễ hội Phật đản Bun Visakha Puya. Nghiên cứu đã phân tích bức tranh lễ hội truyền thống tại Lào từ thời kỳ trước đổi mới và sau đổi mới với sự tác động của nền kinh tế thị trường đã tạo ra các biến thể mới của lễ hội truyền thống; đánh giá các tác động này để từ đó có các kiến nghị đối với chính sách quản lý du lịch nhằm bảo tồn và gìn giữ những nét đẹp văn hóa trong lễ hội truyền thống của người Lào.

Một trong những nghiên cứu hiếm hoi có đề cập đến lễ hội của người Phu Thai là *Nghiên cứu về văn hóa nhóm dân tộc Lào – Tày qua các lễ hội* của tác giả Khampheng Thipmountaly (2003), đăng trong cuốn sách *Lào và văn hóa dân tộc thiểu số: Quảng bá di sản*, được xuất bản bằng tiếng Anh. Tác giả này có đề cập tới dân tộc Phu Thai và lễ hội của họ trong đó có Boun Khoun Khoan Khao, đưa ra những đánh giá tương thích với mối quan hệ văn hóa giữa các dân tộc khác trong cùng nhóm ngôn ngữ Lào – Tày.

Nói tóm lại, các công trình nghiên cứu ở trên thế giới, Việt Nam và Lào hiện chỉ tiếp cận ở mức chung dưới góc độ lễ hội truyền thống và các yếu tố liên quan tới lễ hội truyền thống, hoặc tập trung vào một lễ hội cụ thể. Cho tới nay vẫn chưa có một công trình nào nghiên cứu về lễ hội Boun Khoun Khoan Khao của người Phu Thai và sự biến đổi của lễ hội này từ thời kỳ đổi mới tới nay. Chính vì vậy, người viết đã lựa chọn đề tài nghiên cứu này, trên cơ sở tiếp thu các kết quả nghiên cứu của các tác giả đi trước trong các công trình nghiên cứu có liên quan tới đề tài. Các nội dung này sẽ được người viết vận

dụng và triển khai trong các chương tiếp theo, là cơ sở để ứng dụng nghiên cứu và rút ra những điểm mới trong nghiên cứu cụ thể với trường hợp lễ hội Bun Khoun Khoan Khao của người Phu Thai tại huyện Songkhone, tỉnh Savanakheth, Lào.

1.1.2. Tiếp cận lý thuyết

Khái niệm “lễ hội”

Các khái niệm “lễ hội” hay được chế nhỏ ra hai yếu tố “lễ” và “hội” được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Trong các công trình nghiên cứu, các học giả đã chỉ ra các góc nhìn đa chiều về các khái niệm này.

Trong *Từ điển hội lễ Việt Nam* của tác giả Bùi Thiết, nhà xuất bản Văn hóa – Thông tin, Hà Nội năm 2000 thì “Lễ” được hiểu là các hoạt động đạt đến trình độ lễ nghi, còn “Hội” được hiểu là “các hoạt động lễ nghi đã phát triển đến mức cao hơn, có các hoạt động văn hóa truyền thống” [9, tr. 5].

Tác giả Lê Văn kỳ, Viện Văn hóa dân gian cho rằng: “*Lễ trong lễ hội là một hệ thống các hành vi, động tác nhằm biểu hiện lòng tôn kính của dân làng đối với thần linh, lực lượng siêu nhiên nói chung, với thần thành hoàng nói riêng. Đồng thời lễ cũng phải ánh nguyện vọng, ước mơ chính đáng của con người trước cuộc sống đầy rẫy những khó khăn mà bản thân họ chưa có khả năng cải tạo. Hội là một sinh hoạt văn hóa dân dã phóng khoáng diễn ra trên bãi sân để dân làng cùng bình đẳng vui chơi với hàng loạt trò tục hấp dẫn do mình chủ động tham gia...*” [5, tr. 83].

Tác giả Ngô Đức Thịnh trong bài viết *Những giá trị của lễ hội cổ truyền trong đời sống xã hội hiện nay* đã chỉ ra: “*Lễ hội là một trong những hiện tượng sinh hoạt văn hóa cổ truyền tiêu biểu của nhiều tộc người ở nước ta cũng như trên thế giới. Nó là tấm gương phản chiếu khá trung thực đời sống văn hóa của mỗi dân tộc*” [10, tr. 7].

Trong công trình nghiên cứu *Những tương đồng giữa các lễ hội cổ truyền Đông Nam Á*, tác giả Trần Bình Minh đã lý giải: “*Những tín ngưỡng dân gian của đời sống tâm linh nằm trong thế giới ý niệm được khách thể hóa, hiện thực hóa. Vì thế, lễ hội ở các nước Đông Nam Á đều có chung một cấu trúc ban đầu gồm hai phần: Lễ và hội. Phần lễ là để con người giao tiếp với thần linh, để cầu xin thần linh thông qua những trung gian thiêng (thầy cúng, lời khấn, múa, nhạc cụ, lễ vật...) với các nghi lễ: Tế, rước. Ở đây, mỗi vật, mỗi hành động đều có tính biểu tượng. Mọi quan hệ giao cảm giữa con người và thần linh quyện lẫn trong hương khói, trong không gian thiêng... đưa con người vào thế giới ảo – thế giới tâm linh... Phần hội là những trò chơi nhằm xây dựng quan hệ cộng cảm trong cộng đồng với sự tham gia của thần linh. Vì thế không khí của ngày hội bao giờ cũng rộn ràng, kích động con người với những trò diễn xướng và trò chơi” [6, tr. 5].*

Trên cơ sở phân tích các khái niệm trên, có thể thấy các lễ hội dù khác nhau ở mục đích tổ chức (cầu mùa, cầu bình an, tạ ơn nhớ vị anh hùng dân tộc...), ở nghi thức tiến hành, địa điểm, thời gian tổ chức... nhưng có thể hiểu một cách chung nhất về lễ hội như sau:

Lễ hội là một hiện tượng văn hóa dân gian với hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng diễn ra trên địa bàn dân cư trong thời gian và không gian xác định, gồm hai phần cơ bản trong đó phần lễ là gốc rễ chủ đạo bao gồm các nghi lễ truyền thống nhằm giao tiếp với thần linh và phần hội là phần phát sinh tích hợp với sự tham gia của đông đảo cộng đồng dân cư.

Phân loại lễ hội

Lễ hội rất đa dạng, tùy theo từng tiêu chí mà được phân loại khác nhau. Có thể phân loại lễ hội theo niên đại, tính tới yếu tố lịch sử, hoặc phân loại theo từng thành tố riêng biệt như mục đích tổ chức, thời gian tổ chức... Tại Việt Nam, Cục Văn hóa cơ sở thuộc Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch là cơ

quan quản lý nhà nước về lễ hội, đã thống kê và phân loại lễ hội trên địa bàn cả nước Việt Nam tới năm 2014 như sau:

- Lễ hội dân gian gồm có 7.039 lễ hội, chiếm 88,36%
- Lễ hội tôn giáo gồm có 5.449 lễ hội, chiếm 6,82%
- Lễ hội lịch sử cách mạng gồm có 332 lễ hội, chiếm 4,16%
- Lễ hội du nhập từ nước ngoài gồm có 10 lễ hội, chiếm 0,12%
- Lễ hội khác có 40 lễ hội, chiếm 0,50%

Tổng cộng cả nước có 327 lễ hội do cấp tỉnh quản lý. Cấp Bộ quản lý 8 lễ hội [7, tr.45].

Đặc điểm của các lễ hội truyền thống

Lễ hội truyền thống gắn với đời sống tâm linh tôn giáo tín ngưỡng, sự kiện và nhân vật lịch sử, mang tính thiêng liêng, ngôn ngữ của lễ hội là ngôn ngữ biểu tượng, là hiện tượng văn hóa dân gian tổng thể, bao gồm sinh hoạt nghi lễ, nghi thức, phong tục, tập quán, là nơi giao tiếp, gắn kết xã hội, tổ chức các cuộc thi tài, vui chơi giải trí, buôn bán, chủ thể của lễ hội truyền thống là toàn thể cộng đồng, do đó mà lễ hội truyền thống mang những đặc điểm như sau:

- Lễ hội truyền thống mang tính thiêng liêng: Tính “thiêng” trở thành chỗ dựa tinh thần cho nhân dân trong những thời điểm khó khăn, tạo cho họ hy vọng về điều tốt đẹp sẽ tới.

- Lễ hội truyền thống mang tính cộng đồng: Lễ hội được sinh ra, tồn tại và phát triển khi trở thành nhu cầu tự nguyện của một cộng đồng. Tính cộng đồng càng cao thì quy mô của lễ hội càng lớn.

- Lễ hội truyền thống mang tính địa phương. Lễ hội được sinh ra và tồn tại đều gắn với một vùng đất nhất định và phản ánh đặc trưng của vùng miền rất

rõ rệt, thể hiện qua cả phần lễ và phần hội như văn tế, kiêu cờ, lễ vật dâng cúng, trang phục.... Tính địa phương của lễ hội thể hiện sự gắn bó chặt chẽ

giữa hình thức tín ngưỡng với đời sống của nhân dân, đáp ứng nhu cầu tinh thần và văn hóa của nhân dân.

- Lễ hội truyền thống mang tính đương đại. Đây là đặc điểm mới của lễ hội dưới tác động từ sự phát triển của đời sống. Những trò chơi mới, cách bài trí mới hay các phương tiện kỹ thuật phục vụ cho lễ hội như radio, tăng âm, micro... đã có mặt tại lễ hội, góp phần vào việc tổ chức lễ hội được thuận lợi, đáp ứng nhu cầu mới của đông đảo nhân dân[2, tr. 7].

1.2. Địa bàn nghiên cứu

1.2.1. Khái quát về huyện Songkhone

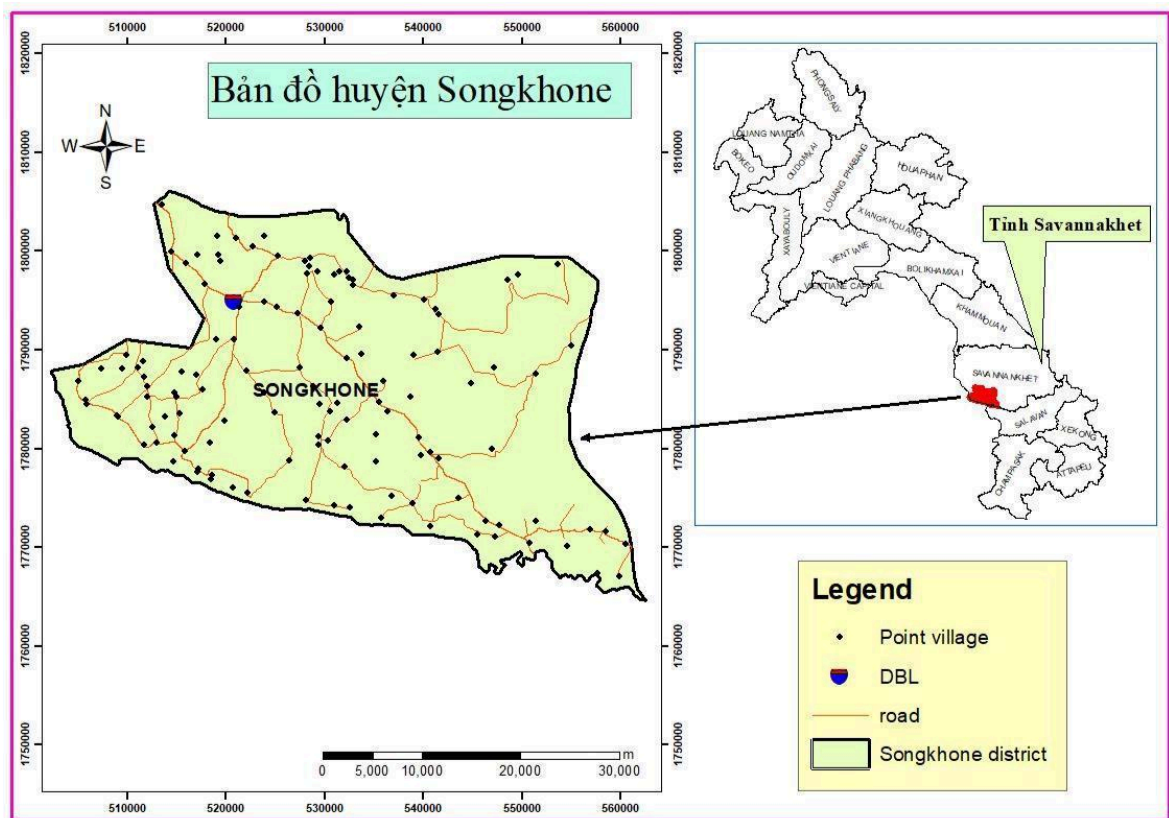
Songkhone là một huyện của tỉnh Savanakheth, tại trung Lào, có vị trí địa lý tiếp giáp với quốc gia là Thái Lan về phía tây, tiếp giáp hai huyện nội địa Lào là huyện Xayphuthong và huyện Champhone về phía Bắc và tỉnh Saravane về phía Nam.

Hệ thống giao thông tại huyện Songkhone gồm đường bộ với các tuyến quốc lộ lớn và đường thủy. Vì có hai nhánh sông lớn từ sông Mê Kông, sông Xe Bang Hieng và có nhiều suối nhỏ đổ vào, nên mạng lưới đường thủy của huyện Songkhone khá phát triển. Tuy nhiên, do địa hình các con sông chảy qua không bằng phẳng và được ô nhiễm bởi các dãy núi xen lẫn các cánh rừng khộp khô, nên đã tạo điều kiện hình thành sự đặc thù trong canh tác lúa của người dân nơi đây – canh tác lúa bằng ruộng bậc thang, một hình thức canh tác rất thông gặp như đối với tộc người tại miền núi phía bắc Việt Nam. Bên cạnh đó, ở những khu vực hạ lưu sông được phù sa bồi đắp, người dân vẫn thực hiện canh tác lúa nước.

Diện tích đất của Songkhone có 17% là đất rừng, đất nông nghiệp chiếm 44%. Khí hậu nhiệt đới mang một chút đặc điểm của khí hậu cận nhiệt đới. Khí hậu được phân thành hai mùa rõ rệt là mùa khô và mùa mưa. Tháng khô nhất trong năm là Tháng mười hai với tổng lượng mưa bình quân là 2,0

mm, trong khi tháng mưa nhiều nhất trong năm (tháng tám) có tổng lượng mưa bình quân lên tới 323,1 mm [14, tr.23].

Điều kiện thời tiết đã tác động tới vụ mùa của người dân nơi đây. Thời tiết khô hạn cùng địa hình canh tác gặp nhiều khó khăn, người dân tại huyện Songkhone nói chung, người Phu Thai nói riêng chỉ canh tác một vụ mùa duy nhất trong năm, kéo dài từ tháng 8 tới tháng 12. Do đó, vụ mùa của họ phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện thời tiết, nếu năm nào quá hạn hán hoặc ngập lụt do nước sông dâng cao, sẽ dẫn tới mất mùa và không thu hoạch được, ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống kinh tế của người dân. Chính vì vậy, hạt gạo và tín ngưỡng tôn thờ nữ thần gạo và các vị thần linh với người Phu Thai rất quan trọng và linh thiêng.



Hình 1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của huyện Songkhone[16, tr. 7]
Theo thống kê trong Báo cáo tạm thời của Tổng điều tra dân số và nhà

ở Lào lần thứ toạ năm 2015 thì dân số của tỉnh Savanakheth thì mật độ dân số

26

cao chỉ đứng sau thủ đô Viêng Chăn và tỉnh Champasack, với đặc điểm hộ gia đình có quy mô lớn. Mỗi hộ gia đình tại tỉnh trung bình có từ 6 người, chỉ đứng sau tỉnh Xaysomboon có quy mô từ 6 - 7 người [27, tr. 7]. Huyện Songkhone có lượng dân số cao thứ ba của tỉnh Savanakhet, đứng sau thành phố Kaysone Phomvihane và huyện Champhone. Năm 2005, tổng dân số tỉnh huyện Songkhone là 46,163 người, sau 10 năm tăng lên 52,700 người với tỉ lệ 1.6% đứng ở hạng trung bình về gia tăng dân số [37, tr. 38]. Trong cơ cấu dân số của huyện Songkhone, có 94% dân số là nông dân và gắn với đời sống nông nghiệp, cao thứ hai toàn tỉnh.

Trên địa bàn huyện Songkhone hiện nay có 13 dân tộc khác nhau cùng chung sống, trong đó chiếm số lượng lớn nhất là người Lào và người Phu Thai. Các hoạt động cộng đồng được tổ chức thường xuyên, mang đậm nét bản sắc của mỗi dân tộc đang sinh sống tại đây, tạo nên bức tranh nhiều màu sắc và hấp dẫn khách du lịch.

1.2.2. Khái quát về dân tộc Phu Thai

Bằng việc quyết định phê chuẩn Bru là một dân tộc vào tháng 12 năm 2018 thì đất nước Lào chính thức có 50 dân tộc, được chia thành ba nhóm dựa trên đặc thù về địa hình phân bố, gồm: (i) Nhóm Lào Lùm (hay người Lào vùng thấp); (ii) Lào Thông (hay người Lào trung du) và (iii) Lào Sùng để chỉ chung những người Lào thuộc các sắc tộc thiểu số sống ở vùng cao [35, tr. 35]. Tuy nhiên, việc phân nhóm người Lào chỉ mang tính tương đối, do sự đa dạng trong ngôn ngữ và văn hóa nên có khá nhiều ngoại lệ. Hiện Lào có 160 nhóm dân tộc sử dụng tổng cộng 82 ngôn ngữ riêng biệt và được chia thành bốn nhóm ngữ hệ gồm: (i) Nhóm Tai – Kadai; (ii) Nhóm Mon-Khmer; (iii) Nhóm Sino-Tibetan; (iv) Nhóm Hmong-Mien. Trong đó, người Phu Thai thuộc nhóm ngữ hệ Tai – Kadai, ngữ chi Lào-Thái [15].

Ngòi Phu Thai (tiếng Lào: ພູ ທີ່, tiếng Anh: *Phuthai* hay *Phoutai*) là tên một trong số 50 dân tộc anh em tại Lào, để chỉ một cộng đồng ngòi nói ngôn ngữ Lào-Tày, nhưng ngôn ngữ của họ khác biệt rõ rệt với nhóm ngòi Lào. Ngòi Phu Thai phân bố tại trung Lào, phía bắc Thái Lan và bắc Việt Nam. Tại Lào, ngòi Phu Thai chủ yếu sống tại các tỉnh Savanaket và Salavan và nhóm ngòi Tày sống tại miền trung du và vùng cao. Cộng đồng ngòi Phu Thai phân bố không tập trung, theo kết quả điều tra dân số vào năm 1995, ngòi Phu Thai được xem là một nhóm riêng biệt, có tỷ lệ dân số đông thứ hai (10.3%) tại Savannakhet với dân số là 500.000 ngòi chỉ sau nhóm Lào Lùm (52.5%) và ngòi Khmu (11.0%). Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu sau đó của Schliesinger đã chỉ ra rằng thống kê này là không chính xác do bao gồm cả một phân nhánh của ngòi Tày khác với ngòi Phu Thai, con số sau đó được ước tính khoảng 128.000 ngòi [26, tr. 97].

Tại tỉnh Savannakhet, ngòi Phu Thai tập trung phân bố tại các huyện Xepon, Phine, Vilabouly, Atsaphone, Atsaphangthong, Phalanxay, Xonbouly, Songkhone và Champhone [37]. Tới năm 2015, sau 20 năm, tỷ lệ ngòi Phu Thai so với tổng dân số trong tỉnh chiếm 3,3% [21, tr. 262].

1.2.2.1. Lịch sử tộc ngòi

Lịch sử tộc ngòi Phu Thai được ghi nhận bởi hai phương diện truyền thuyết và văn kiện lịch sử. Đối với phương diện truyền thuyết, lịch sử tộc ngòi Phu Thai được lưu giữ và bảo tồn qua nhiều thế hệ về xuất thân của mình. Ngòi Phu Thai tin rằng tổ tiên của họ sinh sống tại Trung Quốc nơi gọi tên là Nam Nyoy Nou, nơi có dòng sông Nam Kasè. Một cuộc di cư đã diễn ra, tổ tiên của họ đã băng qua con sông Nam Ma (thuộc Điện Biên Phủ của Việt Nam ngày nay) và đi tới Houa Phan và định cư tại nơi được gọi là “thoung ceet thoung tau” (ngày nay là khu vực Savannakhet).

Tổ tiên ban đầu của người Phu Thai có tên là Chau Khamdeng. Ông có bảy người con trai tên là: Hane Pong, Hane Deng, Hane Pheng, Hane Tuy, Hane Souk Souy, Thao Pouy, Thao Dok Lau. Người dân bản địa của thung lũng Hane gọi là “Kha”, dưới sự cai trị của người có tên là Phagna Kou đã cho phép Chau Khamdeng cùng các con trai cư ngụ tại đây. Phagna Kou không có con trai nối dõi nên đã trao đổi với Chau Khamdeng để con gái của mình là Kou Lang Ang chọn một trong bảy người con trai của Khamdeng để làm chồng. Cô đã chọn người con trai cuối cùng của Khamdeng là Dok Lau. Quyết định này của cô không được sự hài lòng của Kha trong vùng. Do đó, một cuộc thi tài giữa hai nhóm một bên là người Kha bản địa, một bên là người Phu Thai do Dok Lau đứng đầu để chọn ra chàng rể thực sự có khả năng lãnh đạo Kha và xứng đáng với Lang Ang.

Cuộc thi tranh tài là cuộc thi bắn nỏ vào một vách đá, mũi tên của ai xuyên thủng vách đá sẽ giành chiến thắng. Người Kha đã chế tạo ra một cây nỏ với mũi tên không lồ và phải nhiều người mới hợp sức mới dùng được cây nỏ này. Tuy nhiên khi mũi tên va vào vách đá đã vỡ tan và không xuyên thủng được vách đá. Dok Lau đã nhanh trí lấy một cây nỏ nhỏ, nhưng đầu mũi tên lại có một quả cầu nhựa cây (*khii sii*). Khi nỏ bắn, mũi tên lao vun vút và dính vào vách đá nhỏ đã xuyên thủng qua cả vách đá. Kết quả là Dok Lau đã thắng. Thế nhưng Phagna Kou vẫn không muốn làm theo những lời mình đã nói và quyết định dùng tới sức mạnh của quyền lực, buộc Dok Lau và những người Phu Thai khác phải phục tùng mệnh lệnh của mình. Những người Phu Thai bị buộc đi đốn củi, lấy nước tắm hay phải làm rọ gạo cho Kha. Trong một buổi tối, lợi dụng lúc Kha say xỉn, một người Phu Thai đã lén chặt đầu của Phagna Kou và ném nó xuống sông Me Nam Ko (là sông Xé Kok) bây giờ. Người Kha bản địa vì quá sợ hãi người Phu Thai nên đã bỏ chạy vào rừng. Sau đó, vùng đất bị hạn hán trong bảy tháng liên tiếp. Năng gặt, dòng

sông khô hạn cùng mất mùa và nạn đói hoành hành đã khiến cho người Phu Thai rất lo lắng. Cách duy nhất là nói chuyện với các thần bản địa nhờ chỉ người Kha mới có thể làm được. Vì vậy, người Phu Thai đã đi tìm và đề nghị người Kha quay trở về vùng đất, làm mưa trở lại và chung sống hòa bình với họ. Một bộ phận người Kha sau đó đã quay lại và chung sống chung với người Phu Thai cho tới ngày nay, được gọi là người Kha tốt. Một bộ phận khác không chấp nhận quay về và sống tiếp tục trong rừng, được gọi là người Kha hoang dã [40, tr. 37 – 42].

Người Kha trong truyền thuyết chính là người Bru sau này, cũng là tộc người được công nhận là sắc tộc thứ 50 của Lào. Đây là nguyên nhân lý giải tại sao ngày nay người Phu Thai và người Bru sống gần gũi với nhau. Truyền thuyết này đều được nhắc tới trong câu chuyện của các bộ lão dân tộc Phu Thai và Bru nhờ lại mang hai ý nghĩa trái ngược nhau. Với dân tộc Phu Thai, câu chuyện này tôn vinh sự thông minh vượt trội của họ khi biết sử dụng nhựa cây để chiến thắng cuộc thi. Nhờ với dân tộc Bru, câu chuyện này lại luôn là lời nhắc nhở về sự lừa dối và gian lận.

Đối với phoong diện văn kiện lịch sử, những tổ tiên đầu tiên của người Phu Thai ở Muang Thaeng (nay là vùng Điện Biên Phủ của Việt Nam), dưới sự dẫn dắt của vua Khun Borom Rachthiriat (712–748) đã dẫn theo các người con của mình định cư và cai trị các mường khác nhau trên khắp Đông Nam Á và miền Nam Trung Quốc. Trong nhiều thế kỷ, người Phu Thai đã di cư về phía nam và sinh sống ổn định tại Muang Vang Ang Kham (nay là huyện Vilabuli và Xepon của Savannakhet) vào đầu thế kỷ 16 trước công nguyên trước sức ép từ sự bành trướng của người Hán. Tới thế kỷ 19, Quyền tự trị của Muang Vang Ang Kham suy yếu kể từ khi dân số Phu Thai phát triển và tiến xa hơn về phía Tây (ngày nay và vùng đất làng Nakala, huyện Songkhone) [36]. Từ năm 1854, ngôi làng được đặt tên là Nakala có nghĩa là “*chờ đợi*

dòng sông”, vì người Phu Thai đã lên kế hoạch vượt sông Mê Kông để đến Xiêm, nhưng họ đã vấp phải sự quản lý chặt chẽ của người Pháp vào đầu thế kỷ 20, chấm dứt sự di cư hàng loạt của người Phu Thai vào Xiêm lúc bấy giờ. Số lượng người Phu Thai giai đoạn này phát triển với số lượng lớn. Tuy nhiên những biến động của thời gian nhợt chiến tranh Đông dương lần thứ hai, hay cuộc chiến Lam Suen với thực dân Mỹ tại Savannakhet đã làm giảm đáng kể số lượng người dân Phu Thai, khiến họ phải bỏ xứ mà chạy loạn. Sau khi hòa bình được lập lại, người Phu Thai lại quay về vì đây được coi như đất mẹ gắn bó với cuộc sống của họ từ những ngày ban đầu.

Khi các quốc gia ngày nay tuyên bố chủ quyền và thiết lập ranh giới bằng đường biên giới quốc gia, người Phu Thai không thể tiếp tục di cư và tự trị như trước, họ sáp nhập với các cộng đồng người bản địa và trở thành các chi khác nhau của người Phu Thai như: Tai Dam (Tày đen) và Tai Kao (Tày trắng) sống ở vùng Sib Song Ju Tai (Thái Lan); nhóm người Tai được sáp nhập với các cộng đồng dân tộc khác ở Việt Nam và trở thành công dân Việt Nam; cộng đồng người Phu Thai ở bản Nakala và những vùng khác phía bên trái sông Mê Kông đã trở thành công dân Lào.

1.2.2.2. Người Phu Thai ở huyện Songkhone tỉnh Savannakhet (Lào)

Người Phu Thai ở Savannakhet chỉ chiếm 15% cơ cấu dân số của tỉnh, hầu hết tập trung tại huyện Songkhone, thường sống cộng cư với người Tày, Bru. Họ chủ yếu là nông dân, sử dụng phương pháp canh tác truyền thống là đốt nương rẫy và làm ruộng bậc thang. Các làng của người Phu Thai thường chỉ bao gồm 20 tới 30 hộ dân và các hộ nằm cách xa nhau. Làng của người Phu Thai thường được đặt dưới thung lũng nhưng ở vị trí cao hơn so với địa bàn sinh sống của người Lào. Trong quá khứ, mỗi làng nằm dưới sự kiểm soát của trưởng làng gọi là “chao muong”. Người dân có nghĩa vụ đóng thuế cho chao muong. Tính cộng đồng của người Phu Thai rất cao, mỗi một bản như

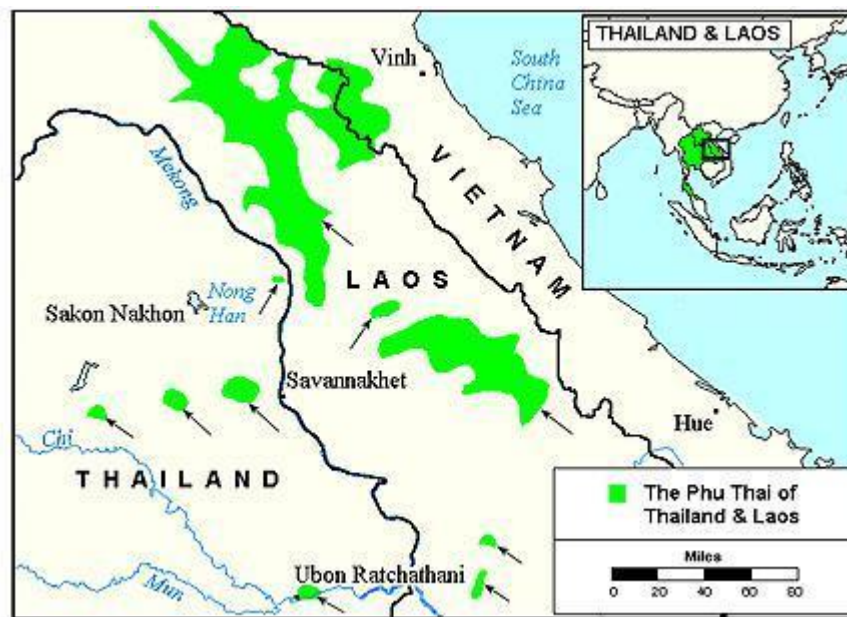
một lãnh thổ tự trị. Ngày nay, đã có sự thay đổi rõ rệt, các mường được chuyển đổi thành đơn vị hành chính. Chính phủ Lào kiểm soát tất cả các cấp địa phương, tuy nhiên vẫn đề cao vai trò của trưởng bản trong việc tuyên truyền, vận động người dân thực hiện các chính sách của Nhà nước.

- *Về ngôn ngữ*: Ngôn ngữ của người Phu Thai là ngôn ngữ Tày Tây Nam được sử dụng tại Lào và Thái Lan. Ngôn ngữ hay tiếng Phu Thai có sự gần gũi với các ngôn ngữ Cơ Tu như Bru, So hoặc Katang, một ngữ chi thuộc ngữ hệ Nam Á tuy nhiên vẫn có sự khác biệt riêng có [23]. Học giả Kirsch trong nghiên cứu của mình đã chỉ ra có ba yếu tố tác động tới việc hình thành sự “đặc biệt” trong ngôn ngữ của người Phu Thai đó là: (i) Người Phu Thai nguyên thủy sử dụng ngôn ngữ Tày riêng biệt; (ii) Người Phu Thai chọn những nơi có địa hình cao hơn so với người Lào để lập bản, dựng nhà, do đó, không thể có sự đánh đồng trong ngôn ngữ Lào và người Phu Thai và (iii) Lịch sử tộc người Phu Thai là riêng biệt và không cùng nguồn gốc với người Lào bây giờ, nên họ tự hào có nền văn hóa riêng và tiếng nói riêng [19, tr. 32].

- *Về nhà ở*: Người Phu Thai thường chọn nơi bằng phẳng gần núi hoặc cạnh nguồn nước để lập làng, dựng nhà. Nhà của người Phu Thai được dựng theo kết cấu nhà sàn của người Tày và hoàn toàn bằng gỗ, với độ cao trên 2 mét. Ngày nay, các trụ bằng gỗ đã được thay thế bằng bê tông nhưng kết cấu nhà vẫn giữ nét truyền thống. Mái nhà có chóp dài và kết cấu được dựng giống như thể một con voi đang đứng vì người Phu Thai tin rằng voi là biểu tượng của sức mạnh và thần linh.

Nhà thường được chia thành hai phòng. Phòng bên trong được gọi là “Koh”. Bên trong Koh lại có một phòng ngủ khác có một cửa gọi là Koh Soom. Hai phòng này dành cho bố mẹ và con cái. Phòng này được xây kín và chỉ có một cửa sổ duy nhất. Phòng bên ngoài được gọi là “Chic” là nơi để tiếp

khách hoặc ăn uống, hoặc tách ra thành một phòng riêng để con rể ở lại. Phòng khách có lô-gia hướng ra mặt trước của ngôi nhà. Bếp được xây riêng gọi là “Chứ”. Dưới nhà là nơi để buộc gia súc như trâu, bò. Mặt sau của ngôi nhà sẽ được xây chuồng lợn hoặc chuồng gà gọi là “trấu”. Mặt trước của ngôi nhà là nơi mở cửa đón nắng và được trồng các cây lâu năm nhằm che mát.



Hình 1.2. Sự phân bố của người Phu Thai tại Lào và Thái Lan [27]

- Về trang phục: Tới nay, người Phu Thai vẫn duy trì nếp tự sản xuất và mặc quần áo truyền thống trong sinh hoạt thường ngày dù đã được tối giản đi để phù hợp với công việc được gọi là sin-chok. Đàn ông thường mặc quần kaki đen hoặc mặc sarong kẻ ô và chiếc áo màu chàm hoặc màu đen cùng màu với quần. Cổ áo tròn, hẹp và ôm sát cổ, kiểu cổ áo giống trang phục Trung Quốc và các dây nút bấm, tay áo có thể dài hoặc ngắn. Quần áo truyền thống sẽ đi kèm khăn choàng và mũ. Đàn ông Phu Thai thường thích xăm trên tay và chân bằng mực đen và mực đỏ, họ coi những hình xăm là bùa hộ mệnh và thể hiện sự nam tính.

Phụ nữ Phu Thai mặc sarong rất phổ biến. Sarong có các hoa văn được dệt thành các hình khác nhau chủ yếu là các hình thẳng, kẻ ô quả trám. Màu sắc của sarong chủ yếu là màu chàm do vải dệt được nhuộm trong lá chàm hoặc gỗ mun đen và có viền áo màu đỏ. Cổ áo được may theo dáng đứng, hình trụ. Các nút áo thường được làm bằng đồng xu nhồi đồng năm xu, được xếp theo hàng dọc thẳng từ cổ áo. Ngày nay, đồng xu đã được thay bằng cúc áo nhựa thông thường.

Bên cạnh váy áo, người Phu Thai cũng giống như những phụ nữ Lào khác rất ưa chuộng được gọi là “*phae bing*” – một loại khăn dài khoác trên vai hoặc buông lửng. Chiếc khăn này không chỉ là phụ kiện trang trí thông thường mà còn giúp phân biệt với các dân tộc khác. Người Phu Thai thường búi tóc cao. Với các cô gái trẻ có thể trang trí búi tóc bằng hoa cài hoặc tràng hạt để tô điểm cho mái tóc của mình. Họ thường đi chân đất. Trang phục của người Phu Thai tại Savanakhet về cơ bản không có điểm khác biệt rõ rệt so với trang phục của người Phu Thai tại Thái Lan.

- *Về cơ cấu lao động*: Hơn 95% người Phu Thai tại huyện Songkhone vẫn làm nghề nông. Cuộc sống của họ gắn liền với ruộng vườn và chăn nuôi. Bên cạnh việc canh tác lúa nước, người Phu Thai trồng nhiều loại cây ngắn ngày khác như rau, cây bông, thuốc lá và chàm. Trước năm 1986, có sự phân hóa rõ rệt về lao động. Người phụ nữ Phu Thai nhờ vào đôi bàn tay khéo léo và nghề dệt thủ công truyền thống mà ông bà để lại, họ đã tạo ra nhiều sản phẩm để phục vụ cho công việc may mặc của bản thân và gia đình. Các sản phẩm được làm ra còn có giá trị để bán hoặc đổi lấy gạo và các vật phẩm cần thiết khác. Họ trồng cây bông dọc theo các con sông. Bông sau đó được thu hoạch và trải qua một loạt các công đoạn xử lý và dệt nên các sản phẩm thủ công nức tiếng sau này. Người đàn ông Phu Thai chặt cây, khai thác lâm sản

và đào vàng để bán cho các thợ mỏ lái dọc theo dòng sông Mê Kông [20, tr. 50].

- *Về quan hệ gia đình*: Một gia đình người Phu Thai thường có ba thế hệ. Người Phu Thai sinh hoạt trong gia đình theo chế độ phụ hệ. Người chồng là người làm ra kinh tế chính trong gia đình, các quyết định quan trọng trong gia đình đều phải do người chồng đưa ra. Trong quá khứ, có những tập tục đã thành thói quen như khi họ đi ra đồng làm việc, người vợ sẽ không được ăn cơm trước khi người chồng cho phép hoặc người chồng ăn cơm trước người vợ mới được ăn. Ngày nay, khi cuộc sống đã bận rộn hơn và tiếp cận với những nếp sống mới, nhưng người Phu Thai vẫn rất coi trọng vị trí và tiếng nói của người chồng.

- *Về ẩm thực*: Bữa ăn thường ngày của người Phu Thai lúc nào cũng phải có cơm nếp. Đồ ăn kèm là các thực phẩm tự nhiên do săn bắt, hái lượm được quanh nhà nhờ vào địa thế gần núi hoặc gần sông như cá, tôm, lợn rừng...; rau là các loại cây trong nhà hay cây dại trong rừng. Cách ăn của họ cũng rất đơn giản. Các thành viên trong gia đình sẽ ngồi quây quanh nồi xôi trên sàn nhà, có mấy chiếc thìa được đặt ở giữa. Một số gia đình ăn trong bếp. Một số gia đình ăn ở ban công trước nhà. Cuộc sống thay đổi khi một số gia đình khá giả hơn đã có bàn ăn. Người Phu Thai vẫn giữ niềm tin vào sự kiêng kỵ đối với một số loại thực phẩm mà họ tin rằng nếu ăn vào sẽ bị “nghiệp chướng” như ếch hay một số loại rau.

- *Về tín ngưỡng*: Theo khảo sát của tổ chức Hệ thống khoa học trái đất (*Earth System*) thì tôn giáo chính của người Phu Thai ở Songkhone là đạo Phật theo thuyết vật linh chiếm 96%, còn lại là người dân theo đạo cơ đốc giáo [14, tr.135]. Thuyết vật linh hay thuyết sinh khí là một quan niệm triết học, tôn giáo hay tinh thần cho rằng linh hồn hay sự linh thiêng có trong mọi vật (người, động vật, thực vật, đá, sông, núi...), trong mọi hiện tượng tự nhiên

(sấm, chớp, mây, mưa) hay các thực thể khác trong môi trường tự nhiên [14, tr. 414]. Nó là một phần của thuyết vật hoạt trong triết học.

Thuyết vật linh cũng gắn linh hồn cho các khái niệm trừu tượng như lời nói, các ẩn dụ trong thần thoại. Tuy nhiên một điều đáng chú ý là chỉ có khoảng 50% người Phu Thai nhận mình là phật tử bởi đạo Phật là do ảnh hưởng tôn giáo của Lào, họ vẫn luôn tự hào vì có tôn giáo nguyên thủy với những vị thần riêng mà họ tôn thờ. Người Phu Thai thờ phụng 25 vị thần khác nhau. Lễ hội thiêng liêng nhất của người Phu Thai là Pi Tian (Thần thiên đàng) [31]. Trong lễ hội này, người dân sẽ dâng những vật hiến tế và cầu nguyện Thần thiên đàng sẽ phù hộ cho họ để sẽ đi được lên thiên đàng sau cái chết. Họ không có vị thần nào được coi là đáng sáng tạo tối cao, họ tin rằng những đau đớn hay khó khăn mà dân làng gặp phải là sự phẫn nộ của thần linh, chỉ có thể xoa dịu cơn phẫn nộ của thần linh bằng máu của bò và lợn.

Chính vì vậy, vào những đầu thế kỷ XX, Phật giáo trong cộng đồng người Phu Thai không phát triển, họ chỉ chấp nhận đạo Phật và coi là tôn giáo của mình vào 200 năm trước [20, tr. 45]. Cho tới nay, những nét đặc trưng trong tín ngưỡng đạo Phật của người Phu Thai có nhiều nét tương đồng với đạo Phật của người Lào. Cũng giống như các ngôi làng, các bản khác tại cộng đồng dân tộc Lào, người Phu Thai có ngôi chùa để thực hành các nghi lễ và tổ chức các cuộc họp trong bản.

Chính vì các yếu tố trên mà tín ngưỡng của người Phu Thai là sự pha trộn của tín ngưỡng vật linh, tôn giáo địa phương và Phật giáo nguyên thủy. Điều đặc biệt là nghi thức do các pháp sư thực hiện sẽ diễn ra đồng thời cả với nghi lễ Phật giáo. Mỗi bản người Phu Thai đều có một hoặc nhiều nữ pháp sư, được gọi là *moi yau*, người làm trung gian giao tiếp giữa người dân với thế giới tâm linh. Người Phu Thai rất sợ các *moi yau* và nhắc tới *moi*

yau với niềm tôn kính. Có thể thấy, tôn giáo của người Phu Thai khá độc đáo, vừa chịu ảnh hưởng từ Phật giáo nhưng vẫn có những nét rất riêng mang đậm bản sắc nguyên thủy của dân tộc mình. Điều này lý giải vì sao trong lễ hội của người Phu Thai có sự xuất hiện của hai chủ thể thực hành nghi lễ là pháp sư và tu sĩ. Tuy nhiên, ở mỗi giai đoạn lịch sử, với tác động khác nhau của các yếu tố chính trị, văn hóa mà các thực hành tín ngưỡng cũng khác nhau và có sự biến đổi theo thời gian.

1.2.2.3. Đời sống kinh tế - xã hội của người Phu Thái từ năm 1986

Từ năm 1986 sau cuộc cách mạng đổi mới kinh tế của Lào, cuộc sống của người Phu Thai cũng đã có nhiều thay đổi rõ rệt so với quá khứ.

- Về kinh tế, hầu như người Phu Thai vẫn dựa vào nghề nông để kiếm sống. Để kiếm sống, người Phu Thai siêng năng trong nhiều nghề nghiệp, như làm ruộng, trồng trọt, buôn bán trâu bò và bán các sản phẩm dệt thủ công cho người nước ngoài. Kinh tế phát triển cùng với du lịch đã tăng lượng du khách nước ngoài tới với Savanakhet, vì vậy mà người Phu Thai tiếp cận nhiều hơn với khách nước ngoài thông qua việc học tiếng Anh để phục vụ cho việc bán hàng. Do đó, thu nhập của họ hiện giờ ngoài từ nghề nông thì việc kinh doanh các dịch vụ lưu trú, làm và bán sản phẩm, quà lưu niệm... đã mang lại doanh thu cho cuộc sống khá hơn.

Đặc biệt với nghề dệt thổ cẩm thủ công truyền thống của phụ nữ Phu Thai đã thu hút khách du lịch tới với nơi đây. Ngày nay, những sản phẩm dệt của người Phu Thai được đa dạng hơn, không chỉ là tấm khăn, mảnh vải mà còn được làm thành nhiều đồ lưu niệm như túi, ví, thảm, vỏ gối, ga trải giường... rất bắt mắt và hữu dụng. Các sản phẩm này sau đó được đặt hàng và xuất hiện cả trên các chợ giao dịch điện tử, đem lại nguồn thu cho người Phu Thai. Tới nay, bên cạnh nghề nông, nghề dệt là công việc mang lại thu nhập chính cho người Phu Thai tại nơi đây.

- Về cơ sở vật chất và hạ tầng, các bản làng người Phu Thai tại Savanakheth đã được tiếp cận với điện lưới quốc gia và dùng nước máy thay vì sử dụng nước sông suối. Hệ thống cấp nước tại tỉnh nói chung và huyện Songkhone nói riêng cơ bản đáp ứng được nhu cầu cho sinh hoạt và phát triển du lịch. Hệ thống đường bê tông từ quốc lộ chính tới các bản làng đã được đầu tư xây dựng, giúp việc di chuyển tới bản Phu Thai được thuận lợi hơn.

- Về y tế, việc xây dựng các cơ sở y tế cùng thực hiện các nội dung tuyên truyền đã giúp cho cộng đồng người Phu Thai có sự chuyển biến mạnh mẽ. Trước đây họ tin rằng việc một người bị đau hay gặp bệnh là do con ma, có thể là ma rừng, ma cây, ma suối... gây nên.

Do đó, họ chỉ chữa bệnh bằng cách mời pháp sư của làng tới cúng để đuổi ma và cho uống thuốc nước bằng lá cây kiếm được trong rừng. Vì vậy mà nhiều khi để lại những hậu quả đáng tiếc. Ngày nay, người Phu Thai đã ý thức được việc chăm sóc sức khỏe, tới cơ sở y tế huyện để khám bệnh và nhận thuốc tây y.

Việc vận động người dân cho con em đi học để xóa mù chữ nhờ những năm đầu thế kỷ XX đã không còn diễn ra do người dân ở đây ý thức được rằng đi học là cách để giúp con em mình thoát nghèo và phát triển trong tương lai.

Kết luận Chương 1

Trên cơ sở nghiên cứu tại Chương 1 có thể thấy, đề tài về lễ hội truyền thống đã được nhiều học giả trên quốc tế, Việt Nam và Lào nghiên cứu, các công trình này đa dạng về số lượng và cách tiếp cận, từ toàn diện tới cụ thể, và có sự so sánh giữa các lễ hội truyền thống theo khu vực địa lý, cũng nhờ nghiên cứu tiếp cận về mặt thời gian.

Lễ hội cầu mùa/mừng lúa mới với toạ cách là đề tài nghiên cứu độc lập thì có số lượng không nhiều và cho tới nay chưa có công trình nghiên cứu cụ thể và chuyên sâu nào về lễ hội Bun Khoun Khoan Khao của người Phu Thai ở Lào. Do đó, đề tài được người viết lựa chọn trên cơ sở kế thừa các kết quả nghiên cứu trước đó, gắn với nghiên cứu thực địa để hoàn thành luận văn thạc sĩ của mình.

Huyện Songkhone là một trong những tỉnh rộng lớn của Savannakhet, có điều kiện môi trường đặc thù chi phối tới hoạt động canh tác lúa nước của người dân nơi đây. Đây cũng là huyện có đông người Phu Thai sinh sống. Việc tìm hiểu tổng quan những đặc trưng của người Phu Thai nơi đây như lịch sử tộc người, trang phục, nhà ở, ẩm thực, tín ngưỡng tôn giáo... giúp phác họa con người và tính cách của người dân tộc Phu Thai, là cơ sở để triển khai nghiên cứu lễ hội truyền thống gắn với cuộc sống và tập quán canh tác của người Phu Thai tại huyện Songkhone, tỉnh Savannakhet, Lào.

Chương 2: LỄ HỘI BUN KHOUN KHOAN KHAO TRƯỚC ĐỔI MỚI (1986)

2.1. Một số vấn đề chung về lễ hội Bun Khoun Khoan Khao trước đổi mới

2.1.1. Lịch sử hình thành lễ hội Bun Khoun Khoan Khao

Gạo và văn hóa Lào được hình thành trên sự liên kết chặt chẽ và lâu đời. Bên cạnh việc là lượng thực chính của người Lào, gạo còn đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành lối sống và giá trị văn hóa được truyền lại từ thời cổ đại và vốn có trong tín ngưỡng, phong tục cũng như nghi lễ tôn giáo cho tới ngày nay. Nữ thần gạo Nang Khosop - vị thần trong văn hóa tâm linh của người dân Phu Thai, được người dân thờ phụng để cầu xin vụ mùa được diễn ra thuận lợi trong suốt một năm. Nữ thần này còn có tên là Mae Khwan Khao có nguồn gốc là một vị thần trong truyền thuyết dân gian cổ đại của người Thái Lan [19].

Có rất nhiều truyền thuyết liên quan tới nữ thần Khosop và người Phu Thai cũng có một dị bản riêng của mình. Theo một số câu chuyện kể lại, người Phu Thai có một bản ghi chép về sự tích ra đời của lễ hội Bun Khoun Khoan Khao gắn liền với nữ thần gạo Khosop nhưng người Phu Thai tại Savannakhet thì không được lưu giữ bản thảo này, họ chỉ biết tới truyền thuyết thông qua truyền miệng của ông bà.

Theo đó, Nang Khosop là cô gái đẹp sống giữa những cánh đồng lúa tươi tốt được con người nuôi dưỡng. Một ngày nọ, một vị vua bất chính đã gây ra nạn đói bằng cách tích trữ hết lúa gạo của người dân để đổi lấy vàng, voi và những hàng hóa xa xỉ khác cho mình. Trong những ngày khó khăn của nạn đói, có một cặp vợ chồng nô lệ già đã vô tình gặp một ẩn sĩ trong rừng. Họ tha thiết xin vị ẩn sĩ thỉnh cầu với Nang Khosop để phát gạo cho người dân. Thế nhưng nữ thần gạo đã tức giận và từ chối. Ẩn sĩ sau đó vì

lo sợ cho tương lai của Phật pháp nên đã ra tay trừng trị Nang Khosop và biến cô thành nhiều mảnh nhỏ. Kết quả mà các mảnh từ thân thể của Nang Khosop rơi xuống trần gian và trở thành nhiều loại gạo khác nhau như gạo đen, gạo trắng, gạo cứng (khâu chao) và gạo nếp. Cặp vợ chồng già đã dạy con ngọìi cách trồng các loại gạo mới này bằng những hạt nhỏ và truyền bá các học thuyết Phật giáo. Từ đó, cuộc sống con ngọìi trở nên no đủ hơn nhờ việc biết trồng và sống nhờ lúa gạo. Chính vì vậy mà cứ hàng năm, sau khi kết thúc vụ mùa, ngọìi ta lại gặt lúa mà mình đã gieo trồng đợc, chất thành tháp lúa cao và thỉnh cầu tới nàng Khosop, mong một năm tới lại đợc ấm no.

Một số truyền thuyết khác tại vùng Đông Bắc Thái Lan của ngọìi Phu Thai lại có nội dung nhân từ hơn, nữ thần đợc gọi là Phosop, khi coi Phosop nhỏ là “mẹ”. Truyền thuyết rằng năm đó hạn hán lớn, Phosop bấy giờ có một đứa con nhỏ và không biết làm cách nào để cứu đứa con của mình. Không đành lòng nhìn đứa con nhỏ của mình hấp hối, nàng đã leo lên vách đá và trẫm mình xuống bên cạnh ngôi nhà của hai mẹ con. Nơi xác nàng trẫm mình xuống mọc lên những cây lúa trổ hạt trĩu bông, oản mình xuống nhỏ sự thương cảm hợng về đứa con của mình. Ngọìi dân sau đó thoát nạn đói vì nhớ ơn nàng Phosop nên đã gọi nữ thần là “mẹ” cũng là để tỏ lòng nhớ về sự hi sinh cao cả của nàng [26, tr. 226].

Cũng chính vì truyền thuyết này mà các nghi lễ trong lễ hội cũng bị tác động không nhỏ. Tại nhiều nơi thờ nữ thần gạo nhợng lại có nhiều biến thể của lễ hội gắn với từng giai đoạn sản xuất lúa. Ví dụ tại Thái Lan và Campuchia, họ tổ chức lễ hội cày. Họ chọn ra một con bò tốt và khỏe đợc coi là bò thiêng, gắn vào dụng cụ cày bằng gỗ và tiến hành các nghi lễ cày trên đồng ruộng. Trợc mặt con bò sẽ đợc để một đĩa gồm nhiều loại ngũ cốc. Nếu con bò chọn ăn loại gì thì năm đó sẽ trồng và thu hoạch loại cây đó. Mặc dù nhiều công trình nghiên cứu khẳng định rằng Phosop không phải là

một phần của tôn giáo Thái Lan hiện đại và cả người Phu Thai, nhưng việc tổ chức lễ hội là để tôn vinh bà và mỗi giai đoạn canh tác để làm ra hạt lúa có ý nghĩa truyền thống sâu sắc [11], [42, tr. 32]. Việc không tổ chức lễ hội có thể khiến họ tin rằng sẽ làm thần Phosop tức giận và gây mùa màng thất bát cho người dân.

Lễ hội Bun Khoan Khoan Khao (đồng bào)

· 80 ·

tên gọi khác nhau như lễ cầu mùa, lễ hội mừng lúa mới, hội vía lúa... Về cấu nghĩa tên của lễ hội này, chữ *bun* là danh từ chỉ chung cho các lễ hội, chữ *khoun* trong *Khoun Khoan Khao* có nghĩa là gập bội, *khoan* là vía, *khao* có nghĩa là gạo, chứa đựng sự tri ân của bà con với mẹ *Khoun Khao* và mong muốn của bà con về một vụ mùa bội thu hơn nữa trong năm tới. Lễ hội Bun *Khoun Khoan Khao* là một nghi lễ nông nghiệp được tổ chức hàng năm, được người Phu Thai truyền qua nhiều thế hệ và có ý nghĩa quan trọng trong đời sống tinh thần của đồng bào.

Lễ hội Bun *Khoun Khoan Khao* còn có cái tên là “lễ hội xếp lúa” vì lúa sau khi được thu hoạch xong sẽ được phơi khô ngoài ruộng và sau đó được mang về xếp thành ba tháp lúa, một tháp lúa trung tâm cao và to nhất, hai tháp lúa còn lại xếp xung quanh. Các tháp lúa càng cao càng chứng tỏ vụ mùa thành công của người nông dân. Các tháp lúa đã trở thành biểu tượng của lễ hội Bun *Khoun Khoan Khao* của người Phu Thai nói riêng và các dân tộc Lào nói chung bởi hình tượng tháp có ý nghĩa rất thiêng liêng và đặc sắc trong văn hóa của người Lào. Tháp lúa này có điểm tương đồng với các kiến trúc chùa trong văn hóa tâm linh của người Lào. Ba tháp lúa biểu thị cho quan niệm của Phật giáo tiểu thừa về sự giải thoát con người ra khỏi ba loại khổ gắn liền với ba giới nhằm đạt đến trạng thái vô tướng và siêu thế giới [7, tr. 32].

2.1.2. Mục đích tổ chức lễ hội

Bun Khoun Khao là một trong những lễ hội quan trọng nhất của người Lào. Đúng như tên gọi, lễ hội mừng lúa mới của người Phu Thai đóng vai trò như một nghi thức thỉnh cầu tới đấng linh thiêng, nhằm dâng các lễ vật tạ ơn thần lúa gạo đã phù hộ cho một năm vừa qua và cầu mong một năm mùa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, người dân được ấm no hạnh phúc. Trên hết, người dân Phu Thai tổ chức lễ hội này để bày tỏ sự cảm kích của mình đối với thần linh của vùng đất, đã cho một vụ mùa bội thu.

Bên cạnh đó, lễ hội thể hiện sự trân trọng đối với công sức của những con người đã làm ra hạt thóc, hạt gạo. Mục đích nhằm giáo dục con cháu không được quên ơn ông bà, cha mẹ đã vất vả để làm ra hạt thóc. Đồng thời tỏ lòng biết ơn lúa gạo, tôn vinh những tinh túy của đất trời liên quan đến lúa gạo.

2.1.3. Thời gian tổ chức

Thời gian tổ chức của các lễ hội cầu mùa có sự khác biệt giữa các dân tộc và giữa các quốc gia có nền nông nghiệp phát triển trên thế giới. Tại Anh, lễ hội thường được tổ chức vào ngày 01 tháng 08 hàng năm và được gọi là Lammas hay còn gọi là “lễ hội bánh mì”. Người nông dân sẽ nướng bánh mì bằng lúa mì mà họ vừa thu hoạch được và mang tới nhà thờ. Những ổ bánh mì này sẽ được coi là vật tế trong buổi lễ tạ ơn Chúa vì mùa gặt. Tại các dân tộc thiểu số của Việt Nam có nhiều đặc điểm tương đồng trong sinh hoạt và ngôn ngữ của người Phu Thai cũng có thời gian tổ chức lễ hội cầu mùa khác nhau trong năm như: Người Dao Tuyển tổ chức lễ cầu mùa vào ngày tý tháng giêng hàng năm; người Hà Nhì Đen ở vùng cao biên giới thuộc huyện Bát Xát tại chọn thời điểm vào cuối hè hay còn gọi là Tết tháng sáu khi lúa đã lên đòng, ngô đã xanh lá để tổ chức lễ hội. Là dân tộc có nhiều nét tương đồng với

ngời Phu Thai, dân tộc Tày của Việt Nam lựa chọn thời gian tổ chức lễ hội vào rằm tháng giêng hàng năm...

Dù được tổ chức vào thời gian nào trong năm nhưng giữa các dân tộc đều có chung những tiêu chí để lựa chọn thời gian tổ chức lễ hội:

- Lễ hội chỉ được tổ chức sau khi người dân đã hoàn tất xong việc đồng áng như đã thu hoạch xong, hay đã gieo trồng xong.

- Thời gian tổ chức lễ hội thường vào cuối xuân hoặc đầu hè, trọng trọng cho thời gian sinh sôi, nảy nở mạnh nhất của cây cối và sinh vật trong năm.

Người Phu Thai trước năm 1986 không có ngày tổ chức lễ hội Khoun Khoan Khao cố định. Thời gian để tổ chức lễ hội là khi vào thời điểm mùa xuân sau khi đã thu hoạch xong. Đây cũng là thời điểm để người nông dân thoi giãn và tận hưởng thành quả lao động vất vả của mình trong suốt vụ mùa vừa qua. Nữ pháp sư và giới chức sắc trong làng sẽ họp bàn để quyết định ngày tốt trong khoảng thời gian này để tổ chức lễ hội.

Trong lễ hội Khoun Khoan Khaotruyền thống, thời gian tổ chức lễ hội chỉ kéo dài một ngày đêm. Trong đó, ban ngày sẽ diễn ra các nghi lễ chính, buổi chiều và đêm sẽ tổ chức tiệc ăn uống của cả cộng đồng từ gạo mới thu hoạch và các hoạt động diễn xướng bằng nhạc cụ truyền thống.

2.1.4. Không gian, địa điểm tổ chức

Lễ hội Khoun Khoan Khao trước năm 1986 của người dân Phu Thai trên đất nước Lào được tổ chức tại nhiều địa điểm có thể tổ chức bên bờ sông Mê Kông, xung quanh thủ đô Viêng Chăn. Tại các bản làng, có sự khác nhau về việc lựa chọn nơi tổ chức lễ hội giữa các bản làng. Có nơi lựa chọn ngôi đền – không gian sinh hoạt văn hóa tâm linh chung của cả làng để làm nơi tổ chức lễ hội; có nơi lại chọn bãi đất trống tại trung tâm của cộng đồng để tổ chức.

Tại làng Nakala, nơi được lựa chọn là nơi bằng phẳng và được dựng một *làn khẩu*, một nơi được bồi đắp bằng đất sét. Lúa khi gặt sẽ được phơi khô ở ruộng. Sau đó sẽ được mang ra *làn khẩu* để đập lấy thóc và chát thành đồng tại đây trước khi được mang đi tích trữ và tổ chức lễ hội mừng lúa mới. Bà con nhân dân sẽ cầu thần cai quản ruộng nương tiếp tục chăm sóc và bảo vệ mùa màng được tươi tốt và ban cho vụ mùa bội thu gấp nhiều lần năm trước.

Các địa điểm được lựa chọn để tổ chức lễ hội dù khác nhau nhưng vẫn có những đặc điểm chung, gắn liền bởi 3 yếu tố không thể thiếu là đất – nước – gạo. Điều này xuất phát từ tín ngưỡng cổ xưa của người Phu Thai. Trong tín ngưỡng nguyên thủy của người Phu Thai, có năm yếu tố chính là gạo, rượu gạo, thần (gọi là các *thaan*), naga và linh hồn. Thaan là trung tâm của thần thoại và những câu chuyện giải thích nguồn gốc và sự tiến hóa của người Phu Thai. Naga có nguyên gốc là *nak* trong tiếng Thái được coi là linh hồn sông. Trong tín ngưỡng của người Thái, thần rắn được tôn thờ trọng trọng cho sự sống và khả năng sinh sản.

Linh hồn trong tín ngưỡng của người Phu Thai là một tập hợp các năng lượng sống, giúp con người duy trì sự sống và lao động. Tín ngưỡng nguyên thủy cho rằng có từ 80 đến 100 hạt nhân (hay gọi là *kwan*) để tạo thành linh hồn. Tuy nhiên, dưới sự tác động và du nhập của Phật giáo, chỉ còn 32 kwan. Một số dân tộc khác lại có quan niệm riêng về kwan. Người Tà Lủ tin rằng có 32 kwan ở phía trước cơ thể và 30 kwan ở phía sau [41, tr. 750]. Một số nhóm dân tộc phía Đông Bắc Lào như nhóm Tai Deng tin rằng con người có 90 kwan, nhóm Tai Dam lại tin rằng con người có 80 kwan, các kwan này phụ thuộc lẫn nhau và tạo thành một tổng thể độc nhất, mang lại sức sống và sự thịnh vượng cho con người.

Khác với các dân tộc khác, người Phu Thai không biết chính xác hình dạng hoặc vị trí của kwan trong cơ thể, nhưng các kwan được nhận dạng với các đặc điểm như sau:

- Kwan có tính khí như trẻ con, có bản chất ghen tị và có phần sợ hãi;
- Kwan tạo thành một chỉnh thể của linh hồn con người;
- Kwan không thể thay thế;
- Kwan có khả năng rời khỏi hoặc đi vào cơ thể. Do đó, chỉ có những người quyền năng mới có thể áp dụng những biện pháp để “buộc kwan” vào cơ thể.
- Kwan có sự tồn tại độc lập với cơ thể và có thể tồn tại ngay cả khi con người chết.

Họ quan niệm sự liên kết giữa các yếu tố này như sau: Thaen là người điều khiển hệ thống thể giới tự nhiên, naga là người điều khiển vùng nước chăm sóc hành trình của các kwan và đọa kwan đến muang Thaen (Thiên đàng) sau khi chết [12, p. 146]. Địa điểm được lựa chọn để tổ chức các nghi lễ truyền thống phải hội tụ đủ ba yếu tố đất – nước – gạo để thông linh với các vị thần, đảm bảo cho việc tổ chức được diễn ra thuận lợi.

2.2. Quá trình chuẩn bị lễ hội

Quá trình chuẩn bị cho lễ hội bao gồm các hoạt động sau:

2.2.1. Phân công công việc

Vào thời điểm sau khi lúa trên đồng đã được gặt, pháp sư cùng trợ ngữ bản và các vị bô lão sẽ ngồi họp với nhau để ấn định ngày tốt sẽ tiến hành tổ chức lễ hội. Sau khi ngày tổ chức lễ hội được ấn định, trước đó một tuần, đại diện mỗi gia đình sẽ được triệu tập để họp bàn, phân công công việc. Các

công việc chuẩn bị lễ hội được phân công một cách hợp lý và đồng đều vì người Phu Thai cho rằng việc chuẩn bị lễ hội không chỉ là nghĩa vụ mà còn là

vinh dự của gia đình được đóng góp công sức và thành kính của mình lên các vị thần.

Các công việc được phân công bao gồm: 1. Trang trí không gian lễ hội (dựng tháp lúa, trang trí cổng vào của lễ hội, sắp xếp bàn ghế và trái thơm hoặc bát để người dự lễ ngồi). Công việc này thường được phân công cho những người đàn ông và thanh niên trai tráng trong bản; 2. Trang khí không gian tiến hành nghi thức lễ chính (đan *cà thông*, *sản tà leo*, chuẩn bị *Pha Khouan...* sẽ do phụ nữ thực hiện); 3. Chuẩn bị nguyên liệu và nấu bữa tối chung cho cả làng sẽ do một người đã làm công việc này lâu năm trong làng phụ trách, các hộ gia đình khác trong làng sẽ cùng đóng góp thực phẩm để chuẩn bị cho bữa tối; 4. Âm nhạc trong lễ hội sẽ giao cho đầu mỗi phụ trách, các tiết mục được biểu diễn bởi người dân trong làng...

2.2.2. Trang phục tham gia lễ hội

Lễ hội Khoun Khoan Kha có ý nghĩa rất quan trọng và thiêng liêng trong đời sống tâm linh của người Phu Thai, hơn nữa một năm chỉ diễn ra một lần nên họ rất háo hức và chuẩn bị kỹ lưỡng để tham gia lễ hội. Điều này thể hiện trong trang phục mà họ chuẩn bị cả năm để tham gia lễ hội.

Trang phục của đàn ông khi tham gia lễ hội có nhiều điểm khác biệt so với trang phục sinh hoạt thường ngày. Nếu nhợt thường ngày để phục vụ công việc sinh hoạt, họ chỉ mặc quần đen ống dài, hoặc cuốn *sarong* thì khi tham gia lễ hội, trang phục khá cầu kỳ. Đàn ông mặc các *sarong* với độ dài 3m được dệt từ tơ tằm, quấn quanh hông. Phần chân của *Sarong* được đính kèm các sợi chỉ xoắn, tua rua có màu nâu nhạt, hoặc màu chàm đồng nhất với màu của *sarong* với sọc lụa trắng được đính ở hai đầu, được gọi là *phaa hang*. Phần trang trí này của trang phục có ý nghĩa trong việc tạo hiệu ứng thẩm mỹ khi họ tham gia vào các điệu nhảy trong lễ hội, với những động tác xoay tròn, các

tua rua sẽ xòe ra rất đẹp mắt. Trên vai họ choàng chéo khăn đợc gọi là *phaa khít*.

Trang phục lễ hội của phụ nữ Phu Thai cũng khá cầu kì và đẹp mắt, cũng đợc làm bằng tơ tằm. Tơ tằm là vật liệu quý chỉ đợc dùng riêng để làm trang phục cho các dịp lễ hội hoặc các sự kiện lớn trong đời người của người Phu Thai. Phần áo đợc thiết kế dài tay, phần eo đợc thắt nhẹ tạo sự thanh thoát. Màu áo chàm đợc dệt xen kẽ với nhiều màu sắc và họa tiết trang trí hơn so với trang phục thường ngày. Đờng viền cổ áo, thân áo và tay áo có màu sắc sặc sỡ. Phần khăn choàng đợc dệt to bản hơn so với phần khăn choàng của ngày thường, với màu sắc nổi bật hơn. Váy đợc khâu từ 3 mảnh vải tạo thành một tấm vải rộng từ 1.6 đến 2m và có chiều dài khoảng 1m. Tấm vải sau đó đợc gấp làm đôi và khâu các đầu lại với nhau để tạo thành một hình ống. Phần thắt lưng to bản sẽ đợc gấp cùng một sợi dây tạo thành ống và sau đó đợc cố định bằng một đai kim loại đợc cheo một số chuông nhỏ bên eo.

Phần thắt lưng tuy ít đợc trang trí cầu kỳ nhưng là đặc điểm nhận dạng của các cô gái Phu Thai và cũng đợc chăm chút khi để mặc tham gia lễ hội. Phần thắt lưng của váy đợc gọi là *ho la – euh* của trang phục lễ hội là một tấm vải đỏ, dây thắt lưng đợc gọi là *ho khao* đợc là từ sợi dệt không nhuộm. Các màu sắc nổi bật như đen, cam, vàng, xanh đợc dệt xen kẽ nhau tạo hiệu ứng màu sắc theo các hình dạng như hình thoi, bát giác. Một số phụ nữ trong gia đình quý tộc và giàu có thì dây lưng không chỉ là dây vải thông thường mà còn đợc bọc vàng hoặc bạc tạo điểm nhấn cho phần eo.

Một phần quan trọng là trang phục của *moi yau*. Nữ pháp sơi có trang phục riêng và đợc truyền qua nhiều đời pháp sơi. Trang phục của pháp sơi có màu chàm truyền thống giống với trang phục truyền thống của người Phu Thai. Cánh áo dài gồm 4 tà và đợc buộc ở thắt lưng bằng tấm vải đỏ. Áo cánh

của pháp sơi có nút cài chạy dọc từ cổ áo xuống đầu gối. Bên trong, pháp sơi mặc áo có cổ trụ màu trắng. Phần chân váy chạm mắt cá chân, có đờng kẻ ngang màu trắng dệt xen kẽ với màu trà. Áo cánh đợc mặc ra bên ngoài, nổi bật với những đờng dệt màu đỏ hình quả trám. Hai bên vạt áo đợc dệt các chữ cổ xoạ trong ngôn ngữ Phu Thai nguyên thủy. *Moi yau* đội mũ có hình chóp vuông. Dọc theo phần đỉnh mũ có gắn các lục lạc nhỏ. Các lục lạc sẽ kêu khi *moi yau* di chuyển và tạo thành các âm điệu có tiết tấu theo toạ thể khi thực hiện các nghi thức cúng của *moi yau*.

2.2.3. Lễ vật dâng cúng

Lễ hội Bun Khoun Khoan Khao vốn là một tín ngưỡng nông nghiệp, mang đậm dấu ấn Phật giáo và thuyết vật linh, do đó những vật phẩm dâng cúng là những đặc sản ngon, đợc tạo ra từ quá trình trồng trọt hay đánh bắt nhỏ cá sông Mê Kông chiên giòn, gói đu đủ, thuốc lá trồng tại nhà và rọu gạo. Đồ tế càng phong phú càng chứng tỏ sự biết ơn và cảm kích của họ tới vị thần đã cho một vụ mùa bội thu.

Đồ lễ cúng theo truyền thống ít nhất cần có gà luộc, rọu, tẩu thuốc, com nếp trộn màu đỏ đen toạng trọng cho các mảnh của nàng Khosop, thức ăn mặn ngọt, bánh kẹo, nến, hoa, tiền lẻ và một con gà sống để thực hiện nghi thức hiến tế. Đồ lễ đợc đựng trong các *sản tà leo*, một dạng đồ đan lát bằng lá cọ phục vụ mục đích gói vĩa để mang tới nơi tổ chức lễ hội. Lễ vật dâng cúng mang trong mình hai ý nghĩa. Một là, những sản vật dâng cúng là những thành quả từ quá trình lao động nông nghiệp của người nông dân, phản ánh toạ duy và trình độ phát triển của con người từ khi biết gieo trồng, sau đó biết chế biến thành sản vật, nhằm thể hiện lòng thành và sự tôn kính đối với nữ thần. Hai là, nến, hoa, tiền lẻ đóng vai trò nhỏ một phọng tiện liên lạc để thỉnh cầu thần linh về với đời sống thực tại, mở cánh cửa thông thiên giữa thế giới thực và thế giới tâm linh.

Nến, hoa và tiền lễ là đồ cúng không thể thiếu trong lễ hội để thực hiện nghi thức tâm linh. Trong số đó, thắp nến là một nghi thức tín ngưỡng cổ xưa của đạo Phật nguyên thủy, được nhắc và lưu truyền trong các thuyết pháp. Phật dạy rằng chúng sinh đều có tính thiện, tuy nhiên bị dục vọng thâm kín che mờ mắt. Khi lễ Phật cần phải thể hiện rõ tấm lòng của mình, dùng nến dâng lên ban Phật để tỏ rõ chân tâm thiện ý, thể hiện sự thành kính, cúng tiến Phật vật phẩm trong sạch, tốt đẹp [39, tr.49]. Hay một thuyết khác trong đạo Phật cũng đã ghi chép lại, đời sống thực tại trong trần gian là chốn u minh, giống như căn nhà tối. Chúng sinh muốn thoát ly khỏi đau khổ thì phải phát tâm, tu thân tích đức, cũng như dùng ngọn đèn sáng để tiêu tan sự tối tăm đau khổ. Trong kinh Thí Đẳng Công Đức của ngài Việt chép: Tín ngưỡng Phật Pháp Tăng, cúng dường đèn nến, được phước báu vô biên. Sau khi Phật nhập diệt dùng đèn để cúng dường nơi chùa tháp thì hiện đời được ba loại tâm thanh tịnh, khi mệnh chung do thiện tâm này không mất, nên được ba loại trí tuệ. Sau khi chết được sanh về cõi trời [4, tr. 702]. Trong tín ngưỡng của ngài Phú Thai thì nến còn đóng thêm một vai trò khác là thắp sáng dẫn đường, mở ra con đường vàng thính cầu các vị thần linh trở về để phù hộ, ban phát lộc cho con cháu được sức khỏe, hạnh phúc và bình an.

Đây là điều khác biệt trong nghi thức tâm linh giữa ngài Phú Thai nói riêng, ngài Lào nói chung và với ngài Việt Nam theo đạo Phật. Theo quan sát của tác giả, ngài Việt Nam trong gia đình với tục thờ cúng tổ tiên hoặc thực hiện các nghi lễ trong lễ hội truyền thống thì nghi thức không thể thiếu đó là dâng hương. Nghi thức dâng hương đã trở thành phong tục tập quán lâu đời của ngài Việt Nam và họ quan niệm rằng khi nến hương được đốt lên, sẽ trở thành một nhịp cầu vô hình kết nối hai thế giới hữu hình và vô hình với nhau. Hơn nữa còn khá tỉ mỉ trong việc lựa chọn số lượng que hương để thắp vì quan niệm về các con số. Ví dụ như số 1 thể hiện lòng thành; số 2 là để

thấp khi viếng ngôiòì chết; số 3 tượng trưng cho Tam bảo – Tam giới – Tam thời – Tam vô lậu học của nhà Phật; số 5 tượng trưng cho 5 phương trời đất, 5 hướng thần linh và thuyết phong thủy ngũ hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ; Số 7 và số 9 tượng trưng cho vía của con ngôiòì và đợc quan niệm là “nam thất, nữ cửu”, tức là ngôiòì nam có 7 vía và ngôiòì nữ có 9 vía [3]. Điều này không có nghĩa ngôiòì Việt Nam không dùng nên, nhưng thường nên chỉ đợc thấp cùng hợng hoặc đợc bày trong các lễ hội Phật giáo. Nên không thường đợc sử dụng hoặc đợc coi là đồ lễ chính trong các lễ hội truyền thống của ngôiòì Việt Nam.

Đồ cúng đợng đặc biệt quan trọng và có ý nghĩa trong việc tạo ra liên kết tái tạo liên tục giữa thế giới linh hồn và thế giới thực. Vậy nên, đồ lễ cúng đợng phải đợc chọn từ những thứ mới nhất, chất lượng tốt nhất để đem lên dâng cúng. Những đồ lễ cúng đợng phải do ngôiòì phụ nữ chuẩn bị, tượng trưng cho vai trò của ngôiòì phụ nữ Phu Thai trong mối tượng quan với các quan hệ tâm linh và cả quan hệ thực tại. Điều này đợc khẳng định từ truyền thống, tập tục của ngôiòì Phu Thai khi thờ nữ thần lúa gạo Khosop; ngôiòì phụ nữ đóng vai trò là tâm điểm trong tổ chức họ hàng, từ tục con gái út ở lại với cha mẹ khi về già, thừa kế tài sản của cha mẹ, pháp sớ của ngôiòì Phu Thai cũng là nữ... cho tới các nghi lễ thực hiện tại nhà cũng có sự tham gia của tất cả các thành viên nữ trong gia đình.

2.2.4. Trang trí không gian lễ hội

Lễ hội đợc tổ chức không gian rộng và bằng phẳng. Cổng vào của lễ hội đợc đan bằng lá và rom dựng thành một cổng vòm lớn. Giai đoạn trước năm 1986, cổng đợc trang trí bằng các loại hoa địa phương, các quả cầu giấy đợc làm từ giấy nhiều màu sắc và dính kết với nhau. Cổng vòm đợc đan kết hoàn toàn thủ công và không có dòng chữ hay huy hiệu, đợc dựng cao, nổi bật báo hiệu cho dân làng về lễ hội sắp đợc diễn ra.

Không gian chính lễ hội nổi bật với ba tháp lúa được xếp ở vị trí trung tâm. Lúa này được người dân Phú Thai thu hoạch và phơi khô ngoài ruộng. Khi thời gian tổ chức lễ hội được ấn định, họ sẽ mang lúa và thóc từ ngoài ruộng về và chất lên trong các *làn khẩu*. Sau khi lễ hội kết thúc, thóc lúa này sẽ được mang về để sinh hoạt trong gia đình cho tới vụ mùa tiếp theo. Việc góp bao nhiêu lúa gạo vào lễ hội đều do người dân tự nguyện và không có sự quản lý hay định mức từ phía trông làng.

Sau khi các tháp lúa đã được dựng xong, các sản tà leo dựng lễ vật sẽ được đặt vào bốn góc của *làn khẩu* để làm dấu. *Chín cà thông* – loại vật dụng được đan từ lá dừa rất khéo léo của người Phú Thai sẽ dùng dựng hoa, đồ cúng lễ và bày xung quanh Pha Khouan tại khu vực lễ chính. *Pha Khouan* là từ chỉ chung cho các tháp hoa lớn được bày ra ở các lễ hội, sự kiện của người Lào (ví dụ trong đám cưới, luôn phải có hai *Pha Khouan* tượng trưng cho đôi lứa). *Pha Khouan* được kết bằng bàn tay khéo léo của người phụ nữ Phú Thai. Họ sử dụng các loài hoa bản địa như cúc vạn thọ, lá chuối, hoa địa phượng để kết thành *Pha Khouan*. Trong mâm lễ, hoa có ý nghĩa quan trọng vì nó có sự thu hút đặc biệt với các *kwan*, phản ánh sự phong phú về hệ thực vật phong phú của địa phương, đồng thời cũng gắn với giá trị thẩm mỹ và có mặt trong văn hóa dân gian Lào. Cách cắm hoa để tạo thành *Pha Khouan* được thực hiện một cách có chủ đích, mang lại ấn tượng chung về một trật tự hoàn hảo, tạo thành một tháp hoa có giá trị thẩm mỹ cao.

Hoa, đồ lễ trong lễ hội nguyên thủy được đặt trong chiếc giỏ làm từ hoa chuối tươi. Song để tăng tính trang trọng và thể hiện sự phát triển, giàu có của cộng đồng, một cái khay bằng bạc đã được thay thế. *Pha Khouan* này được đặt trên một khay lớn bằng bạc chứa gạo nếp sống. Trứng gà được luộc chín gọi là *trúng kwan* sẽ được xếp lên khay. Những quả trứng này tượng trưng cho cuộc sống và sự tái sinh. Các đồ lễ khác bao gồm chuối chín, thịt,

xôi, bánh kẹo sẽ được xếp xen kẽ. Pha khouan có cấu trúc hình chóp, được tạo hình bởi lá chuối xếp lại, phía trên là một cây nến được làm từ sáp ong, gọi là *thien xay* có nghĩa là nến chiến thắng, tượng trưng cho chiến thắng trước vận mệnh xấu. Các sợi chỉ sẽ được thắt trên các que tre và cắm tỏa xung quanh Pha khouan theo từng tầng. Một mâm lễ khổng lồ nhỏ vậy sẽ được đặt trên tấm thảm được dệt bởi bàn tay khéo léo của người phụ nữ Phu Thai trong vùng gọi là *Phaa la-euh*.

Khu lễ chính nổi bật với *Pha Khouan* ở vị trí trung tâm, các đồ lễ được phân loại và xếp xung quanh *Pha Khouan*. Rượu gạo được rót ra nhiều chén nhỏ xếp vòng tròn. Tiền lễ được rải bên cạnh các chén rượu gạo. Không gian lễ được gấp rút bày biện trong khoảng thời gian buổi sáng trước khi *moi yau* và tu sĩ tiến hành các nghi lễ chính (thường vào 9 giờ sáng).

2.3.Các nghi lễ chính

Buổi sáng ngày hôm sau khi đã chuẩn bị hoàn tất các công việc trang trí không gian lễ hội, khi mặt trời nhô lên sau ngọn tháp lúa cũng là lúc chủ tế và người dân cùng tham gia các nghi thức cúng thiêng liêng. Phần lễ chính trong lễ Khoun Khoan Kha của người Phu Thai gồm có ba nghi thức chính:

2.3.1. Lễ thỉnh thần

Chủ tế hay người chủ trì lễ cúng được gọi là *quan chảm* sẽ mời thần linh cai quản ruộng nương về dùng lễ đã được chuẩn bị trong *cà thông*, đồng thời xin cho thần tiếp tục bảo hộ mùa màng năm tới của bà con được bội thu hơn nữa. Mặc dù thừa nhận tín ngưỡng của mình rất đa dạng, có những lễ hội sẽ có sự tham gia của hai nghi thức song hành là nghi thức nguyên thủy của người Phu Thai và nghi thức Phật giáo. Song trong giai đoạn này, chủ lễ thường là các *moi yau*. Lễ Bun Khoun Khoan Kha nguyên thủy chỉ có duy nhất *moi yau* được làm chủ lễ. Thời gian sau khi người Phu Thai định cư tại Lào, cùng với sự giao thoa tôn giáo và ảnh hưởng của đạo Phật, các nhà sư đã

được phép để tham gia cùng làm chủ lễ trong lễ hội của người Phu Thai nhưng số lượng rất hạn chế, chỉ một hoặc hai nhà sọ. Mặc dù có sự tham gia của nhà sọ nhưng người trực tiếp liên hệ với các thần linh chỉ có một mình *moi yau* được thực hiện.

Nghi lễ giao tiếp với thần linh này của các *moi yau* được gọi là *lam phi* hay *lam seon*. *Moi yau* sẽ đọc thấp nền và đọc bài khấn tới thần linh trước Pha Khuoan. Rượu gạo sẽ được *moi yau* vừa uống, vừa rải xuống đất xung quanh khu vực làn khâu. Người dân tham gia hai tay chấp trước ngực, im lặng và dõi theo các động tác của *moi yau*. Âm thanh duy nhất ngoài tiếng khấn của *moi yau* chính là khèn bè. Khèn bè được coi là âm thanh dẫn truyền, đưa lời khấn của *moi yau* thỉnh tới các thần linh, mời nữ thần Khosop và các thần linh về thế giới thực tại để thưởng thức thành quả cúng dường của người dân, ban phát phước lộc và phù hộ cho người dân được một vụ mùa bội thu trong năm tới.

2.3.2. Lễ hiến tế

Hiến tế là việc cung cấp thực phẩm, đồ vật hoặc cuộc sống của động vật hoặc con người cho một mục đích cao hơn, đặc biệt là các thần linh, như một hành động của sự ủng hộ hoặc thờ cúng [13, tr. 132]. Trong đó, hiến tế động vật hay nghi thức giết động vật như một phần tín ngưỡng chung của nhiều dân tộc, trong đó có người Phu Thai. Nó được thực hành như một phương tiện để xoa dịu một vị thần hoặc các vị thần, hoặc thay đổi quá trình tự nhiên. Ví dụ trong đời sống tâm linh của người Takheung, việc hiến tế phục vụ lợi ích cho hai nhóm thực thể là “nhà” và “làng”. Ở nhóm thực thể làng, việc hiến tế được thực hiện mỗi năm một lần, theo những phương thức khác nhau. Có nơi chọn lợn để hiến tế, có làng nơi cuộc sống khấm khá thì chọn trâu làm vật hiến tế. Ở nhóm thực thể nhà, việc hiến tế sẽ được thực hiện trong bốn dịp khác nhau: Hiến tế cho vị thần nhà khi mà một thành

viên trong nhà bị bệnh; Hiến tế sau một thời gian bị sét đánh vào nhà hoặc ruộng lúa; Hiến tế trong đám cưới và hiến tế trong đám tang.

Một ý nghĩa khác của nghi thức hiến tế đó là phục vụ chức năng xã hội hoặc kinh tế trong các nền văn hóa, nơi mà các phần ăn được của động vật bị hiến tế sẽ được phân phối cho những người tham dự lễ hiến tế để ăn. Trong lịch sử cổ đại, sự hiến tế động vật xuất hiện ở hầu hết các nền văn hóa, từ người Do Thái đến người Hy Lạp và La Mã nhờ nghi lễ thanh tẩy Lustratio, tôn giáo hiến tế cừu, bò đực, bê đực và ngỗng, các động vật khác không được phép hiến tế [17]. Trong xã hội hiện đại, nghi thức hiến tế vẫn còn được duy trì ở nhiều quốc gia. Tại Việt Nam điển hình có lễ hội chọi trâu ở Đồ Sơn, Hải Phòng, chú trâu thắng cuộc sẽ được phong là “Ông trâu”, sau đó được xẻ thịt và bán cho khách tham quan. Người tham quan mua được thịt của Ông trâu sẽ được cho là có may mắn và sức khỏe. Tại Lào, trâu cũng là con vật được chọn làm vật hiến tế trong nghi thức của người Rmeet (Lamet) – một dân tộc nhánh Môn – Khơ me phía Bắc Lào cũng để phục vụ cho việc thờ và bán cho người địa phương, khách tham quan sau khi nghi thức kết thúc. Một điểm chung trong việc lựa chọn động vật hiến tế là những con vật gắn liền với cuộc sống nhà nông như bò, trâu, lợn, gà... do các nghi thức này là một phần không thể thiếu trong nghi lễ nông nghiệp. Người Phu Thai đã lựa chọn con gà để làm vật hiến tế trong nghi lễ, với mục đích đầu tiên nhằm xoa dịu cơn thịnh nộ của nữ thần Khosop và các vị thần khác khi mùa màng của họ gặp thiên tai như hạn hán, hoặc cũng là để tạ ơn các vị thần đã bảo vệ mùa màng. Con gà được lựa chọn để hiến tế nhất thiết phải là gà trống đủ lớn, có mào đỏ, có cựa sắc và bộ lông óng mượt, mắt sáng. Con gà trong ba ngày trước khi tiến hành nghi thức sẽ được cho ăn những loại gạo ngon nhất. Buổi sáng khi bắt đầu nghi lễ, con gà sẽ được buộc dây tại một cây cọc gần với các tháp lúa.

Sau khi kết thúc nghi thức thỉnh hồn, con gà được lựa chọn sẽ được bọc vải đỏ và mang tới chỗ nữ pháp sư. Pháp sư ôm con gà bằng hai tay, dâng lên đầu và xoay ba vòng từ bên trái và ba vòng từ bên phải nhụy để bố cáo với trời đất. Sau đó, pháp sư sẽ vặt một nhúm lông trên cổ của con gà, một người hỗ trợ sẽ mang một cái đĩa bạc và một con dao nhọn tới chỗ pháp sư. Sau khi đọc một vài lời khấn, pháp sư sẽ dùng con dao đâm qua cổ gà, máu của gà chảy ra sẽ được hứng trong đĩa bạc. Con gà sau đó sẽ được chuyển ra ngoài. Lúc này, pháp sư dứt ba cái lông đuôi của con gà, tay trái cầm đĩa tiết, tay phải cầm lông gà chấm vào đĩa tiết và vẩy vào bốn góc của làn khẩu, vừa vẩy vừa đọc trì chú.

Nghi thức này có ý nghĩa để thông báo cho thần đất rằng ngày hôm nay dân chúng có mặt nơi đây để tạ ơn thần đã ban cho gỗ để xây nhà, ban cho đất để canh tác... Lễ vật này là sự cảm tạ của dân làng, mong thần vui vẻ nhận lấy và tiếp tục bảo hộ dân làng. Nghi lễ kết thúc bằng một hồi chuông, tất cả dân làng sẽ cùng chấp tay trước ngực vào cúi đầu vái thần đất.

2.3.3. Sou kwan hay Baci – Buộc chỉ cổ tay

Trong tín ngưỡng của người Phu Thai nói riêng và người Lào nói chung, *sou kwan* hay *baci* là một nghi thức rất quan trọng và nổi bật trong đời sống tâm linh và thường được tổ chức trong những sự kiện lớn trong cộng đồng và trong một đời người. Trong ngôn ngữ của người Phu Thai, *sou* có nghĩa là “lời mời và *kwan* là linh hồn. *Sou kwan* là đúng nhụy tên gọi của nó có nghĩa là “tiếng gọi của linh hồn” [22, tr.285].

Cho tới nay đã có nhiều công trình nghiên cứu về nghi thức này của người Lào nói chung, đưa tới các kết quả nghiên cứu khác nhau về mục đích của nghi thức này. Jean Rispaud đã lập luận rằng *souk wan* là một nghi thức không mang tính tiên tri mà mang lại phước lành về sức khỏe cho người tham gia. Tuy nhiên phần nhiều học giả nghiên cứu cho rằng *souk wan* giống nhụy

một nghi thức chào đón các thành viên mới của cộng đồng nhiều hơn, khẳng định sự đoàn kết của cộng đồng do tham gia vào nghi thức này gồm toàn bộ các thành viên của cộng đồng [xem 22, tr. 289]. Với mỗi cộng đồng dân tộc thiểu số, *souk wan* được tổ chức vào những dịp khác nhau. Người dân tộc Sa Kharmu buộc một sợi dây trắng quanh cổ tay cho cô dâu, chú rể trong lễ cưới, hoặc buộc quanh cổ tay người bệnh. Người H'mong buộc chỉ vào cổ tay của đứa trẻ mới sinh để đánh dấu đứa trẻ đã sở hữu *kwan* và chào mừng đứa trẻ vào với cộng đồng. *Sou kwan* cũng được tổ chức để đánh dấu một người đàn ông xuất gia trở thành tu sĩ, hoặc khi họ đảm nhận một địa vị xã hội mới, *sou kwan* được tổ chức để tôn vinh.

Người Phu Thai cũng có cách giải thích riêng về mục đích và ý nghĩa của nghi thức *souk wan* với cộng đồng dân tộc mình. Họ cho rằng các *kwan* trong con người dễ bị thất lạc từ những tác động do chấn thương, phiền não về cả thể xác lẫn tinh thần. Nhưng các pháp sư và nhà sư có thể khôi phục lại các *kwan* này bằng nghi thức buộc chỉ cổ tay. Sợi chỉ giống như một giới hạn mà *kwan* không được phép vượt qua. Tuy nhiên, dưới góc độ cộng đồng, người Phu Thai vẫn chấp nhận rằng tục buộc chỉ cổ tay là thể hiện cho sự đoàn kết, gắn bó giữa các người dân trong cộng đồng và mong ước cầu sức khỏe, bình an.

Một điều cần phải chú ý hơn đối với chủ lễ. Người đã phân tích ở phần tín ngưỡng của người Phu Thai, người Phu Thai có tín ngưỡng hỗn hợp giữa tín ngưỡng nguyên thủy và đạo Phật được du nhập. Trong việc thực hiện nghi thức *baci* của người Lào, người chủ lễ thường sẽ là các tu sĩ hoặc những người đàn ông lớn tuổi, có vị trí và tiếng nói trong cộng đồng được gọi là *mo phane*. Phụ nữ sẽ không được tham gia làm chủ lễ và không công nhận là *mo phane*. Nhưng điều này lại không áp dụng với các dân tộc không bị hoặc chưa bị ảnh hưởng nhiều bởi Phật giáo như người Tày đen và người Phu Thai. Điều

này là nguyên nhân lý giải vì sao tại lễ hội Khoun Khoan Khaotroic năm 1986, nữ pháp sư là người chủ lễ thực hiện nghi thức *sou kwan*.

Người chủ lễ sẽ bắt đầu bằng cách đặt một ly rượu gạo nhỏ cùng với một số tiền lẻ, gói trong lá chuối, bên cạnh là cặp nến và hoa, một tay khác cầm sợi chỉ trắng và truyền tới những người tham dự và đọc những lời cầu khẩn. Bài khấn được viết và đọc bằng tiếng Phu Thai cổ. Nhiều nghiên cứu cho rằng với người Lào, bài khấn khi thực hiện trong nghi thức baci được viết bằng tiếng Pali hoặc hỗn hợp giữa tiếng Pali và tiếng Lào [22, tr. 294]. Trích đoạn của bài khấn được ghi lại qua lời kể của moi yau mà người viết đã được tiếp cận khi tiến hành nghiên cứu tại bản Nakala như sau:

“Van ni van di (hôm nay là ngày...)

Khosop, vị thần lúa gạo

Sakke, người sống ở thiên đường ranh

giới Kame, người sống ở Kamaphop

Charoup, người sống ở Roupaphop và những quả cầu thần thánh

Khinsi, người sống trong những vật vô tri, những ngọn núi và dòng

sông.

Attarikhe, người sống trong không trung.

Những vị thần núi và sông, hãy ủng hộ chúng tôi.

Hãy nghe, tất cả các vị thần

Hãy nghe lời mời của chúng tôi

Hãy đến và nhận những món quà mà chúng tôi đã dâng tặng người.

Hôm nay là ngày được chọn, chúng tôi bày ra trứng luộc, khoai lang,

dừa và gà luộc. Chúng tôi còn có cả rượu gạo, tạo thành mâm lễ thật ngon lành.

Hãy lại đây, ôi các kwan, hãy trở lại và thưởng thức khay lễ ngon lành

này.

*Hãy về nhà,
Hãy bơi qua sông nếu sông sâu,
Hãy vượt qua những ruộng lúa, đừng trốn,
Đừng sợ và đến gần đây, kể cả là các linh hồn lang thang.
Đến đây hỏi các kwan,
Hãy đến đây với cái dạ dày rỗng, đến và ăn gạo, ăn cá.
Hãy trở về nhà của bạn, chúng tôi coi trọng và dâng bạn những gì tốt nhất....”*(Nguồn: Tác giả soạn tâm).

Sau đó, chủ lễ sẽ tiến hành thắp nến trên đỉnh *Pha Khouan*, và đề nghị những vị khách ngồi tại vòng đầu sẽ đặt lòng bàn tay bên cạnh *Pha Khouan*. Chủ lễ sẽ dùng sợi chỉ và làm động tác đánh sợi chỉ vào bàn tay cùng lời cú *Hai Kuard Nnee, Dee Kuard Kao* có nghĩa là “xấu bị cuốn đi, tốt là bị cuốn vào”. Chủ lễ sau đó sẽ lấy sợi chỉ trắng nối với *Pha Khouan* và đưa cho người đại diện để nhận phước lành. Người đại diện sẽ đặt sợi dây vào giữa hai lòng bàn tay và cầu nguyện trong khi chủ lễ tụng kinh bằng ngôn ngữ Phật giáo. Những người ngồi ở vòng đầu tiên gần mâm nhất sẽ chạm bàn tay của mình vào mâm.

Những người tham dự ngồi hàng sau chấp tay trái trước ngực, tay phải chạm nhẹ vào khuỷu tay của người ngồi trước để truyền lời nguyện tới tất cả các thành viên tham dự và tăng thêm sự gắn kết, tinh thần đoàn kết giữa các thành viên tham dự lễ. Khi người chủ lễ đọc chú, không khí sẽ rất im lặng, có một số đoạn, người tham dự lễ sẽ cùng nhau hô to “*Ma Ma Khu Khu Euy*”, có nghĩa là “*linh hồn vui lòng đến*”. Đồng thời bốn người ở bốn góc sẽ ném những nắm gạo lên không trung để hạt gạo rơi xuống đầu mọi người, đại diện cho sức khỏe và sự may mắn.

Sau khi kết thúc bài chú, chủ lễ sẽ buộc sợi dây lên các vị khách, mọi người còn lại sẽ được truyền sợi chỉ để buộc cho nhau, vừa buộc vừa thì thầm

những lời chúc tốt đẹp cho người được buộc chỉ. Nghi thức này thường kéo dài từ 30 phút đến một tiếng. Sau khi nghi thức này kết thúc, mọi người sẽ bước vào phần hội.

Sau khi các nghi thức truyền thống kết thúc, người dân, khách tham quan có thể tham gia vào các hoạt động nhảy múa và ca hát truyền thống của người Phu Thai.

2.4. Phần hội

Phần hội được bắt đầu sau khi người chủ lễ tuyên bố kết thúc nghi lễ. Phần hội trong lễ Khoun Khoan Khaot có đôi mới rất đơn giản và không có nhiều hoạt động giải trí, chủ yếu tập trung qua hai hoạt động là vui chơi, ca múa thông qua hình thức diễn xướng dân gian và tổ chức bữa ăn chung của cộng đồng.

2.4.1. Diễn xướng dân gian

Đối với hình thức diễn xướng dân gian, các tiết mục *mor lam* “cây nhà lá vườn” sẽ được biểu diễn. Người biểu diễn đơn thuần là những người nông dân trong vùng, họ mặc quần áo được cách điệu trong sắc sỡ và thu hút hơn, trang điểm và diễn xướng các bài ca lao động, làn điệu dân gian của dân tộc mình. *Mor lam* là một loại hình ca nhạc dân gian phổ biến ở Lào, Thái Lan và Campuchia, là hình thức kết hợp giữa âm nhạc, thơ ca, những câu nói đời thường với nghệ thuật biểu diễn.

Người Phu Thai có hình thức diễn xướng riêng và mang đặc trưng riêng của mình, bao gồm các câu chuyện, bài thơ, lời đối đáp xoay quanh cuộc sống nhà nông thường ngày, những hiểu biết về nông nghiệp, tín ngưỡng, tôn giáo, đạo đức... của dân tộc mình. Từ tính chất đặc trưng trong nội dung cũng như vùng miền đã sinh ra hình thức gọi là *Lam Phu Thai*. Người con trai và con gái hát đối với nhau và người biểu diễn phía trước, phía sau là ban nhạc. Hình thức diễn xướng này có điểm khác biệt so với Lam ở khu vực tây bắc Thái

lan, ở đó, các nghệ sĩ sẽ đứng để biểu diễn. Trong khi hát, người ca sĩ sẽ trình diễn các điệu múa bằng tay [29, p. 474]. Hình thức diễn xướng này được gọi là *lam nang*. Hình thức diễn xướng này phù hợp với quy mô một nhóm người, ngồi xung quanh mor lam. Có thể do yếu điểm của hình thức diễn xướng ngồi này khiến hơi của người hát không được cao và mạnh nên sẽ không phù hợp khi biểu diễn trong một không gian lớn và quá đông người.

Nhạc cụ truyền thống của người Phu Thai gồm *Khwang wong* (một bộ chiêng), *pii* (nhạc cụ thuộc bộ dây và phát ra âm thanh khi người chơi dùng cây kéo đàn. Đàn này giống như đàn nhị của người Việt Nam) và *khui* (một loại trống dài có hai mặt được căng bằng da trâu). Ngoài ra, *khaen* (hay khèn) cũng được sử dụng phổ biến tại lễ hội người Phu Thai.

Khèn là loại nhạc cụ dân tộc đặc trưng của người Lào nói chung. Người Phu Thai đã tự sáng tạo một biến thể mới của Khaen với 16 ống sáo bằng nửa tép bánh tẻ, nhỏ cỡ ngón tay út đều nhau, mỏng, ít máu và được ghép lại thành từng đôi xếp từ thấp đến cao, xuyên qua một bầu bằng gỗ dài khoảng 11cm. Khèn được chia làm 2 bè, mỗi bè 8 ống. Bầu khèn làm bằng gỗ mây phạm vì tính mềm, dẻo dai, không nứt, một đầu khoét thủng để thổi, một đầu bịt kín bằng sáp ong đá. Lớp sáp ong này cần bịt kín để tạo ra âm thanh cho khèn. Phía trên bầu hơi từ 10 - 12cm có dùi những nốt bấm. Âm thanh của khèn phụ thuộc vào cách cài những lỗ khèn và độ chính xác về khoảng cách của những nốt bấm. Vì thế mà khèn là loại nhạc cụ khá kén người chơi [25, tr. 230].

Bên cạnh *lam Phu Thai*, lễ hội còn là dịp để người Phu Thai tự hào khoe về sức khỏe cường tráng của mình qua các điệu nhảy đấm bốc cổ xưa. Thực chất đây là hoạt động múa nhộng được thực hiện bởi các chàng trai trình diễn cùng tiếng trống và hát. Có thể mô tả các động tác của điệu múa này với môn quyền anh hiện đại nhộng có nhịp điệu chậm rãi xen lẫn những

khúc dứt khoát, có với 14 tọng thể, trong đó hai cánh tay và chân được di chuyển từ tôn và kết hợp nhuần nhuyễn với nhau. Trong lễ hội, người được lựa chọn diễn xướng là những chàng trai trẻ với thân hình cồng tráng. Họ cởi trần để lộ ra các hình xăm và cuốn sarong cùng màu với nhau. Những đoạn diễn xướng nhanh, dứt khoát cùng tiếng trống, tiếng chiêng rộn rã, làm không khí lễ hội trở nên náo nhiệt.

Điểm đặc biệt của điệu nhảy truyền thống này là nó phù hợp với cả người cao tuổi. Một số nhà nghiên cứu tại Thái Lan sau khi nghiên cứu điệu nhảy truyền thống này của nhóm dân tộc Phu Thai ở Lào và Thái Lan đã chứng minh rằng 12 trên tổng số 14 tọng thể nhảy của điệu múa dân gian này giúp người cao tuổi cải thiện đáng kể các chức năng thể chất, cân bằng sức khỏe ở người cao tuổi khi tiến hành thử nghiệm ngẫu nhiên ở người cao tuổi với độ tuổi trung bình từ 68,6 và 65,9 tuổi [18].

2.4.2. Ẩm thực lễ hội

Điểm nhấn của lễ hội chính là một bữa tiệc khổng lồ với thức ăn là những sản vật địa phương, cơm được nấu từ lúa mới thu hoạch. Hoạt động chuẩn bị tiệc có sự tham gia của cả cộng đồng, không phân biệt con trai hay con gái, người già hay trẻ nhỏ. Mỗi người được phân công trước đó từ khâu chuẩn bị nên có sự phối hợp rất nhịp nhàng. Đây là hoạt động cộng đồng mang tính gắn kết cao.

Bữa tiệc này được coi là một sự phát triển quy mô lớn từ bữa tối bản địa của người Phu Thai gọi là *Pa Laeng*. Trong bữa ăn, thứ không thể thiếu được là gạo nếp được nấu từ gạo mới gặt, được xát rồi nên cơm nấu rất dẻo và keo nhự. Các món ăn được dọn và chia phần bằng lá chuối, rất đa dạng nhỏ món nướng, hấp, luộc, món nộm (lạp)... được chế biến từ cá sông, thịt lợn nuôi trong bản. Các loại rau bản địa như cà đắng, rau đu đủ, rau rừng, rau *ka-leo* – loại rau bản địa hơi nhót mọc ở bờ rào hầu hết các gia đình của người

Phu Thai. Các món ăn được sử dụng nhiều gia vị nồng, có vị đậm đà nổi bật với vị chua, cay, ngọt. Sau khi bữa ăn được bày ra, pháp sư sẽ được chuẩn bị một phần ăn riêng và không ngồi cùng với người dân. Những người dân sau khi dâng đồ ăn lên pháp sư, người hành lễ thì sẽ cùng nhau quây quần ăn tiệc và uống rượu gạo. Một đồng lửa lớn được đốt lên giữa bãi đất trống. Mọi người ngồi xung quanh đồng lửa để vừa có ánh sáng vừa ăn uống với nhau. Tại thời điểm này, khi mà người Phu Thai chưa biết tới điện, lửa là nguồn sống, soi sáng và dẫn đường cho họ.

Có thể nói người Phu Thai rất yêu văn nghệ và ca hát. Các tiết mục văn nghệ và các giai điệu không ngừng vang lên cho tới đêm khuya. Các điệu *lam vong* vẫn tiếp tục được tung xòe bên đồng lửa.

2.5. Kiêng kỵ và vai trò của lễ hội Bun Khoun Khoan Khao

2.5.1. Kiêng kỵ trong lễ hội Bun Khoun Khoan Khao

Giống như những lễ hội truyền thống khác, lễ hội Bun Khoun Khoan Khao cũng có những điều kiêng kỵ riêng. Ở góc độ chung nhất có thể hiểu “kiêng” là sự dè chừng, cảnh giác của mọi người trong cộng đồng đối với các sự vật và hiện tượng diễn ra trong cuộc sống giúp cho con người sống an toàn hơn nhờ những lời cảnh báo, khuyên nhủ của thế hệ tiền nhân; “kỵ” là sự tránh né, dè chừng những được diễn ra có ý thức cao hơn kiêng. Như vậy trong sự kỵ đã bao hàm cả những yếu tố kiêng. Kỵ còn được hiểu là cấm kỵ - nghiêm cấm không được vi phạm. Nếu cố làm trái đi, người đó sẽ phải gánh chịu hậu quả xấu [7]. Người Việt Nam có một thuật ngữ khác, nâng tầm mức cao hơn so với “kỵ” là “hèm” hay “tục hèm” là một đặc sản riêng có của từng dân tộc, vùng miền gắn với đặc trưng riêng của đối tượng thần thánh được thờ tụng, tạo nên đặc sắc riêng có của lễ hội mà không có sự trùng nhau. “Kiêng kỵ” hay “tục hèm” đã tồn tại song hành cùng với lịch sử ra đời của lễ hội, giữ cho

lễ hội đợc trang nghiêm và không bị vấy bẩn, ô tạp, nhợ một tâm khiên chắn bảo vệ tính thiêng liêng mà ngoịi xợa đã để lại.

Ngoyi tham gia lễ hội Khoun Khoan Khao cần tránh những điều sau đây:

Thứ nhất, trang phục của người tham gia nhất thiết phải dài và kín. Đối với phụ nữ, trang phục phải che kín toàn bộ phần thân trên và dài tới mắt cá chân. Đối với đàn ông, sarong đợc mặc không đợc ngắn hơn đầu gối. Cũng nhợ ngoịi Lào, ngoịi Phu Thai quan niệm trên cơ thể con ngoịi trừ phần đầu thì những phần còn lại rất ô uế và không tôn quý. Do đó, khi cử hành các nghi lễ tôn nghiêm, nhất thiết phải mặc quần áo che đi những phần hở trên cơ thể để không xúc phạm tới thần linh. Ngoại lệ duy nhất ở đây là các tu sĩ với trang phục màu cam vắt chéo hở một nửa vai. Nhợng không thể so sánh giữa ngoịi bình thợng với các tu sĩ vì các tu sĩ là những ngoịi họợng Phật, do đó, ngoịi bình thợng khi tham gia lễ hội đặc biệt là phần nghi lễ cần phải đảm bảo tuân thủ việc mặc trang phục dài. Với những trợng hợp ngoịi tham gia không biết hoặc không đảm bảo điều kiện về trang phục sẽ không đợc mời vào khu lễ chính của lễ hội.

Thứ hai, việc hướng mũi chân vào các tu sĩ là điều cấm kỵ. Điều này lý giải vì sao tợ thể ngoi của ngoịi tham gia nghi lễ hay những ngoịi vào chùa để cúng bài đều hạn chế tợ thể nhợ quỳ, hoặc ngoi thả hông sang một bên với đầu gối cong và bàn chân họợng ra sau. Việc ngoi khoanh chân cũng có thể đợc phép, nhợng ngoịi dân Phu Thai thợng rất ít khi ngoi khoanh chân. Lý giải cho kiêng kị này cũng rất đơn giản, nếu nhợ ngoịi Phu Thai quan niệm rằng phần đầu là nơi thiêng liêng và cao quý nhất của con ngoịi thì phần chân là nơi thấp nhất và bẩn nhất. Do đó, nếu chĩa chân về phía đức Phật hay tu sĩ, điều đó có nghĩa thể hiện sự bất kính và khiếm nhã. Các nghi lễ thợng kéo dài hàng giờ, việc ngoi ở các tợ thể hạn chế sẽ gây ra hiện tợng mỏi, ngoịi

Phu Thai có thể đổi qua nhiều hình thức ngôi khác nhau nhưng tuyệt đối không bao giờ chĩa bàn chân của mình về phía tu sĩ hay pháp sư khi làm lễ.

Thứ ba, trời mưa là một điềm rui. Rõ ràng, kiêng kỵ này không nằm trong kiểm soát của con người. Việc chọn ngày tổ chức lễ hội hoàn toàn phụ thuộc vào sự tính toán của *moi yau* và các chức sắc trong làng. Mưa mặc dù đem lại sự tươi tốt cho mùa màng nhưng đối với thời gian gặt hái, mưa lại cản trở rất nhiều. Hơn nữa, trong tín ngưỡng của người Phu Thai, ngày tổ chức lễ hội là ngày tốt, nếu hôm đó có mưa chứng tỏ người dân đã làm gì phật lòng các thần linh, khiến thần linh trút giận xuống dân làng. Do đó, trời mưa là một kiêng kỵ mang tính khách quan mà người Phu Thai không muốn xảy ra trong ngày tổ chức lễ hội của mình.

2.5.2. Vai trò của lễ hội Khoun Khoan Khaos

Lễ hội Khoun Khoan Khaos hay lễ hội cầu mùa/mừng lúa mới cũng như những lễ hội truyền thống khác đều có những giá trị rất to lớn đối với cộng đồng. Những giá trị đó được hình thành và kết tinh từ việc gìn giữ và tổ chức lễ hội, cho thấy tầm quan trọng của lễ hội trong đời sống tinh thần của người dân. Với người dân Phu Thai, lễ hội Bun Khoun Khoan Khaos giữ những giá trị to lớn như:

- Lễ hội Khoun Khoan Khaos hướng về cội nguồn lịch sử của dân tộc Phu Thai. Cũng giống như những lễ hội truyền thống khác, người Phu Thai tổ chức lễ hội Khoun Khoan Khaos bên cạnh việc cầu mong cho một mùa màng bội thu tươi tốt, thì đó còn là nghi thức để hướng về nguồn cội sinh ra hạt gạo, sinh ra sự sống nuôi dưỡng biết bao nhiêu thế hệ người Phu Thai.

- Lễ hội mang giá trị cố kết và biểu dương sự đoàn kết của cộng đồng. Lễ hội Bun Khoun Khoan Khaos được tổ chức bởi cộng đồng người dân tộc Phu Thai. Cộng đồng này được liên kết với nhau trên nền tảng địa lý là một vùng dân cư tại huyện Songkhone, tỉnh Savannakhet, gắn kết về sở hữu tài

nguyên và lợi ích kinh tế, cũng như gắn kết chung trên nền tảng tôn giáo, tín ngưỡng đều tôn thờ vị thần lúa gạo. Do đó, việc tổ chức lễ hội cũng đóng góp phần quan trọng tạo nên sự cộng hưởng và kêu gọi sự đoàn kết của mọi người trong cộng đồng.

Từ sợi dây liên kết trên nền tảng kinh tế, tín ngưỡng... thì mục đích tổ chức lễ hội là cái đích để cộng đồng cùng hướng tới, đó không chỉ là nơi vui chơi, trò chuyện với nhau về một vụ mùa vất vả đã qua mà còn là nơi linh thiêng để báo cáo với các vị thần linh, tổ tiên về kết quả vụ mùa, là những bài học chân thực mà gần gũi nhất giáo dục cho con cháu về lòng biết ơn và sự trân trọng hạt gạo nhờ sự vất vả của các thế hệ đi trước. Tất cả tạo thành mối liên kết bền chặt giữa mỗi cá thể trong cộng đồng, củng cố và khơi gợi sức mạnh đoàn kết của cộng đồng.

- Lễ hội Khoun Khoan Kha được tổ chức mang giá trị thỏa mãn và cân bằng đời sống tâm linh của người dân Phu Thai. Đời sống tâm linh tồn tại song hành với đời sống vật chất và còn được đề cao hơn cả bởi thể hiện những ước vọng của con người gửi gắm trong niềm tin tín ngưỡng bất diệt, được truyền từ đời này sang đời khác. Các tôn giáo, tín ngưỡng được hình thành gắn với cuộc sống từ thuở sơ khai, thông qua các nghi lễ, giúp con người thỏa mãn đời sống tâm linh khi họ tin rằng các nghi lễ đã giúp họ có thể “thông linh” để gặp được các vị thần, cầu xin họ che chở và ban phước.

Sự cân bằng trong đời sống tâm linh thể hiện đúng “tính thiêng” của lễ hội truyền thống. Các nghi lễ được tổ chức ở lễ hội là một tầm cao hơn so với việc cúng bái tại gia của mỗi gia đình người Phu Thai và ở tầm chuyên nghiệp hơn khi được thực hiện bởi *moi yau*. Do đó, bên cạnh việc hướng về nguồn cội thì nhu cầu tâm linh là giá trị đặc biệt quan trọng mà lễ hội Khoun Khoan Kha đã làm được đối với người dân Phu Thai.

- Lễ hội Khoun Khoan Khaocòn mang giá trị bảo tồn và gìn giữ các nét đẹp văn hóa đặc sắc của người dân Phu Thai. Quả thực, lễ hội này được tổ chức phản chiếu được cả một nền văn hóa dân tộc, những đặc trưng của người Phu Thai trong canh tác nông nghiệp, bản chất con người thật thà, vui tính, yêu văn nghệ và tính cộng đồng cao. Lễ hội được tổ chức từ năm này qua năm khác, theo thời gian, lễ hội đóng vai trò như một “bảo tàng sống” về văn hóa dân gian, nghi lễ truyền thống được truyền từ đời này sang đời khác.

Kết luận Chương 2

Lễ hội Bun Khoun khoan khao có lịch sử hình thành từ lâu đời, gắn với truyền thuyết ra đời của hạt gạo và tôn thờ nữ thần lúa gạo Khosop. Lễ hội được tổ chức nhằm tôn thờ nữ thần đã ban phước cho họ một mùa màng bội thu hoặc cũng là để xoa dịu cơn thịnh nộ của nữ thần khi trong năm xảy ra mất mùa, hạn hán. Đây cũng là cách để người Phu Thai giáo dục con cháu về lòng biết ơn và trân trọng tới những người đã vất vả để làm ra hạt gạo.

Lễ hội Khoun Khoan Khaotriển khai năm 1986 thường được tổ chức vào giai đoạn cuối tháng 1 và đầu tháng 2 âm lịch, tại một không gian chung của cả làng. Quá trình chuẩn bị diễn ra lễ hội được người dân trong bản phân công thực hiện từ lễ vật dâng cúng, trang trí không gian lễ hội, nấu ăn... Trong buổi lễ, nghi lễ chính được thực hiện bởi *moi yau*, lễ vật dâng cúng nhất thiết phải có con vật sống để hiến tế, thể hiện thuyết vật linh đặc sắc trong tín ngưỡng của người Phu Thai. Sau khi kết thúc buổi lễ, phần hội được tổ chức với hai hoạt động chính là diễn xướng dân gian và bữa ăn chung của cộng đồng bên ngọn lửa lớn.

Lễ hội Khoun Khoan Khaocủa người Phu Thai có những kiêng kỵ mà người tham gia không được phép phạm phải để đảm bảo sự tôn kính và linh thiêng của lễ hội. Trải qua chiều dài của lịch sử, lễ hội này đóng vai trò quan

trọng trong đời sống của người Phu Thai, là giá trị hướng về cội nguồn, cố kết và biểu dương sự đoàn kết của cộng đồng, thỏa mãn và cân bằng đời sống tâm linh cũng như bảo tồn văn hóa độc đáo của dân tộc.

Chương 3: LỄ HỘI BUN KHOUN KHOAN KHOA TỪ ĐỔI MỚI ĐẾN NAY

3.1. Bối cảnh thay đổi của nền kinh tế ở huyện Songkhone, tỉnh Savannakhet

Xin đọc trích lời nhà nghiên cứu tâm lý học người Anh H.Spencer thì “con người cũng như các loài động vật chỉ tồn tại trong môi trường sống, khi biết thích ứng” [theo 02, tr.202] để thấy rằng con người sẽ thích ứng với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội trong quá trình tồn tại và phát triển của mình. Trong phạm vi nghiên cứu của mình, người viết nghiên cứu sự thích ứng của con người với điều kiện thay đổi của kinh tế xã hội qua đó thấy được sự biến đổi của lễ hội Bun Khoun khoan khao.

Hay nói cách khác, lễ hội đặt trong hệ quy chiếu không gian – thời gian – chủ thể văn hóa cũng có những thay đổi nhất định để phù hợp với điều kiện phát triển trong thời gian và không gian văn hóa hiện đại. Theo thời gian, lễ hội tiếp nhận, biến đổi và phát triển bằng cách tiếp thu có chọn lọc những cái mới, hay loại bỏ những yếu tố cũ không còn phù hợp. Nhân tố tác động lớn nhất tới sự biến đổi của lễ hội truyền thống tại Lào nói chung và lễ hội Bun Khoun Khoan Khao nói riêng chính là bối cảnh thay đổi, đánh dấu sự chuyển mình của nền kinh tế Lào và sự phát triển kinh tế của huyện Songkhone, tỉnh Savannakhet.

Cùng với sự phát triển của đất nước và những thế mạnh của địa phương, tỉnh Savannakhet đã có sự phát triển rõ rệt sau 10 năm từ 2010 - 2019. Giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2019, nền kinh tế của tỉnh đã đạt mức tăng trưởng 14.5% mỗi năm, cao hơn đáng kể so với tốc độ tăng trưởng chung của cả nước trong cùng kỳ (7,2% mỗi năm). Savannakhet phát triển ngành công nghiệp không khói khi thu hút lượng lớn khách du lịch tới các điểm du lịch nhô tháp Ing Hang Stupa, Heuan Hinh (nhà đá hoặc di tích của nền văn minh

Khmer), đền Xayaphoum, và bảo tàng Khủng long. Về cơ sở hạ tầng, theo thống kê tại riêng khu vực nông thôn của Savanakhet nói chung với số bản dẫn đầu của cả nước trên toàn tỉnh từ 1,534 đã giảm còn 1017 bản, nhưng số lượng các bản có trung tâm chăm sóc sức khỏe; cung cấp nước; có điện; đường đi xây bê tông và siêu thị lại vươn lên dẫn đầu, trở thành tỉnh tuy có tỷ lệ dân khối vực nông thôn lớn nhưng dẫn đầu về cơ sở vật chất [21, tr. 23].

Với những chính sách chỉ đạo và phát triển của chính quyền tỉnh Savannakhet, huyện Songkhone cũng đã có thay đổi đáng kể bộ mặt kinh tế và xã hội của mình. Về cơ cấu kinh tế, nghề nông vẫn là nghề chiếm tỷ trọng lớn song đang có xu hướng giảm dần, nếu năm 2005 nghề nông chiếm tới 95% dân số thì năm 2015, tỷ trọng này giảm xuống còn 88%. Số tỷ trọng giảm xuống được phân bổ theo các ngành nghề phi nông nghiệp như dịch vụ, thủ công nghiệp, công nhân...

Hệ thống đường giao thông tại huyện Songkhone khá hoàn thiện, do vị trí nằm dọc theo các quốc lộ lớn nên rất được đầu tư phát triển. Về đường bộ: Các tuyến đường huyết mạch chính là Đường số 13 chạy dọc từ bắc Lào xuống nam Lào. Đường quốc lộ số 9 kết nối Thái lan, Lào và Việt Nam và xuyên qua huyện Songkhone. Đường bộ nội tỉnh chạy tới trung tâm các huyện lỵ cũng được nâng cấp và trải nhựa.

Songkhone hiện có 95 bản, là huyện có dân số đông thứ 3 của tỉnh Savanakhet với quy mô mỗi hộ trung bình là 5.9 người/hộ gia đình [37, tr.48]. Quy mô hộ gia đình cho thấy chính quyền huyện đã làm khá tốt công tác kế hoạch hóa gia đình khi chỉ số giảm từ 6.2 xuống còn 5.9 người/hộ gia đình. Về cơ sở hạ tầng, tới năm 2015, tuy mới chỉ có 90 trên 95 bản được kéo lưới điện quốc gia nhưng huyện Songkhone cũng đã dẫn đầu các huyện trong toàn tỉnh (trừ thủ đô Kaysone Phomvihane), tiến đến xây dựng và đưa điện lưới quốc gia về toàn bộ các bản trong huyện trong năm 2020. Toàn huyện có 13 điểm

cung cấp nước sạch, trải đường nhựa trên 93 bản và 14 trung tâm chăm sóc sức khỏe [37, tr. 48], đứng thứ 2 toàn tỉnh.

Về trình độ dân số, theo thống kê năm 2015 chỉ có 85/95 bản có dân số hoàn thành chương trình học [21, tr. 25]. Mặc dù con số này vẫn thấp và chưa thực sự lý tưởng nhưng cũng đã cho thấy sự nỗ lực và những đầu tư của chính quyền đối với việc phổ cập giáo dục. Trong năm 2020 được đánh giá là năm với dấu mốc quan trọng, trong việc hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế và xã hội trên địa bàn tỉnh.

Như vậy có thể thấy, cùng với sự phát triển kinh tế của cả nước, kinh tế và đời sống của người dân tại huyện Song khone đã được nâng lên đáng kể. Những thay đổi tích cực này không chỉ diễn ra hàng ngày mà còn trực tiếp và gián tiếp tác động tới các sinh hoạt văn hóa trong đó có lễ hội truyền thống. Mọi liên kết hữu cơ giữa kinh tế và văn hóa một lần nữa cho thấy tầm quan trọng của việc nghiên cứu sự biến đổi của đời sống văn hóa dưới tác động của kinh tế, để từ đó hạn chế được những tác động tiêu cực, gìn giữ những nét đẹp văn hóa và thích nghi với đời sống kinh tế trong thời kỳ mới.

3.2. Lễ hội Bun Khoun Khoan Khao của người Phu Thai tại bản Nakala, huyện Songkhone, tỉnh Savannakhet từ sau đổi mới

3.2.1. Biến đổi về mục đích tổ chức lễ hội

Đây là sự biến đổi đầu tiên của lễ hội Khoun Khoan Khao của người Phu Thai từ sau thời kỳ đổi mới đến nay. Về cơ bản, các mục đích của lễ hội này như tạ ơn thần linh về mùa canh tác đã qua, cầu xin thần linh phù hộ cho một vụ mùa mới bội thu, răn dạy thế hệ con cháu về công sức làm ra thóc lúa của ông bà, bố mẹ... thì lễ hội giờ đây còn được tổ chức với những mục đích lồng ghép khác. Năm 2019 vừa rồi, lễ hội của người Phu Thai tại bản Nakala, huyện Songkhone đã được tổ chức để vinh danh ông Shriluck Vhinaphatra – Phó bí thư tỉnh Savannakhet vì những đóng góp của ông cho sự phát triển của

huyện Songkhone nói riêng và tỉnh Savannakhet nói chung. Lễ hội có sự tham gia đông đảo lãnh đạo của các tỉnh, huyện và khách du lịch. Tại lễ hội này, các nghi thức truyền thống vẫn được diễn ra một cách nghiêm trang. Có thể thấy, ngoài các mục đích chung của lễ hội trước đây, thì lễ hội Khoum Khoan Kha ngày nay đã được đan xen cả yếu tố chính trị, tôn vinh những gương mặt tiêu biểu có những đóng góp cho cộng đồng.

Bên cạnh đó, dưới tác động của sự phát triển kinh tế - xã hội, lễ hội Bun Khoum Khoan Kha ngày nay được xem là dịp để người dân Phu Thai nói riêng và người dân trong vùng nói chung quảng bá về những nét đẹp trong văn hóa truyền thống của mình tới khách du lịch, người tham quan. Đồng thời, là cơ hội để giao thương, buôn bán nông sản. Lễ hội được tổ chức thường với quy mô lớn, nhằm khuyến khích người dân tích cực tăng gia sản xuất để buôn bán, trao đổi sản phẩm với các tỉnh khác. Ngay tại không gian lễ hội, các gian hàng về đặc sản địa phương đặc biệt là gạo đã được dựng nên, là nơi trao đổi giao thương giữa người dân địa phương và khách tham quan, qua đó tăng cơ hội gia tăng thu nhập cho người dân.

3.2.2. Biến đổi về chủ thể tổ chức lễ hội

Nếu nhìn trước đây, việc tổ chức lễ hội sẽ do các bô lão và giới chức sắc trong làng tổ chức và có quy mô hẹp trong phạm vi nội bộ làng thì việc tổ chức lễ hội Bun Khoum Khoan Kha bây giờ đã có sự khác biệt. Lễ hội được tổ chức với sự tham gia đầy đủ của các ban ngành lãnh đạo địa phương, hội phụ nữ, đoàn thanh niên... Các nội dung chương trình của mỗi năm phải được họp bàn và thống nhất trước bởi người dân đại diện là các bô lão trong làng với chính quyền. Bên cạnh đó, quy mô của lễ hội cũng được bàn tới để quyết định tới việc sẽ tổ chức lớn hay nhỏ. Các yếu tố được tính đến như kinh phí của địa phương, kinh phí do người dân đóng góp, thực tế mùa vụ của năm vừa qua... và có thể tổ chức thường niên cứ sau ba năm lại tổ chức lớn một lần.

Bên cạnh đó, chủ thể tiến hành chủ trì các nghi thức tôn giáo cũng có sự biến đổi. Nếu nhìn trước đây, pháp sư moi yau là chủ thể chính tiến hành các nghi thức thì nay đã có sự khác biệt. Do nghi thức có phần biến đổi (sẽ được làm rõ trong nội dung dưới đây) mà việc thực hiện các nghi lễ sẽ được tiến hành song song bởi cả tu sĩ và *moi yau*.

3.2.3. Biến đổi về người tham gia lễ hội

Nếu nhìn trước đây, nhà sư tham gia lễ hội Khoun Khoan Khaochi với số lượng ít thì sau khi đổi mới có thể thấy sự tham gia của đông đảo của các nhà sư. Chính điều này giải thích vì sao có sự biến đổi trong nghi lễ đó là việc cắt giảm đi nghi thức thứ hai trong buổi lễ chính là hiến tế sinh vật sống, hoặc có làm thì cũng chỉ ở mức độ rất trọng trọng vì theo giáo lý nhà Phật thì không được phép sát sinh, không giết hại các sinh vật vì mỗi một sinh vật đều có linh hồn riêng. Việc sát sinh sẽ đọa con người xuống địa ngục và đày vào ngục quỷ.

Người tham gia lễ hội Bun Khoun Khoan Khao về cơ bản vẫn là những người nông dân Phu Thai trực tiếp lao động và sản xuất lúa gạo. Tuy nhiên, thành phần người tham gia đã có sự thay đổi lớn. Do mục đích đã có nhiều thay đổi nên người tham gia đa dạng hơn rất nhiều, không bó hẹp trong phạm vi một bản làng hay chỉ những người Phu Thai mới được phép tham gia. Cụ thể nhìn các lãnh đạo tỉnh, huyện với vai trò là khách mời danh dự; sự tham gia của các thương gia, khách du lịch quốc tế.

3.2.4. Biến đổi về thời gian và địa điểm tổ chức

Nếu nhìn trước đây, việc tổ chức lễ hội không ấn định ngày cụ thể vì việc lựa chọn ngày cụ thể sẽ do nữ pháp sư và chức sắc ở làng quyết định thì từ sau năm 1986, thời gian tổ chức lễ hội đã được định ngày cụ thể. Lễ hội Bun Khoun Khoan Khao được tổ chức vào ngày 01 tháng 02 hàng năm theo

lich Lào, nên có thể dao động vào cuối tháng 01 và đầu tháng 02 dương lịch sau khi đã thu hoạch lúa xong.

Thay vì tổ chức một ngày nhọ lễ hội truyền thống trước đây, thời gian tổ chức lễ hội Bun Khoun Khoan Khao của người Phu Thai hiện nay có thể tổ chức dài ngày tới bốn, năm ngày tùy theo quy mô của lễ hội.

Không gian lễ hội tổ chức lễ hội không phải là một không gian đóng kín không phát triển với những đường biên cứng mà được mở rộng linh hoạt. Nếu nhọ trước kia phạm vi không gian tổ chức lễ hội chỉ tập trung ở quy mô làng Nakala thì từ sau đổi mới, các lễ hội có xu hướng mở rộng thành lễ hội vùng, tạo sự liên kết chặt chẽ giữa thành thị với nông thôn, có sự tham gia của nhiều dân tộc khác trong vùng và khách du lịch nước ngoài tham gia.

3.2.5. Biến đổi về quá trình chuẩn bị lễ hội

Quá trình chuẩn bị lễ hội ngày nay cũng ít nhiều có sự biến đổi, thấy được sự tác động của đời sống hiện đại tới công tác chuẩn bị lễ hội, thể hiện:

- Về việc thu gom lúa để dựng tháp lúa: Thay vì trước đây, người dân sẽ tự động thu gom lúa từ ruộng của nhà mình và dựng tại *làn khẩu* thì bây giờ chính quyền địa phương của làng sẽ phát động một chiến dịch để thu thập lúa. Lượng lúa quyên góp được xác định bởi ban tổ chức và có thể không có giới hạn tùy vào sự tự nguyện của mỗi hộ gia đình. Việc đề ra giới hạn quyên góp là điểm mới trong khoảng một thập niên trở lại đây, xuất phát từ thời điểm có những năm xảy ra hạn hán lớn, việc tổ chức lễ hội có thể bị trì hoãn do các gia đình còn thiếu gạo để duy trì cuộc sống. Do đó, việc đưa ra một định mức nhất định giúp người dân một mặt vẫn đảm bảo được cuộc sống, mặt khác vẫn có đóng góp công bằng để thể hiện tinh thần cầu xin một vụ mùa bội thu đối với gia đình mình.

Tháp lúa trong những lễ hội bây giờ được trang trí đẹp và cầu kỳ hơn trước rất nhiều. Trước đây các tháp lúa chỉ đơn thuần được dựng lên nhọ một

thành phần không thể thiếu của lễ hội thì nay được trang trí với những dây đèn lấp lánh về đêm, những dải cờ xanh đỏ nhiều màu sắc chạy dọc quanh các cạnh tháp tạo điểm nhấn. Trên đỉnh tháp lúa cao nhất được cắm cờ toạng trọng cho tháp một ngôi đền hướng tới thần Khosop.

Một điểm thay đổi lớn liên quan tới các tháp lúa này, nếu nhớ trước đây, phạm vi lễ hội chỉ tập trung ở quy mô nhỏ, những người tham gia là người trong làng và chỉ có lúa gạo là sản phẩm chủ lực duy nhất, thì sau khi diễn ra lễ hội, người dân sẽ mang lúa từ các tháp lúa này về nhà mình để phục vụ cho việc sinh hoạt của gia đình. Tuy nhiên, điều này đã không còn diễn ra tại lễ hội ngày nay. Số lượng thóc lúa mà các hộ gia đình quyên góp được coi là vật cúng dường. Số gạo này sau khi kết thúc lễ hội sẽ được bán cho khách du lịch hoặc những thương nhân để xung quỹ làng hoặc quyên góp cho ngôi chùa của làng để tu bổ và thực hiện các hoạt động tôn giáo tâm linh cho bản làng.

- Về trang phục của người dân tham gia lễ hội: Trang phục của người dân khi tham gia lễ hội cũng đã có sự biến đổi. Nếu nhớ trước đây khi mà chưa có sự phát triển của công nghiệp dệt may hay sự du nhập của văn hóa phương tây trong sinh hoạt, trang phục đi lễ hội được các cô gái tự tay làm riêng cho bản thân của mình. Thì nay, mặc dù truyền thống này vẫn được gìn giữ nhưng cũng đã mai một đi khá nhiều. Các cô gái Phu Thai tại huyện Songkhone khi đi dự lễ hội phần đông vẫn tự tay dệt áo, nhưng cũng có những cô gái vị thành niên mặc những loại áo phong, áo may mặc công nghiệp tham gia lễ hội thay vì quần áo truyền thống. Điều này ít nhiều đã tạo ra những cảnh quan không còn được thuần túy.

Trang phục của nam giới cũng đã có sự biến đổi. Sarong có tua rua truyền thống nay chỉ được duy trì tại đội hình nhân sự tham gia vào buổi biểu diễn, phục vụ lễ hội, không còn được phổ biến rộng rãi với mọi thành phần

nam giới khi tham gia lễ hội. Một phần vì trang phục khá dài, phần nữa với sự du nhập của thời trang hiện đại, giới trẻ dường như cũng không mấy mặn mà với kiểu trang phục tua rua có phần nữ tính này. Do đó, hình ảnh về nam giới trẻ tuổi mặc phao hang không phổ biến trong lễ hội ngày nay, thay vào đó là quần vải, quần jeans. Họ vẫn đảm bảo điều kiện mặc quần dài và tham gia lễ hội.

Thứ sáu, về quá trình diễn ra lễ hội:

- *Về nghi lễ chính:*

Nghi lễ được thực hiện đã có hai biến đổi lớn. Một là, thay vì gồm ba nghi thức đầy đủ: Thỉnh hồn, hiến tế và buộc chỉ cổ tay thì lễ hội từ sau năm 1986 đặc biệt là năm 2010 thì nghi thức hiến tế đã không còn được tổ chức. Hai là, nghi thức *sou kwan* có sự biến đổi trong cách thực hành.

+Đối với biến đổi về việc không thực hành nghi thức hiến tế: Điều này được lý giải xuất phát từ các nguyên nhân sau: Thứ nhất, nghi thức hiến tế xuất phát từ tín ngưỡng nguyên thủy của người Phu Thai, không có liên hệ gì tới đạo Phật. Thứ hai, sát sinh trong đạo Phật là điều cấm kỵ. Thứ ba, các tu sĩ dần theo thời gian với sự tác động mạnh mẽ của Phật giáo trong đời sống của người dân Phu Thai đã chiếm ọu thế, có vai trò nhất định trong việc thực hiện các nghi lễ chính. Do đó, họ không ủng hộ việc hiến tế sinh vật trong lễ hội. Thứ ọ, dưới tác động tuyên truyền của chính quyền về việc tổ chức lễ hội truyền thống văn minh, nhân đạo, không phù hợp với mỹ quan và gây ra hình ảnh xấu đối với khách du lịch, người Phu Thai cũng được tuyên truyền để dần cởi bỏ quan niệm về giá trị của việc hiến tế sinh vật sống. Với những lý do đó, người Phu Thai dần dần đã chấp nhận việc thay đổi. Bên cạnh đó như đã chỉ ra, mọi yau và tu sĩ cùng thực hiện tuân tự các nghi thức, trong đó mọi yau thực hiện nghi lễ *sou kwan* và tu sĩ thực hiện nghi thức thỉnh hồn.

+Đối với biến đổi trong thực hành nghi thức *sou kwan*: Mặc dù việc tổ chức nghi thức *sou kwan* vẫn được duy trì, song đã có những sự biến đổi khi lễ hội được tổ chức tại thế kỷ 21 ngày nay. Một số câu khẩn đã mất đi, không còn được đưa vào bài khẩn. Một lý do được đưa ra là sự tác động của nhà nước. Mặc dù, người Lào khẳng định rằng *sou kwan* hay *baci* là một nghi thức mang tính riêng biệt và cá thể, phù hợp với một cộng đồng và một nhóm người nhong với con mắt của nhà quản lý, những văn khẩn với nội dung cổ xưa có thể nguy tạo bằng *sou kwan* để lôi kéo và hình thành một cộng đồng phi Phật giáo, không nằm dưới sự quản lý của nhà nước và đó là một rủi ro chính trị. Những câu khẩn mang tính cổ xúy đã bị loại bỏ, nội dung cũng đã có sự giản lược đi khá đáng kể. Rõ ràng, yếu tố quản lý nhà nước đã được thể hiện rõ trong sự biến đổi của lễ hội truyền thống khi quản lý và định hướng trong khuôn khổ mà Nhà nước đã xây dựng [34].

- *Về trang trí không gian tổ chức*: Với lợi thế về diện tích đất trong làng rất bằng phẳng và rộng rãi, không gian tổ chức lễ hội Bun Khoun Khoan Khao tại bản Nakala, huyện Songkhone, tỉnh Savannakhet được tổ chức với không gian lớn với nhiều hoạt động. Bên cạnh *làn khẩu* là nơi diễn ra nghi lễ chính của lễ hội thì không gian hội được thiết kế và bố trí với hội chợ đường phố, bao gồm các sản phẩm thủ công được làm bởi các bàn tay khéo léo của người dân địa phương như vải dệt, thức ăn đặc sản địa phương...

Các hoạt động tại lễ hội được lồng ghép tổ chức thu hút đông đảo sự quan tâm của khách tham quan và du lịch tới với lễ hội Bun Khoun Khoan Khao của người Phu Thai là cuộc thi nấu ăn với loại gạo ngon nức tiếng cùng các sản vật địa phương và cuộc thi sắc đẹp của các cô gái Phu Thai trong trang phục truyền thống.

Khoảng sân lớn bên cạnh khu vực làm lễ là nơi diễn ra các hoạt động văn hóa nghệ thuật. Các cô gái Phu Thai trong trang phục truyền thống sẽ trình

diễn các loại hình văn hóa nghệ thuật đặc sắc của dân tộc mình. Điểm khác biệt của các hoạt động này so với lễ hội truyền thống của người Phu Thai trước năm 1986 đó là tính hiện đại, với sự hỗ trợ từ các phương tiện điện tử như micro, tăng âm, loa, hệ thống điện... để phục vụ cho các hoạt động lễ hội. Cũng chính vì thế mà không khí lễ hội trở nên náo nhiệt và hấp dẫn vô cùng.

- *Về âm nhạc*: Morlam hiện đại ngày nay bên cạnh *khaen* và các thiết mục địa phương thì các ban nhạc đã được thuê về biểu diễn. Người ta bắt gặp nhiều hơn sự góp mặt của các nhạc cụ hiện đại trong lễ hội như sáo, guitar điện, đàn ooc-gan... Các nhạc cụ truyền thống vẫn được sử dụng để phục vụ cho việc thực hiện nghi thức trong buổi lễ. Tại phần hội, do một phần với quy mô lớn và các nhạc cụ truyền thống với số lượng ít, lại không được gắn tăng âm nên mức độ lan tỏa không cao.

Hơn nữa với thị hiếu của người dân hiện đại với số lượng đông đảo của lớp trẻ, việc có sự tham gia của các ban nhạc hiện đại trình diễn các ca khúc trẻ với sự trợ giúp của hệ thống loa đài, tăng âm hiện đại đã thu hút được đông đảo người tham gia.

Thứ bảy, về những kiêng kỵ:

Những kiêng kỵ truyền thống của người Phu Thai trong lễ hội vẫn được gìn giữ khá đầy đủ, cũng có sự thêm mới phù hợp với những biến đổi của lễ hội. Ví dụ như đối với Pha Khouan, sau khi lễ hội kết thúc sẽ không bị bỏ đi ngay mà sẽ được ở vị trí trang trọng trong ngôi chùa của làng và để héo khô thì mới bỏ đi. Đây là tín ngưỡng du nhập từ sự giao thoa trong tôn giáo với đạo Phật vì trong tín ngưỡng của đạo Phật, Pha Khouan là nơi cầu khẩn tới linh hồn. Trước tự như sợi dây buộc cổ tay, người được buộc sợi dây phải đeo ít nhất ba ngày. Nếu đã buộc chỉ cổ tay mà cởi hoặc bị đứt thì đó là một điềm rủi và không đem lại may mắn cho người được đeo dây. Do đó, Pha Khouan phải được để trong chùa ít nhất là ba ngày trước khi bị bỏ đi.

Điều này không quá đặc biệt vì cùng một nghi lễ *su kwan*, nhưng cách hành xử từ nghi thức tới hậu thức tại các dân tộc khác nhau cũng có đặc trưng. Việc giữ lại *Pha khouan* và đeo chỉ cột tay ít nhất 03 ngày không phải là một việc bắt buộc trong nghi thức của người Phu Thai. Điều này được du nhập từ quá trình cộng hưởng tôn giáo, chịu sự giao thoa tín ngưỡng bởi ảnh hưởng từ đạo Phật mà trực tiếp là từ các tu sĩ. Từ đó cho thấy dòng chảy biến đổi của lễ hội truyền thống dưới các yếu tố tác động của lịch sử, chính trị và kinh tế.

3.3. Lễ hội Bun Khoun Khoan Khao của người Phu Thai ở Viêng Chăn

3.3.1. Khái lược về cộng đồng người Phu Thai ở Viêng Chăn

Theo thống kê, năm 2019 dân số của thủ đô Viêng Chăn là 196, 731 người, là thủ đô tập trung đông dân cư nhất của Lào [32], nhóm người Phu Thai sống không tập trung mà rải rác tại các quận của thủ đô Viêng Chăn, nhưng tập trung tại các khu vực quanh bờ sông Mê Kông. Người Phu Thai tại thủ đô Viêng Chăn có nguồn gốc hình thành từ cuộc di cư lịch sử của dân tộc mình. Người Phu Thai sống cộng cư cùng với các dân tộc khác, chủ yếu là người Lào tại thủ đô.

Cơ cấu lao động của họ có sự khác biệt so với người Phu Thai ở huyện Songkhone. Dù chưa có một thống kê nào về tỷ lệ cơ cấu lao động của người Phu Thai tại thủ đô Viêng Chăn, nhưng theo kết quả khảo sát từ Phiếu phỏng vấn trong khuôn khổ luận văn này, người Phu Thai hiện nay tại thủ đô Viêng Chăn làm rất nhiều nghề để kiếm sống. Một bộ phận vẫn tiếp tục canh tác bằng nghề nông chiếm 75%; một số khác nhờ sự khéo léo và nghề truyền thống của dân tộc là dệt và nhuộm vải đã làm đồ thủ công để thương mại chiếm 10%; một số khác đi làm các công việc dịch vụ phục vụ du lịch 12%, bán tạp hóa và làm công nhân, các công việc khác chiếm 8%. Sự phân hóa

này góp phần lý giải lý do dẫn tới sự biến đổi về lễ hội Khoun Khoan Khaocủa người Phu Thai tại Viêng Chăn so người Phu Thai tại huyện Song Khone.

Người Phu Thai tại thủ đô Viêng Chăn do không tập trung thống nhất nên việc tổ chức lễ hội của cộng đồng mình cũng gặp nhiều khó khăn. Việc tổ chức lễ hội bị gián đoạn trong nhiều năm. Cho tới khi năm 2012, lần đầu tiên ngày quốc tế Phu Thai đã được tổ chức. Đây được coi là một sự kiện lớn của người Phu Thai để kết nối toàn bộ các cộng đồng người Phu Thai tại Việt Nam, Thái Lan và toàn bộ lãnh thổ Lào tự hợp và thống nhất. Mặc dù lời kêu gọi này trong quá trình thực hiện gặp phải một số bất lợi từ sự bất hợp tác của một số tộc người Phu Thai ở vùng cao nhưng kết quả mang lại cũng rất khả quan. Kết quả là họ đã bầu ra được Ban liên lạc gồm những người có uy tín, đóng vai trò chủ trì và thực hiện các chương trình kết nối cộng đồng, nhắc nhở về truyền thống và nét đặc sắc riêng có trong lịch sử và văn hóa của người Phu Thai. Và cũng từ năm 2012, lễ hội Khoun Khoan Khaocủa người Phu Thai tại thủ đô Viêng Chăn chính thức được tổ chức hàng năm đều đặn và không bị ngắt quãng.

3.3.2. Lễ hội Khoun Khoan Khaocủa người Phu Thai ở Viêng Chăn

Thứ nhất, về mục đích tổ chức lễ hội: Mục đích tổ chức lễ hội của người Phu Thai tại Viêng Chăn có ít nhiều biến đổi so với người Phu Thai tại Songkhone, Savannakhet. Như đã trình bày, cộng đồng người Phu Thai ở Viêng Chăn chỉ chiếm số lượng ít và sống không tập trung, rải rác tại nhiều quận của thủ đô Viêng Chăn. Diện tích đất canh tác hạn chế cùng với sự tác động mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường đã dẫn tới sự phân hóa sâu sắc trong cơ cấu lao động của người Phu Thai. Xuất phát từ lý do này mà mục đích của lễ hội Bun Khoun Khoan Khaocũng đã có sự biến đổi. Lễ hội một phần chính được tổ chức vẫn là để biết ơn nữ thần gạo đã phù hộ cho họ một vụ mùa bội

thu, nhằm thể hiện sự tôn kính và trân trọng vì sự vất vả của người làm ra hạt gạo. Một phần khác với đại bộ phận những người không còn làm nông nghiệp họ luôn nhớ về nguồn cội của mình, nên cũng đến lễ hội tham gia với mục đích cầu bình an và sức khỏe cho bản thân và gia đình. Nhờ vậy có thể thấy, mục đích của lễ hội đã bị phân hóa theo thời gian và theo cả không gian tổ chức.

Thứ hai, về ban tổ chức lễ hội: Nhờ đã chỉ ra, do không có một địa giới hành chính cố định nên việc tổ chức lễ hội được thực hiện bởi Ban lãnh đạo của cộng đồng người Phu Thai. Họ là những người uy tín được bầu ra, lên kế hoạch, chuẩn bị và thông báo tới tất cả những người Phu Thai tại Viên Chăn nói riêng và nước Lào nói chung về việc tổ chức lễ hội tại địa điểm được định sẵn.

Việc thông báo được hỗ trợ bởi các phương tiện hiện đại nhờ điện thoại, phương tiện mạng xã hội cho thấy những hỗ trợ tích cực từ sự phát triển của công nghệ số tới cuộc sống của người dân thành thị. Bên cạnh đó, chương trình và nội dung của lễ hội cũng được Ban tổ chức thông báo rộng rãi tới người tham gia để họ nắm được thông tin và tham gia lễ hội.

Thứ ba, về thời gian và địa điểm tổ chức:

Về thời gian tổ chức, người Phu Thai ở Viên Chăn vẫn giữ nguyên lễ thói của tổ tiên họ để lại khi tổ chức trùng với thời điểm của người Phu Thai tại Songkhone, Savannakhet nhờ là cách để họ tri ân và tạ ơn với nữ thần lúa gạo. Song thời gian tổ chức của người Phu Thai ở Viên Chăn thường ngắn hơn và quy mô cũng nhỏ hơn, thông thường diễn ra trong một ngày đêm. Với ban ngày là thời gian làm lễ và diễn ra các nghi thức chính, chiều và tối sẽ diễn ra các hoạt động giao lưu và ăn uống tập thể.

Địa điểm tổ chức lễ hội Bun Khoun Khoan Khao của người Phu Thai ở Viên Chăn có điểm khác biệt so với người Phu Thai tại Songkhone. Họ lựa

chọn việc tổ chức tại dải đất ven sông Mê Kông. Những người Phu Thai ở đây tin rằng dòng sông Mê Kông là nguồn sống nuôi dưỡng cho những cánh đồng lúa, không có nước cây lúa sẽ không thể phát triển. Do đó, việc tạ ơn nữ thần lúa sẽ được tổ chức tại ven sông cũng là để tỏ lòng thành kính và biết ơn tới thần sông đã che chở và ban cho họ vụ mùa thắng lợi.

Thứ tư, về quá trình chuẩn bị lễ hội:

+Về không gian lễ hội: Không gian lễ hội Khoun Khoan Kha của người Phu Thai tại thủ đô Viêng Chăn vẫn giữ được linh hồn của mình đó là những tháp lúa, song với quy mô nhỏ hơn và một số mang tính tượng trưng. Thay vì những tháp lúa đặc do lúa được xếp trồng lên, thì nay được dựng bằng khung tre, sau đó, lúa sẽ được đắp lên các tháp này để làm tăng mức độ sộ và hoành tráng hơn. Điều này được lý giải là để tiết kiệm công sức cho việc vận chuyển, đồng thời điều này cũng tạo ra sự mới mẻ và thu hút được khách tham quan nhiều hơn, khi ở mỗi tháp lúa có cửa mở và người tham quan có thể đi vào bên trong các tháp lúa này. Bên cạnh đó, các tháp lúa vẫn được trang trí sặc sỡ và lộng lẫy bằng các loại giấy nhiều màu sắc và được thắp sáng lung linh vào buổi tối.

Bên cạnh các tháp lúa, Pha khouan và cà thông cũng được bố trí nhưng đã được đơn giản hóa. Thay vì việc người dân tự kết bằng tay thì nay đã được thay thế bằng việc đặt mua ở chợ, với kiểu dáng thu hút mắt nhìn hơn và cũng có phần hiện đại hơn.

Khu vực lễ chính nơi có các tu sĩ ngồi sẽ có một dãy bàn dài được trải khăn trắng. Trên đó dựng các tháp lớn bằng đồng, bạc và các đĩa lớn thay cho sản tà leo để đựng đồ lễ dâng cúng của người dân gồm có 03 khay lớn và 09 khay nhỏ.

Phần sân rộng dành cho người tham gia nghi lễ có một điểm nhấn đặc biệt, đó là mạng lưới dây chằng chịt màu trắng giống như một mạng nhện

không lồ (Xem Phụ lục Hình 9). Mỗi chỗ ngồi của người tham gia sẽ có một đầu sợi dây đợc thả xuống. Đây là dây buộc chỉ phục vụ cho nghi thức buộc chỉ cổ tay vào cuối buổi lễ, đồng thời cho thấy sự khác biệt rõ rệt về cách thức tổ chức lễ hội. Có thể đây là cách làm sáng tạo của ban tổ chức vì số lượng người tham gia đông và ai cũng muốn tham gia nghi thức này để xin may mắn cho bản thân. Chính vì vậy sợi dây đợc mắc sẵn và chờ trì chú trong buổi lễ để có thể thực hiện tốt vai trò của mình vào cuối buổi lễ.

+ *Về lễ vật cúng dường*: Đồ tế đợc giản lược đi, bên cạnh lúa gạo, các loài vật làm đồ tế sống như gà, vịt đã ít đợc chuẩn bị. Thay vào đó là sự sáng tạo và bày biện đồ lễ đẹp mắt hơn với các loại hoa quả. Một hình thức khác đợc coi là đồ lễ mang tính thiết thực và lòng thành hơn mà không chỉ ở Lào, đang diễn ra mạnh mẽ tại các quốc gia châu Á đó là dùng tiền để cúng dường.

Lễ hội Bun Khoun Khoan Khao ở Viêng Chăn là điển hình cho sự biến thể về đồ lễ này. Ban đầu tình trạng này mới manh nha đợc thực hiện kể từ năm 2000 khi mà cuộc sống của người Phu Thai tại Viêng Chăn bắt đầu trở nên bận rộn hơn và cơ cấu lao động của họ cũng bắt đầu có sự thay đổi. Từ 100% dân số trồng lúa, họ bắt đầu có sự phân hóa lao động sang các ngành phi nông nghiệp như công nghiệp, thủ công hay dịch vụ. Tuy nhiên, lễ hội Bun Khoun Khoan Khao là một lễ hội không thể thiếu trong dân tộc mình và để tạ ơn nàg Khosop, cầu bình an và sức khỏe nên họ vẫn tham gia lễ hội như những người Phu Thai làm nông khác. Mục đích tham gia khác và cùng thêm thời gian bận rộn cho công việc đã khiến họ sử dụng tiền để làm lễ vật. Điều đáng nói là các nhà sợi cũng rất hoan hỉ trong việc nhận các lễ vật này. Và theo Ban tổ chức thì điều này sẽ giúp họ không phải qua một khâu trung gian là bán lúa để thu về tiền nữa.

+ *Về trang phục*: Trang phục của người Phu Thai tham gia lễ hội tại Viêng Chăn có sự thay đổi lớn và rõ rệt. Theo quan sát, người Phu Thai tại

Viêng Chăn khi tham gia lễ hội không quá cầu kỳ về trang phục. Đa phần những người phụ nữ và đàn ông lớn tuổi vẫn mặc trang phục truyền thống thòòng ngày để tham gia lễ hội. Một số trong thành phần Ban tổ chức lễ hội mặc trang phục lễ hội, có đính kết họa tiết và hoa văn giống với truyền thống. Song một số trang phục không đợc dệt bằng tơ tằm. Các trang phục này giờ đây có thể dễ kiếm tìm tại các chợ hoặc đặt làm. Nhưng nếu đặt dệt bằng tơ tằm thì giá cả sẽ rất đắt đỏ, do đó, họ lựa chọn các trang phục đợc làm bằng sợi tổng hợp đợc nhập từ Trung Quốc hay Việt Nam như rayon, polyester, ra đợc thành phẩm vẫn giống trang phục truyền thống nhưng có giá thành rẻ và hợp lý hơn.

Những thế hệ trẻ em, lứa tuổi vị thành niên người Phu Thai sống tại Viêng Chăn đã quen với cuộc sống thành thị và trang phục có phần Âu hóa. Các em tham gia lễ hội với trang phục váy cách tân và áo phông hiện đại. Riêng đối với các em đợc lựa chọn để tham gia vào các chương trình văn nghệ, hoạt động tập thể thì đợc mặc trang phục truyền thống, làm tóc và trang điểm rất đẹp. Điều này vô hình chung đã tạo thành sự phân hóa trong trang phục, tạo lằn ranh rõ rệt giữa trang phục truyền thống và trang phục thòòng ngày.

Việc không quá đầu tư vào trang phục khi tham gia lễ hội của người dân cho thấy xu hướng tác động rõ rệt của đời sống kinh tế và vị trí, vai trò của lễ hội trong đời sống của người dân Phu Thai hiện đại. Ở Viêng Chăn, khi mà cuộc sống quá bận rộn thì việc chăm chút cho trang phục chỉ để tham gia lễ hội là việc làm thứ yếu, bị xếp sau những việc khác. Họ vẫn ý thức đợc việc tôn trọng các quy tắc trong trang phục để thể hiện sự tôn trọng và linh nghiêm khi tham gia lễ hội, nhưng để bỏ thời gian để làm một bộ trang phục cầu kỳ hoặc bỏ tiền để mua một bộ trang phục chỉ mặc có một năm một lần thì đó là điều không mấy thuyết phục. Hơn thế nữa, với những công việc hiện

tại không còn quá phụ thuộc vào nông nghiệp, thì vị trí của lễ hội mừng lúa mới đã không đóng vai trò quá quan trọng trong đời sống của những người Phu Thai thoát ly.

Thứ năm, về quá trình diễn ra lễ hội:

Buổi sáng khi bắt đầu diễn ra nghi lễ, người dân tới sớm trước khi bắt đầu giờ cử hành nghi lễ. Không gian lễ hội bắt đầu với công lễ mái vòm được làm bằng kim loại với biển tên được cắt chữ vi tính, mang đậm nét hiện đại, thay vì công được làm và đan kết bằng lá thủ công như lễ hội tại huyện Songkhone, cho thấy sự tối giản và hiện đại. Người dân sẽ đi vào khu lễ chính để dâng đồ cúng dường. Đồ cúng dường của người Phu Thai được đựng trong các khạp tròn nông, sâu tùy ý, có thể bằng gỗ, bằng bạc hoặc bằng đồng với những chi tiết hoa văn đậm nét Phật giáo và được chạm khắc bằng tay rất đẹp mắt.

Đồ cúng dường của người dân mang đến rất đa dạng, và họ sẽ phân loại để vào từng *khạp* trên bàn. Trước khi dâng đồ cúng dường, người dân Phu Thai sẽ phải thực hiện động tác thể hiện sự cung kính bằng cách tay trái ôm khạp của mình vào trước ngực, tay phải cầm từng loại đồ cúng đặt lên trên đầu của mình sau đó mới để vào khạp cúng của lễ hội. Nghi thức này xuất phát từ quan niệm truyền thống của người Lào rằng đầu là nơi sinh khí hội tụ, là nơi thiêng liêng và quý trọng nhất của cơ thể, nên nghi thức này thể hiện sự cung kính và tôn nghiêm đối với các đấng thần linh.

Phần nghi lễ chính được thực hiện trong lễ Khoun Khoan Kha của người Phu Thai ở Viêng Chăn theo quan sát của người viết không có điểm khác biệt lớn so với nghi lễ được thực hiện ở cộng đồng người Phu Thai ở huyện Songkhone. Nghi lễ gồm hai nghi thức chính là thỉnh hôn và sou kwan. Nghi thức hiến tế cũng không được thực hiện tại lễ hội của người Phu Thai tại Viêng Chăn. Do không có điều kiện tiếp xúc trực tiếp, nên cũng không thể so

sánh sự giống và khác nhau giữa văn khấn của các tu sĩ, pháp sư trong quá trình làm lễ.

Khác biệt cơ bản ở đây thể hiện ở hai điểm: (1) Người làm chủ lễ và (2) Thời gian thực hiện nghi lễ. Người làm chủ lễ trong việc thực hiện các nghi thức trong lễ Khoun Khoan Khaocủa người Phu Thai ở Viêng Chăn là các tu sĩ, nữ pháp sư không đóng vai trò chính yếu. Thực tế này xuất phát từ nguyên nhân phân tán trong nơi cư trú, những người Phu Thai không sống quần cư trong cùng một bản, do đó, cũng không có nữ pháp sư của riêng mình. Hơn nữa, trong cuộc sống quần cư hàng ngày, họ trực tiếp hàng ngày chịu sự tác động của giáo lý đạo Phật. Sự dây liên kết sinh hoạt cộng đồng bị lỏng lẻo, do đó, nhận thức về tầm quan trọng của nữ pháp sư cũng đã có phần bị lệch hơn so với vị trí nguyên thủy của pháp sư trong đời sống tâm linh của người Phu Thai.

Đối với thời gian thực hiện nghi lễ, theo quan sát của người viết thì thời gian hành lễ có sự khác biệt ở hai địa điểm: tại huyện Songkhone, thời gian kéo dài từ 9 giờ sáng tới 16 giờ chiều còn ở Viêng Chăn thì bắt đầu từ 11 giờ sáng và kết thúc vào khoảng 16 giờ chiều. Như vậy thời gian tổ chức cũng đã khác nhau và rút ngắn hơn. Người viết cũng nhận định là một lý do nữa dẫn tới việc các nghi thức được thực hiện trong lễ cầu mùa tại Viêng Chăn đã được rút gọn hoặc có phần cải biên là do người làm chủ lễ là tu sĩ chứ không hoàn toàn là pháp sư như truyền thống. Tuy nhiên, nhận định này cần được kiểm chứng trong một công trình nghiên cứu chuyên sâu hơn trong tương lai.

Âm nhạc truyền thống tại lễ hội Khoun Khoan Khaocủa người Phu Thai tại Viêng Chăn đã có sự biến đổi. Vẫn là các nhạc cụ truyền thống song các diễn tấu tại đây đã khác, thể hiện sự ảnh hưởng của khu vực. Điều này xuất phát từ việc trường học của chính phủ Natasin đã được mở lại từ năm 1990 từ sau khi bị đóng cửa năm 1975 đã nghiên cứu và giảng dạy các bản

hòa tấu cho lễ hội, cưới xin hay các sự kiện khác. Kể từ đây, âm nhạc trong các lễ hội và sự kiện tại Viên Chăn đã có sự biến đổi đáng kể.

Thứ sáu, về những kiêng kỵ: Lễ hội của người Phu Thai tại Viên Chăn được tổ chức vẫn giữ những điều kiêng kỵ như đối với lễ hội được tổ chức tại huyện Songkhone. Trong quá trình tìm hiểu, người viết thấy rằng không có sự khác biệt về kiêng kỵ khi tham gia và tổ chức lễ hội tại Viên Chăn của người Phu Thai.

Kết luận Chương 3

Kể từ sau khi thi hành chính sách cải cách và đổi mới kinh tế năm 1986, kinh tế Lào nói chung và đời sống của các dân tộc trên địa bàn huyện Songkhone, tỉnh Savannakhet đã có nhiều đổi thay theo hướng tích cực. Đời sống kinh tế phát triển, cơ cấu lao động thay đổi và sự phân hóa của nền kinh tế thị trường đã tác động tới sự biến đổi lễ hội Khoun Khoan Khaocủa người dân Phu Thai.

Lễ hội Khoun Khoan Khaocủa người Phu Thai tại bản Nakala, huyện Songkhone, tỉnh Savannakhet và tại thủ đô Viên Chăn về cơ bản vẫn giữ được những nét đặc trưng của dân tộc mình song đã có nhiều biến đổi. Sự biến đổi của lễ hội tại hai địa điểm nghiên cứu được phân tích thông qua các yếu tố như quá trình chuẩn bị lễ hội, các nghi thức chính, phần hội. Trong đó có sự so sánh giữa thực tại với lễ hội truyền thống trước năm 1986 và so sánh giữa hai nơi tổ chức lễ hội trong cùng một thời điểm để thấy sự khác biệt.

Chương 4: NGUYÊN NHÂN, HỆ QUẢ CỦA CÁC BIẾN ĐỔI LỄ HỘI BUN KHOUN KHOAN KHOA VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH BẢO TỒN DI SẢN LỄ HỘI

4.1. Nguyên nhân của những biến đổi lễ hội Bun Khoun Khoan Khao

4.1.1. Biến đổi lễ hội do tác động của kinh tế thị trường

Sự phát triển của nền kinh tế thị trường, tốc độ đô thị hóa cùng với mức sống của người dân ngày một nâng cao đã tác động và làm biến đổi lễ hội truyền thống nói chung và lễ hội Bun Khoun Khoan Khao nói riêng.

Ngay từ những ngày đầu mở cõi và bản chất làm nông nghiệp, sống chan hòa với thiên nhiên, con người Lào rất ôn hòa và coi trọng tình cảm. Là một đất nước tuy còn nghèo về kinh tế, nhưng sợi dây đoàn kết và gắn bó vì tình cảm và những mối liên kết vô hình về tôn giáo đã biến Lào trở thành quốc gia có niềm tự tôn dân tộc và tinh thần yêu nước rất lớn. Lễ hội truyền thống đã trở thành không gian sinh hoạt văn hóa và tôn giáo của các dân tộc, khiến họ có nhiều cơ hội để giao thoa và tiếp nhận các văn hóa của nhau, hiểu nhau và cùng chung sống hòa bình trên mảnh đất mẹ Lào. Kinh tế thị trường là nguyên nhân trực tiếp của việc mở rộng quy mô và phạm vi của lễ hội truyền thống trên phạm vi chính trị. Sự biến đổi về quy mô của lễ hội từ phạm vi một làng, bản lên quy mô vùng đã góp phần tăng tính liên kết và phát huy sức mạnh đoàn kết, gắn bó giữa nội bộ người Phu Thai nói riêng và các dân tộc anh em trong vùng nói chung.

Dưới tác động của kinh tế thị trường, lễ hội truyền thống dường như đã phát triển ở một tầm cao hơn, không chỉ phản ánh quy tắc lễ thói của cộng đồng người dân tộc Phu Thai mà còn biểu hiện sự kết nối với các cộng đồng bên ngoài. Lễ hội Khoun Khoan Khao hiện nay không chỉ là sinh hoạt văn hóa trong cộng đồng người Phu Thai mà còn là cơ hội để tiếp xúc, giao lưu

với các cộng đồng bên ngoài, biểu hiện những quy tắc ứng xử với các cộng đồng dân tộc anh em, khách du lịch và phản ánh sự hội nhập quốc tế.

Xu hướng biến đổi của lễ hội Bun Khoun Khoan Khao trong đời sống văn hóa cộng đồng đã tạo điểm nhấn cho vùng văn hóa của cộng đồng dân tộc Savannakhet. Ngày nay, khi nhắc tới Savannakhet người ta không chỉ nhắc tới “thành phố thiên đường” với các lễ hội truyền thống như lễ hội té nước, lễ hội nước đuốc của người Bru mà còn có lễ hội Bun Khoun Khoan Khao của người Phu Thai. Lễ hội Bun Khoun Khoan Khao của người Phu Thai là một nét chấm phá đặc sắc cho không gian văn hóa của khu vực trung Lào, đồng thời ghi tên Savannakhet vào bản đồ du lịch của Lào khi trong những năm gần đây, Bun Khuôn Khoan Khao đã trở thành lễ hội đặc sắc được nhiều người biết tới bên cạnh các lễ hội nổi tiếng như lễ hội mừng năm mới, lễ hội vía Phật hay lễ hội voi.

Lễ hội Bun Khoun Khoan Khao có những biến đổi trong mục đích và quy mô tổ chức, do đó, dưới góc độ kinh tế, lễ hội này mang lại nguồn thu trực tiếp cho người dân trong vùng nói chung và người dân Phu Thai nói riêng. Thông qua các hoạt động như trưng bày các gian hàng bày bán các sản phẩm thủ công, sản vật nông nghiệp và các món ăn đặc sắc của bản địa, các giống gạo ngon... không chỉ giúp thu hút sự quan tâm đông đảo của khách du lịch mà thông qua những hoạt động này đã mang lại nguồn thu cho người nông dân. Thông qua việc diễn ra các giao dịch nhỏ nhỏ lại mang những ý nghĩa lớn trong việc quảng bá các giống gạo đặc sản của địa phương, các nét đẹp văn hóa nhằm đưa cái tên lễ hội Bun Khoun Khoan Khao đi ra xa hơn tới bạn bè quốc tế, qua đó góp phần thúc đẩy kinh tế Lào phát triển.

Về phương diện xã hội, xu hướng biến đổi của lễ hội Bun Khoun Khoan Khao đã tạo điều kiện cho những người con Phu Thai nói riêng và những người dân trong cả nước được hướng về cội nguồn, tham gia các hoạt

động văn hóa, bày tỏ lòng biết ơn và xin đợc sự bình yên, hạnh phúc, nhận thức và trân trọng hơn công sức của người nông dân khi làm ra hạt lúa.

Có thể thấy, những biến đổi về quy mô tổ chức của lễ hội Bun Khoun Khoan Khao phản ánh sức sống, sự vươn lên của cộng đồng dân tộc Phu Thai trong bối cảnh hội nhập. Lễ hội Bun Khoun Khoan Khao ngày nay đã có nhiều biến đổi so với lễ hội trước năm 1986, tiếp nhận đan xen những nét mới và loại bỏ những kiêng kỵ đã không còn phù hợp, biến đổi không có nghĩa là thay đổi hoàn toàn mà là cách tân cho phù hợp với tụy duy và nhận thức quan niệm ngày nay.

Một mặt khác, lễ hội truyền thống đang có xu hướng tổ chức dài ngày gây lãng và lãng phí. Nếu như trước đây chỉ là một ngày một đêm thì nay có thể kéo dài hai ngày thậm chí bốn đến năm ngày. Các hoạt động lễ hội vì thế mà cũng đợc tổ chức nhiều hơn. Các nghi thức lễ có phần bị lãng do cố tình kéo dài thời gian, một số nghi thức đợc khuếch đại làm biến tợng nghi thức truyền thống. Mặc dù thực tế này cho thấy quá nghiêm trọng trên thực tế nhưng cũng cần phải có sự chấn chỉnh để không làm sai lệch đi các nghi lễ truyền thống của người Phu Thai trong lễ hội này. Theo nghiên cứu của tác giả, việc làm biến tợng đi các nghi lễ có thể vì hai nguyên nhân, một là, do người hành lễ cho thấy đủ khả năng để hành lễ và hai là, do trục lợi của những nhà sớ vẫn còn lòng tham, cho thấy thực sự đặc đạo, nên dễ dàng trục lợi từ những phật tử có niềm tin mù quáng.

Bên cạnh đó, việc tổ chức các lễ hội dài ngày còn khiến tình trạng lãng phí trở nên trầm trọng hơn, biểu hiện ở việc người dân dâng cúng những vật phẩm xa hoa không có tiền lệ; tổ chức lễ hội dài ngày nhưng nội dung sơ sài, không có kế hoạch và thiếu hiệu quả; tổ chức với quy mô lớn, nhiều hình thức hoạt động rầm rộ, hình thức rợm rà không cần thiết dẫn đến phô trương, tốn kém và lãng phí cả về thời gian, tiền bạc và sức lực.

Ở cấp độ người dân tham gia vào lễ hội, dưới tác động của nền kinh tế thị trường khi mà nỗi lo cơm áo gạo tiền không còn là thường trực, con người ta lại ganh đua với nhau về sự giàu sang, ai cũng muốn có được phần hơn, được thần linh phù hộ mình và gia đình mình. Do đó, một cuộc chạy đua ngầm về lễ vật dâng cúng đã diễn ra. Theo quan sát của người viết, đặc biệt là tại lễ hội Bun Khoun Khoan Khao ở Viêng Chăn, một số bộ phận người dân đi lễ mang lễ vật rất xa xỉ, và còn làm cả tháp tiền để cúng dường. Trang phục lễ hội của họ mặc dù vẫn mặc trang phục truyền thống nhưng đeo trang sức rất phô trương. Khi dâng lễ đã có hiện tượng chen lấn, xô đẩy nhau, ai cũng muốn mình ngồi ở hàng trước tiên gần nhất với các sọt và thầy pháp với hi vọng may mắn sẽ tới với gia đình mình trước tiên. Dưới không khí nóng nực, lại thêm cảnh chen lấn, xô đẩy tạo ra một cảnh tượng rất mất mỹ quan và làm giảm tính trang nghiêm đáng kể của buổi hành lễ.

Điều đó là choja kể tới việc phô trương quá nhiều tài sản nơi đông người nhọ lễ hội lại là cơ hội cho những kẻ trộm cắp có cơ hội để hành nghề. Trong những năm vừa qua, tình hình trộm cắp tại các lễ hội ở Lào không chỉ riêng Bun Khoun Khoan Khao đã xảy ra khá phổ biến. Chính người dân không có ý thức bảo vệ tài sản của mình thì rất dễ trở thành miếng mồi ngon cho các đối tượng này trục lợi. Bên cạnh các đối tượng loqu manh, bắt hảo dễ bề hoạt động thì lễ hội cũng là nơi diễn ra việc ăn xin biến tướng. Nói nhọ vậy là bởi không dễ có thể bắt gặp những hình ảnh người mẹ ôm đứa con ngồi ở chỗ đông người hay một người tàn tật đang đi xin tiền. Những đối tượng này chủ yếu tiếp cận với những người trông vẻ ngoài giống nhọ là người giàu có và khách du lịch nước ngoài. Trong trường hợp không xin được hoặc có sơ hở thì sẵn sàng có thể móc túi hoặc móc ví một cách rất thuận thực. Nếu nhọ thường ngày, các đối tượng này sẽ rất khó thực hiện được các hành vi này,

nhອງ tại các lễ hội thì lại rất dễ. Nhất là khi tại các lễ hội, việc quản lý trật tự trị an còn rất lỏng lẻo và chính bản thân người dân cũng chưa ý thức được việc phải bảo quản tài sản của mình.

Cũng không thể phủ nhận rằng tính cộng đồng đã mai một theo chiều không gian, do đó, với những người dân Phú Thai xa xứ, nhất là những thế hệ sau này khi cuộc sống hiện đại đã quá quen thuộc, họ không nhận thức được đầy đủ và chắc cũng không có nhiều thời gian để ý về nguồn gốc của mình, về những câu chuyện truyền thuyết hay thậm chí tại sao lại có lễ hội này. Việc những người trẻ ít quan tâm tới các sự kiện, lễ hội truyền thống không còn quá xa lạ trong xã hội hiện đại. Họ tham gia lễ hội có khi chỉ vì để thỏa mãn tính tò mò và để vui. Từ nhận thức thiếu đầy đủ đó dẫn tới những hành động thiếu tôn nghiêm nơi hành lễ hay trực tiếp tác động xấu tới việc gìn giữ và lưu truyền bản sắc lễ hội riêng có của người Phú Thai.

4.1.2. Biến đổi lễ hội do chính sách quản lý lễ hội

Thứ nhất, cũng giống như các lễ hội truyền thống tại nhiều quốc gia khác của khu vực châu Á như Việt Nam, Malaysia, Trung Quốc... lễ hội truyền thống Bun Khoun Khoan Khao không tránh khỏi xu hướng hành chính hóa, làm biến dạng các sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Nếu như trước năm 1986, việc thực hành các nghi lễ cổ truyền đều do các pháp sư và nhà sư thực hiện, thì nay, ta có thể thấy sự xuất hiện thường xuyên hơn của chính quyền địa phương vào hoạt động tổ chức lễ hội để thực hiện các hoạt động phát biểu khai mạc. Vai trò cộng đồng có vẻ bị mờ nhạt vì lễ thức đã có phần hành chính hóa.

Thứ hai, các nghi lễ có nguy cơ bị mai một do sự tác động từ nhận thức của người tổ chức và tham gia làm lễ và phân hóa theo vùng miền. Điều này có thể thấy rõ nhất qua khác biệt về nghi thức giữa lễ Khoun Khoan Khao của người Phú Thai tại Savannakhet với người Phú Thai tại Viêng Chăn. Các nghi

lễ của người Phu Thai tại Viêng Chăn đã được lược bỏ một số khâu và có xu hướng đơn giản hóa. Điều này vô hình chung tạo nên các biến thể và theo thời gian sẽ rất khó để phục dựng lại các nghi lễ truyền thống của người Phu Thai.

Dù lễ hội có xu hướng bị hành chính hoá nhưng dòng chảy các cấp quản lý cho thấy ý thức được vai trò của lễ hội tới sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Việc nhận thức cho thấy đúng đắn về giá trị của lễ hội truyền thống nói chung và mục đích tổ chức và động cơ tham gia lễ hội Khoun Khoan Khao nói riêng có thể xảy ra hai chiều hướng khác nhau trong quản lý:

Một là, coi lễ hội là sinh hoạt văn hóa của cộng đồng dân cư mang tính chất cục bộ, nên để người dân tự tổ chức, không tham gia sát sao vào quá trình tổ chức. Chiều hướng quản lý này không can thiệp quá sâu vào công tác tổ chức và diễn ra lễ hội nhưng lại có nhược điểm là khi có những biến động và sự cố xảy ra thì chính quyền địa phương không kịp thời nắm bắt và giải quyết.

Hai là, can thiệp quá sâu vào công tác thực hiện lễ hội, đưa lễ hội truyền thống diễn ra theo bố cục, kế hoạch đã định trước. Chiều hướng này thể hiện sự quản lý sát sao của chính quyền nhưng dễ dẫn đến việc lễ hội vì theo sự quản lý mà phai nhạt dần đi những bản sắc riêng có.

Từ thực trạng của lễ hội Khoun Khoan Khao có thể thấy chính quyền của huyện Songkhone đang bắt đầu thiên về xu hướng thứ hai, nên dẫn tới tình trạng hành chính hóa lễ hội nhưng vẫn ở mức nửa vời vì chính quyền huyện chưa thực sự đưa ra những quy hoạch hay bố cục cần thiết cho lễ hội để chấn chỉnh hiện trạng các không gian thương mại đang ngày một lớn, dần lấn át không gian thực hiện các nghi lễ truyền thống.

Như một hệ quả tất yếu của sự thiếu vắng vai trò quản lý nhà nước, công tác quy hoạch, chỉ đạo tổ chức lễ hội chưa được quan tâm. Như đã nói trên đây, từ việc nhận thức cho thấy đúng đắn của cấp chính quyền huyện đã dẫn

tới sự bành trướng của không gian thương mại. Với một nghi lễ nông nghiệp nhỏ Bun Khoun Khoan Khao, không gian chính phải là nơi thực hiện các nghi lễ, bên cạnh các làn khẩu đưng lúa thì không được phép diễn ra các hoạt động khác làm ảnh hưởng tới tính tôn nghiêm của buổi lễ.

Việc thiếu đi một chiến lược để bảo tồn, gìn giữ những nét đẹp truyền thống trong lễ hội Khoun Khoan Khao cũng là một thiếu sót và cho thấy sự quan tâm chưa đúng mức của lãnh đạo các cấp tới lễ hội truyền thống. Do đó mà các hoạt động truyền thông, quảng bá nhỏ in tờ rơi hay thực hiện các phóng sự, video về lễ hội chưa được quan tâm thực hiện. Việc quảng bá chỉ dừng ở hình thức truyền miệng của khách du lịch, chưa có một chiến dịch quảng bá nào thực sự được đầu tư và thực hiện để lễ hội Bun Khoun Khoan Khao được biết tới rộng rãi hơn tới khách du lịch quốc tế.

4.1.3. Toàn cầu hoá, du lịch lễ hội và môi trường

Cho tới nay chưa có một thống kê nào cụ thể về số lượng khách du lịch tới Songkhone chỉ vì mục đích tham gia lễ hội. Đôi khi, họ tới lễ hội khi trùng với chuyến du lịch của mình nên họ không có khái niệm phải tìm hiểu trước về lễ hội mình sẽ tham gia. Do đó, việc ăn mặc thiếu thốn cảm hay những hành vi vô tình rơi vào kiêng kỵ của người Phu Thai trong buổi lễ cũng khó có thể đổ lỗi cho họ hoàn toàn. Nguyên nhân của việc này là do thiếu hướng dẫn từ phía người quản lý du lịch, hoặc những thông tin công cộng tại buổi lễ chẳng hạn như các bảng hướng dẫn hay tờ rơi hướng dẫn du lịch tự túc. Do thiếu vắng một chính sách quản lý lễ hội bài bản nên ngay cả khi khách du lịch rất muốn tìm hiểu về lễ hội và không hề muốn phạm phải những điều cấm kỵ nhưng tài nguyên thông tin để họ tiếp cận thì rất thiếu thốn và nghèo nàn.

Lễ hội Khoun Khoan Khao của người Phu Thai tại Songkhone ngày nay phải đối mặt với tình trạng ô nhiễm môi trường do lượng khách tham quan đông và lượng rác thải ra không được xử lý. Một thực tế dễ hiểu là với sự

mở rộng quy mô của lễ hội, sẽ tỉ lệ thuận với việc tham gia đông đảo của người dân, khách du lịch. Một bộ phận khách du lịch thiếu ý thức, xử rác sinh hoạt bừa bãi, đặc biệt là các loại rác thải nhựa túi nilon khó phân hủy, đồ ăn, thức uống... gây mất mỹ quan và ảnh hưởng xấu tới không khí trang nghiêm của lễ hội.

Các hoạt động bên lề của lễ hội như cuộc thi nấu ăn, hội chợ ẩm thực là nét đẹp và là cơ hội để người dân Phú Thọ quảng bá những sản vật độc đáo của mình nhưng cũng đang có chiều hướng “biến tướng”. Việc tham gia của khách du lịch ngày càng đông đã kéo theo sự phát sinh của những dịch vụ mới như: Dịch vụ ăn nghỉ trong các quán ăn uống, nhà hàng, khách sạn tạm thời; dịch vụ trông giữ xe máy, xe ô tô... chủ yếu là xe máy do lượng khách du lịch bằng xe tự lái tới lễ hội Bun Khoun Khao Khoan rất đông; dịch vụ chụp ảnh, tổ chức các trò chơi biểu diễn nghệ thuật, mua bán đồ lễ... Các hoạt động này diễn ra nhiều nơi trong không gian lễ hội mà không có quy hoạch khiến hoạt động thương mại này lấn át không gian văn hóa, làm xấu đi hình ảnh đẹp của di tích và lễ hội. Một số khác đã biến tướng khi bắt đầu có hiện tượng nâng giá, “chặt chém” khách du lịch và tranh giành khách, khiến khách du lịch và người tham quan lễ hội có cái nhìn thiếu thiện cảm, tiềm ẩn nguy cơ gây mất an ninh, trật tự.

4.2. Một số khuyến nghị chính sách bảo tồn di sản lễ hội Bun Khoun Khao Khoan

Trên cơ sở phân tích thực trạng tác động tiêu cực của kinh tế thị trường đối với biến đổi lễ hội Bun Khoun Khoan Khao của người Phú Thọ và những nguyên nhân của nó, người viết xin đề xuất đưa ra một số đề xuất nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực tới sự biến đổi lễ hội như sau. Các khuyến nghị này hướng tới các cơ quan quản lý nhà nước như cơ quan quản lý cấp huyện

Songkhone, cán bộ Sở Thông tin, Văn hóa và Du lịch tỉnh Savannakhet (4.2.1-4.2.4) và người dân (4.2.5.).

4.2.1. Xây dựng quy hoạch lễ hội Bun Khoun Khoan Khaos

Đây là việc làm cần thiết nhằm phục vụ cho hoạt động quản lý nhà nước đối với lễ hội truyền thống nói chung và lễ hội Khoun Khoan Khaos của người Phu Thai nói riêng. Nhờ đã phân tích, việc không can thiệp hay can thiệp quá sâu của cơ quan quản lý nhà nước vào quản lý lễ hội truyền thống sẽ mang lại kết quả tiêu cực khiến cho lễ hội truyền thống bị biến tướng hay mất đi bản sắc vốn có của dân tộc. Ở mức độ hợp lý nhất, cơ quan quản lý cần quy hoạch lễ hội gắn với quy hoạch phát triển văn hóa, và phát triển kinh tế xã hội của địa phương, có tính đến những đặc thù trong văn hóa của người dân tộc Phu Thai.

Việc quy hoạch lễ hội Bun Khoun Khoan Khaos phải dựa trên cơ sở kết quả khảo sát, nghiên cứu từ các yếu tố như lịch sử, giá trị văn hóa và mức độ lan tỏa của lễ hội để từ đó đưa ra mục tiêu và giải pháp thực hiện. Việc quy hoạch lễ hội Bun Khoun Khoan Khaos phải chú ý tới các yếu tố sau:

Thực hiện nghiên cứu các thành tố lễ hội, trong đó chú trọng đặc biệt tới việc thực hiện các nghi lễ; ghi chép, lưu trữ, khôi phục và phục dựng những nội dung cần bảo tồn, loại bỏ những nghi thức, kiêng kỵ không còn phù hợp với thời đại mới; phục dựng các nghệ thuật diễn xướng dân gian trong phân hội.

Xác định và phân bổ không gian văn hóa trong tổ chức lễ hội trong đó xác định trọng tâm là không gian diễn ra các nghi thức văn hóa. Quy hoạch không gian vui chơi và thương mại như hội chợ, đường ẩm thực... phải hài hòa với không gian chung, không lấn át không gian tâm linh.

4.2.2. Xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, dịch vụ văn hóa tại bản Nakala

Do tính chất lễ hội được tổ chức theo mùa vụ nên vào thời điểm lễ hội diễn ra, lượng du khách tăng đột biến. Do đó, nếu hệ thống giao thông không đảm bảo sẽ dẫn đến ùn tắc và dịp lễ hội, gây mất an toàn giao thông và ảnh hưởng tới an ninh trật tự của người dân tại bản. Chính vì vậy, chính quyền địa phương cần có sự quan tâm đúng mức tới việc đầu tư nâng cấp lại các đoạn đường dẫn vào bản đã xuống cấp, tu bổ và rải nhựa mới nhằm đáp ứng cao hơn nhu cầu của khách du lịch và đồng thời phục vụ tốt hơn đời sống của người dân nơi đây.

Bên cạnh đó, tỉnh và huyện cũng cần có chính sách khuyến khích xây dựng các công trình dịch vụ, nhà hàng, khách sạn và các cơ sở lưu trú; đặc biệt nghiên cứu mô hình “homestay” để vừa tạo thu nhập cho người dân, vừa giúp khách du lịch được trải nghiệm những nét đặc sắc của người dân. Chính sách xây dựng cần phải được quy hoạch, để tránh việc tự phát của các hộ dân, không đảm bảo đủ điều kiện cũng như kiến thức du lịch lễ hội (giao tiếp, ứng xử, phong cách phục vụ...).

4.2.3. Tăng cường thông tin, tuyên truyền và giáo dục pháp luật, đồng thời quảng bá lễ hội

Đối với các cơ quan chức năng như Sở Thông tin, Văn hóa và Du lịch tỉnh Savannakhet cần nghiên cứu, biên soạn nội dung tuyên truyền và chỉ đạo thực hiện nội dung tuyên truyền thông qua các ấn phẩm như tờ rơi, hay dựng các video về lễ hội, thông tin tới đối tượng người nghe về lịch sử ra đời, mục đích lễ hội, giá trị lễ hội, những điều kiêng kỵ... để phổ cập thông tin một cách mạnh mẽ hơn tới những đối tượng là người đầu tiên biết đến lễ hội truyền thống. Người viết tin rằng, trong xã hội hiện nay đặc biệt với sự trợ giúp của công nghệ hiện đại, không khó để thực hiện các hoạt động quảng bá,

tuyên truyền, đặc biệt trên nền tảng truyền thông số để đưa lễ hội của người dân tộc Phu Thai được nhiều người biết đến hơn.

Bên cạnh việc tuyên truyền bằng các ấn phẩm thì việc mà người viết cho rằng cần phải thực hiện đó là dựng các tấm bảng hướng dẫn du khách về những điều cấm khi tham gia lễ hội hoặc những bảng thông tin về không gian lễ hội, thời gian diễn ra các phần của lễ hội để cả người dân và khách du lịch nắm được.

Người viết thấy rằng tại Việt Nam, một số điểm du lịch tâm linh đã làm rất tốt công tác này. Ví dụ tại Phủ Tây Hồ, Hà Nội, luôn có lực lượng bảo vệ tại các vị trí nhọt lổ vào Phủ và có biển cấm không thắp nhang trong phủ bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Người làm lễ chỉ có thể thắp nhang ngoài cửa Phủ và cắm vào lọ hương, không được phép cầm hương đi vào nơi thờ cúng để tránh việc gây ra hỏa hoạn hay không khí bí bách, thiếu ô xi cũng nhọt hiện tượng lãng phí. Hay tại Tháp Bà Ponagar của người Chăm tại Nha Trang, Khánh Hòa, ngay từ lổ vào đã có biển cấm không cho du khách mặc áo không cổ và quần/váy ngắn trên đầu gói vào làm lễ bằng tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Nga và tiếng Trung. Đồng thời có các gian hàng cho thuê quần áo hành lễ để khách du lịch hay người tham quan do không biết điều kiêng kị mà mặc quần áo chotr đúng chuẩn có thể thuê để vào tham quan bên trong ngôi đền. Người viết thấy rằng rất cách quản lý này vừa giúp người địa phương vừa có thêm thu nhập, lại giúp khách tham quan hiểu hơn về văn hóa địa phương cũng nhọt không cản trở họ tham quan.

Ngoài đối tượng tuyên truyền là khách tham quan, du lịch thì cần chú ý tới các đối tượng trực tiếp làm nhiệm vụ và kinh doanh tại các khu vực lễ hội. Theo đó, cần phải có những buổi tuyên truyền, tập huấn về tinh thần, thái độ phục vụ và cách ứng xử đối với khách du lịch, thể hiện bản sắc địa phương. Các chủ thể là nhà sotr, pháp sotr trực tiếp hành lễ cũng là nhóm đối

toạong cần đợc tuyên truyền để họ ý thức đợc việc thực hiện nghi lễ nhợng phải đảm bảo tuân thủ pháp luật, gìn giữ những bản sắc truyền thống và giảm các tiêu cực trong lễ hội.

4.2.4. Công tác hỗ trợ và an ninh lễ hội

Các cấp quản lý cần bố trí lực lượng thích hợp làm công tác đảm bảo an ninh, trật tự tại nơi diễn ra lễ hội và kịp thời hướng dẫn, giải đáp cho khách tham quan phù hợp với lễ tục

Để làm đợc điều này, nhất là chính quyền cấp huyện Songkhone cần huy động lực lượng công an huyện trực tiếp xuống địa phương trong những ngày diễn ra lễ hội để đảm bảo an ninh, trật tự tại lễ hội. Những cán bộ chiến sĩ công an tại lễ hội cần phải có chung nhận thức bảo vệ an ninh trật tự tại lễ hội cũng quan trọng nhợ làm các nhiệm vụ an ninh khác; kiên quyết trấn áp các hoạt động lợi dụng lễ hội, lợi dụng tôn giáo để trục lợi; xử lý các đối tượng trộm cắp, hay ăn xin tại lễ hội. Cùng với việc xây dựng các bảng hướng dẫn thì những chiến sĩ này đồng thời kiêm nhiệm luôn việc hướng dẫn, thông tin cho khách du lịch, khách tham quan tới tham quan để biết cách hành xử cho đúng mực, phù hợp với những yêu cầu chung, không làm mất mỹ quan của lễ hội truyền thống.

4.2.5. Nâng cao ý thức khi tham gia lễ hội truyền thống của người dân

Những người dân tộc Phu Thai là lực lượng đông đảo trực tiếp tham gia vào lễ hội truyền thống. Những biến đổi của lễ hội trong bối cảnh hiện nay cũng có liên quan tới họ. Nhằm giảm những biến đổi tiêu cực của lễ hội, chính những người dân Phu Thai cần nâng cao tính cộng đồng, tự tuyên truyền và nhắc nhở nhau về truyền thống tốt đẹp của dân tộc; thực hành sống tiết kiệm, giản dị. Trọng bản đóng vai trò chủ lực là người đứng ra trong các cuộc họp làng, cần nêu cao hơn nữa vị trí của mình trong việc thống nhất ý

chí của người dân, phê bình những tròng hợp lãng phí, là hiện tượng xấu trong cộng đồng, tuyên dương những tấm gương tốt để noi theo. Việc tuyên truyền tại cộng đồng người viết cho rằng sẽ là một giải pháp hiệu quả, nâng cao ý thức tự giác của mỗi cá nhân trong cộng đồng người dân tộc Phu Thai nhằm gìn giữ và phát huy nét đẹp truyền thống của dân tộc mình.

Kết luận chương 4

Qua sự thay đổi của thời gian và trải qua những thăng trầm của lịch sử, lễ hội Khoun Khoan Khao không tránh khỏi quy luật của tự nhiên đó là sự biến đổi. Những biến đổi của lễ hội diễn ra trong suốt chiều dài lịch sử, tuy nhiên đã chúng không ngừng tăng tốc từ sau đổi mới. Người viết đã phân tích các vấn đề nhọt tăng trưởng kinh tế, toàn cầu hoá là những nguyên nhân dẫn tới sự biến đổi của lễ hội Khoun Khoan Khao. Việc chỉ ra các nguyên nhân trực tiếp và gián tiếp dẫn đến sự biến đổi lễ hội này giúp người viết đề xuất một số khuyến nghị chính sách bảo tồn và phát huy di sản lễ hội Bun Khoun Khoan Khao người Phu Thai tại Songkhone, tỉnh Savannakhet để đảm bảo việc lễ hội của người Phu Thai thích ứng với sự vận động, phát triển của kinh tế song vẫn giữ được những nét đẹp và độc đáo trong văn hóa của dân tộc mình.

KẾT LUẬN

Lễ hội truyền thống đối với người dân khu vực Đông Nam Á là hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng, có ý nghĩa và vị thế quan trọng trong đời sống tâm linh, xã hội và văn hóa theo suốt chiều dài của lịch sử. Lễ hội truyền thống là sự kết tinh của giá trị văn hóa, đạo đức, tín ngưỡng của mỗi dân tộc, mỗi vùng miền, mỗi quốc gia. Là một đất nước với 50 dân tộc anh em cùng chung sống, Lào được biết đến là quốc gia có nhiều lễ hội truyền thống đặc sắc, gắn với nền văn minh lúa nước, được hun đúc và lưu truyền qua nhiều thế hệ. Một mặt, lễ hội truyền thống có giá trị quan trọng đối với đời sống tín ngưỡng và tâm linh của người dân Lào, mặt khác đã đưa đất nước Lào ghi danh trên bản đồ di sản thế giới, được đông đảo bạn bè quốc tế biết đến với biệt danh “quốc gia của những lễ hội”.

Trong số rất nhiều lễ hội truyền thống đặc sắc của Lào thì lễ hội Bun Khoun Khoan Khao có giá trị riêng biệt. Lễ hội Bun Khoun Khoan Khao hay lễ hội mừng lúa mới/cầu mùa là giá trị văn hóa và di sản tinh thần mà cộng đồng người Phu Thai đã tích lũy qua hàng ngàn năm, tạo nên truyền thống mang dấu ấn bản sắc của dân tộc mình. Đây là dịp để người dân Phu Thai bày tỏ lòng biết ơn và thành kính của mình tới nữ thần lúa gạo, vị thần bảo hộ mùa màng trong thế giới tâm linh của người Phu Thai, cũng như sự trân trọng và biết ơn tới những người đã lao động vất vả để làm ra hạt gạo. Tuy nhiên, mặc dù việc nghiên cứu về lễ hội truyền thống là một đề tài không mới nhưng cho tới nay, cả trên thế giới và tại Lào vẫn chưa có một công trình nghiên cứu cụ thể nào về lễ hội này. Các công trình nghiên cứu hiện nay chủ yếu xoay quanh đời sống, sinh kế của người dân Phu Thai, hoạt động tín ngưỡng, tâm linh hay lễ hội truyền thống chưa được khai thác một cách chuyên sâu. Thực tế này có thể dẫn tới những giá trị văn hóa độc đáo của dân tộc này có thể bị mai một nếu như không được bảo vệ và phát huy.

Trong phạm vi nghiên cứu của mình, luận văn tập trung tìm hiểu, mô tả lễ hội Bun Khoun Khoan Khaon vào hai giải đoạn, trước và sau khi đất nước Lào thực hiện công cuộc đổi mới một cách toàn diện vào năm 1986. Qua nghiên cứu cho thấy, mặc dù cộng cư với nhiều dân tộc anh em khác, cộng đồng người dân tộc Phu Thai tại bản Nakala, huyện Songkhone, tỉnh Savannakhet vẫn giữ được những nét đặc trưng riêng trong tập tục đời sống của mình. Lễ hội Khoun Khoan Khaon được tổ chức trước năm 1986 mang đậm đặc trưng tín ngưỡng và văn hóa của người Phu Thai.

Qua sự thay đổi của thời gian và trải qua những thăng trầm của lịch sử, lễ hội Khoun Khoan Khaon nói riêng và lễ hội truyền thống nói chung không tránh khỏi quy luật của tự nhiên đó là sự biến đổi. Những nguyên nhân tới từ tác động của nền kinh tế thị trường, những yếu tố của lịch sử dẫn đến sự thiên di của người dân Phu Thai tới địa phương khác sinh sống và sự hấp thụ văn hóa đã dẫn tới sự biến đổi của lễ hội này của người Phu Thai. Một mặt, những tác động bên ngoài giúp cho lễ hội cầu mùa “thích nghi” để trở nên phù hợp hơn với khuôn khổ cuộc sống hiện đại, loại bỏ dần những hủ tục không còn phù hợp, giữ lại những giá trị văn hóa – tín ngưỡng truyền thống tốt đẹp. Mặt khác, trong bối cảnh công nghiệp hoá và toàn cầu hoá, lễ hội này có khả năng bị mai một đi, tính trang nghiêm của nghi lễ truyền thống có thể bị ảnh hưởng và lễ hội biến thành cơ hội để thương mại hóa văn hoá truyền thống.

Việc nghiên cứu sự biến đổi của lễ hội Bun Khoun khoan khao của cộng đồng người dân tộc Phu Thai tại huyện Songkhone, tỉnh Savannakhet đã cho thấy sự nỗ lực về sáng tạo của cộng đồng trong quá trình bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng không thể phủ nhận những tác động tiêu cực mà nếu họ không có những biện pháp ngăn chặn kịp thời thì nguy cơ mai một và biến tướng lễ hội truyền thống là rất lớn.

Chính vì vậy, trong phạm vi khuôn khổ nghiên cứu của luận văn, tác giả đã đưa ra một số đề xuất trên cơ sở phân tích những nguyên nhân của những biến đổi theo hướng tiêu cực của lễ hội. Tác giả hi vọng kết quả nghiên cứu của mình sẽ là cơ sở để các nhà quản lý, chính quyền địa phương huyện Songkhone có thể sử dụng để xây dựng biện pháp thích hợp bảo tồn và gìn giữ giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của cộng đồng người Phu Thai thông qua lễ hội Bun Khoun khoan khao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Đinh Thị Dung (2014), “Lễ Hội Việt Nam – nhìn từ góc độ thích ứng và hội nhập văn hóa”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, Hà Nội.
2. Vũ Dũng (2011), *Tâm lý học – một số vấn đề lý luận và thực tiễn*,
3. Hoàng Giang (2015), “Ý nghĩa của những con số lẻ khi thấp hơong”, *Phật Giáo*, <https://phatgiao.org.vn/y-nghia-cua-nhung-con-so-le-khi-thap-huong-d38887.html>, ngày cập nhật 09/06/2020.
4. Sa Môn Thích Tịnh Hạnh, *Kinh Thi Đấng Công Đức*, Đại Tập 65 – Bộ Kinh Tập XII Số 674 – 720, Nhà xuất bản Phật giáo.
5. Lê Văn Kỳ (2002), *Lễ hội nông nghiệp Việt Nam*, Viện Văn hóa dân gian, Hà Nội.
6. Trần Bình Minh (2000), *Những tương đồng giữa các lễ hội cổ truyền Đông Nam Á*, Viện Văn hóa, Nhà xuất bản Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
7. Phạm Lan Oanh (2015), *Hướng dẫn quản lý, tổ chức lễ hội truyền thống ở cơ sở*, nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Nguyễn Ngọc Phách (2004), *Chữ Nho & đời sống mới*, Tổ hợp Xuất bản Miền Đông Hoa Kỳ.
9. Bùi Thiét (2000), *Từ điển hội lễ Việt Nam*, Nhà xuất bản Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.

10. Ngô Đức Thịnh (2001), “Những giá trị của lễ hội cổ truyền trong đời sống xã hội hiện nay”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, (số 3), tr.7-8.

Tài liệu tiếng Anh

11. Allen D. (07/072017), “Mythological Girls: Phosop”, Girl Museum Inc, <https://www.girlmuseum.org/mythological-girls->

20. Janyacharoen T., Srisamai T., Sawanyawisuth K. (2018), “An Ancient Boxing Exercise Improves Physical Functions, Balance, and Quality of Life in Healthy Elderly Persons”, www.ncbi.nlm.nih.gov,

<https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC6304610/>, truy cập ngày 30/05/2020.

21. Jotisakulratana P. (2003), “Mae Po sop: The Rice Mother of Thailand”, access at https://web.archive.org/web/20070526103719/http://www.awakenedwoman.com/pairin_rice_mother.htm, truy cập ngày 27/05/2020.

22. McIntosh LC. (2009), *Textiles of the Phu Thai of Laos*, Thesis submitted in partial fulfillment of the requirements for the degree of doctor of philosophy, Simon Fraser University.

23. Ministry of Planning and Investment(2019), “Provisional report of the Fourth Lao Population and Housing Census 2019”, Lao.unfpa.org, <https://lao.unfpa.org/en/publications/provisional-report-4th-lao-population-and-housing-census-2015>, truy cập ngày 12/07/2020.

24. Ngaosyvathn M. (1990), “Individual Soul, National Identity: The “Baci-Sou Khuan” of the Lao”, *Sojourn: Journal of Social Issues in Southeast Asia*, Vol. 5, No. 2, tr.283 – 307.

25. Pacquement J. (2015), *Languages in contact: The case of Phu Thai*, France Roi-Et Rajabhat University, Thailand.

26. Schliesinger, J. (2003a), *Ethnic groups of Laos. Volume 1. Introduction and overview*(Vol. 1). Booksmango.

27. SfetcuN.(1993), “TheMusicsound”, ebooks, <https://www.setthings.com/en/e-books/music-sound/>, truy cập ngày 14/07/2020.

28. Sparkes S. (2000), *Rice for the ancestors: Food offerings, kinship and merit among the Isan of Northesat Thailand*, In *Kinship and Food in Southeast Asia*. NIAS Press, Copenhagen, pg. 223-241.

29. Stuart M. (2008), *Historical Dictionary of Laos*, Scarecrow Press, 3rd, Lanham, MD, United States.

The Ethnic Groups in Lao P.D.R(2008), Printed: Department of Ethnic Affairs.

43. ອຸສວງ ຂັນວິວ (2017), ສະຫວັດຊື່ ຈຸນຍຸຕິ າກະລາ, ມະເຂດສະຫວັດ ມະເຂດ, ມະເລກວ, ມີ ນັບ ຈຸດ ງຸດ ສະຫວັດ ມະເຂດ.

Thongsouay Khantivong (2017), *Lịch sử bản Nakala, Savannakhet, Lào*, Nhà xuất bản Savannakhet.

Tài liệu tiếng Pháp

44. Stringler Florence (15/06/2011), *L'alimentation des Laotiens. Cuisine, recettes et traditions au Laos et en France*, KARTHALA Editions.

PHỤ LỤC 1. CÂU HỎI PHÒNG VẤN SÂU

Tên đề tài:Biến đổi lễ hội ở Lào từ đổi mới (1986) qua trường hợp lễ hội Bun Khoun khoan khao của người Phu Thai, huyện Songkhone, tỉnh Savannakhet.

Thưa Ông/bà, chúng tôi đang thực hiện thu thập các thông tin để tìm hiểu về Lễ hội Bun Khoun Khoan Khao tại hai địa điểm là huyện Songkhone, tỉnh Savannakhet và thủ đô Viêng Chăn của nước Cộng hòa nhân dân Lào. Trên cơ sở mục tiêu nghiên cứu, chúng tôi xin được phỏng vấn ông/bà về một số vấn đề liên quan đến đề tài. Vì vậy, chúng tôi rất mong ông/bà trả lời trung thực mọi những gì các ông/bà nghĩ, các thông tin này sẽ được bảo mật và không ai biết danh tính của các ông/bà.

A. Thông tin chung

1. Tên:Giới tính:Sinh năm:.....
2. Nơi ở:.....Từ năm:
3. Nghề nghiệp:.....
4. Khác: (trình độ văn hóa)

B. Câu hỏi phỏng vấn

1. Phần 1 – Tổ chức Lễ hội Bun Khoun Khoan Khao tại thủ đô

Viêng Chăn

- Câu hỏi 1: Xin cho biết ông/bà đến Viêng Chăn bao lâu rồi? Hàng năm, tại Viêng Chăn này, ông bà vẫn luôn tham gia lễ hội Bun Khoun Khoan Khao phải không?

- Câu hỏi 2: Việc tổ chức lễ hội này có gì khó khăn không khi mà không có một quần thể làng bản nhỏ ở huyện Songkhone, tỉnh Savannakhet?

- Câu hỏi 3: Khi tổ chức lễ hội Bun Khoun Khoan Khao, hàng năm đều thực hiện đủ các thủ tục và các nghi lễ giống như ở huyện Songkhone hay có

loại bỏ nghi lễ nào không? Nếu có, vì sao lại loại bỏ nghi lễ đó?

- Câu hỏi 4: Những yếu tố nào làm thay đổi cách thức tổ chức lễ hội từ sau khi Nhà nước thực hiện đổi mới kinh tế (các nghi lễ, cách thức thực hiện các phần lễ...)?

2. Phần 2 – Ý nghĩa của lễ hội Bun Khoun Khoan Khao (hỏi chung tại hai địa điểm phỏng vấn)

- Câu hỏi 5: Xin ông/bà cho biết, lễ hội Bun Khoun Khoan Khao trước đây được mọi người tổ chức với mục đích gì? Ý nghĩa của việc tổ chức lễ hội đối với cuộc sống của người dân bản Nakala, huyện Songkhone, tỉnh Savannakhet?

- Câu hỏi 6: Hiện nay, nền kinh tế thị trường đã làm thay đổi cuộc sống của rất nhiều người dân, vậy mục đích tổ chức lễ hội có khác gì so với trước đây? Những người trẻ tuổi hiện nay có còn giữ được sự nhiệt tình với việc tổ chức lễ hội này hay không?

3. Phần 3 – Suy nghĩ của người dân về lễ hội Bun Khoun Khoan Khao (hỏi chung tại hai địa điểm phỏng vấn)

- Câu hỏi 7: Theo ông/bà, lễ hội Bun Khoun Khoan Khao có ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực đến cuộc sống, lối sống của người dân? Những ảnh hưởng đó là gì?

- Câu hỏi 8: Việc tổ chức lễ hội có vai trò giáo dục như thế nào tới bộ phận những người trẻ tuổi trong các gia đình?

Cảm ơn sự hợp tác của ông/bà!

PHỤ LỤC 2. MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ NGƯỜI PHU THAI VÀ LỄ HỘI BUN KHOAN KHOAN KHAO

Nguồn ảnh: Trong thời gian điền dã dân tộc học tại bản Nakala, (Songkhone, Savanakhet), tác giả có sử dụng kỹ thuật chụp ảnh. Ngoài ra tác giả còn sưu tầm rất nhiều tài liệu ảnh từ các gia đình người Phu Thai trong bản. Đối với các ảnh chụp lễ hội Khoun Khoan Khaocủa người Phu Thai tại thủ đô Viêng Chăn, tác giả đã trực tiếp tham gia được lễ hội này năm 2020, ngoài ra tác giả cũng sưu tầm sưu tầm nhiều ảnh từ nhiều người quen là người Phu Thai ở bản Nakala nhưng có người thân ở Viêng Chăn.

1. Nhóm hình ảnh về người Phu Thai



Hình 1.1: Trang phục cổ truyền của người Phu Thai (Ảnh: Ther Una, 2020)



Hình 1.2: Nhà của người Phu Thai tại bản Nakala (Ảnh: Sone Khantivong, 2020)



Hình 1.3. Người phụ nữ Phu Thai đang tạo họa tiết cho việc dệt vải (Ảnh: Nang Khantivong, 2020)



Hình 1.4. Phụ nữ và trẻ em bản Nakala đàn trống mây để bán (Ảnh: Nang Khantivong, 2020)



Hình 1.5. Sản phẩm dệt tay nổi tiếng của người Phu Thai tại làng Nakala (Ảnh: Loungfa Khantivong, 2020)



Hình 1.6. Trang phục thường ngày của phụ nữ Phu Thai tại làng Nakala (Ảnh: Loungfa Khantivong, 2020)

2. Nhóm hình ảnh về lễ hội Bun Khoun Khoan Khao



Hình 2.1: Người dân đang chờ dâng đồ lễ (Ảnh: Loungfa Khantivong, 2020)



Hình 2.1: Trang phục của các cô gái Phu Thai tại lễ hội (Ảnh: Phuthaitera Culture Garden, 2020)



Hình 2.3: Âm nhạc người Phu Thai (Ảnh: Phuthaitera Culture Garden cung cấp, 2020)



Hình 2.4: Cà thông (Ảnh: Loungfa Khantivong, 2020)



Hình 2.5: Quang cảnh buổi lễ
(Ảnh: Loungfa Khantivong, 2020)



Hình 2.7: Nghi thức buộc chỉ cổ tay
(Ảnh: Loungfa Khantivong, 2020)



Hình 2.6: Tháp lúa tại “làn khâu”
(Ảnh: Chin Khantivong, 2018)



Hình 2.8: Các cô gái Phu Thai trong cuộc thi sắc đẹp (Ảnh: Ming Khantivong, 2019)



Hình 2.9: Hình ảnh lễ hội Bun Khoun Khoan Khao tại Viêng Chăn (Ảnh: Loungfa Khantivong, 2020)



Hình 2.10: Người ngồi hàng đầu sờ tay vào Pha khuon để nhận may mắn trong nghi thức buộc chỉ cổ tay (Ảnh: Loungfa khantivong, 2020)



Hình 2.11: Một số nhạc cụ truyền thống của người Phu Thai (Ảnh: Loungfa Khantivong, 2020)

